



BÙI KHA

Tuyển tập 1

Về: A. de Rhodes & chữ Quốc ngữ, Trương Vĩnh Ký,
Trần Lục và Ngô Đình Diệm

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Bài 1: Alexandre de Rhodes & chữ Quốc ngữ	4
<i>Góp ý với GS. Chương Thâu</i>	
Bùi Kha	
Bài 2: Alexandre de Rhodes	29
<i>Đối luận với tác giả Hoàng Hưng</i>	
Bùi Kha	
Bài 3. Alexandre de Rhodes	46
<i>Trả lời ông Phạm Quang Tuấn & Phong Uyên</i>	
Bùi Kha	
Bài 4. Alexandre de Rhodes & chữ Quốc ngữ	67
Bùi Kha	
Bài 5. Linh mục Đắc Lộ	82
<i>Biện chính với ông Nguyễn Đình Đầu</i>	
Bùi Kha	
Bài 6. <i>Trần Lục, anh tài, vĩ nhân?</i>	97
Bùi Kha	
Bài 7. <i>Trương Vĩnh Ký, yêu nước?</i>	133
Bùi Kha	
Bài 8. <i>Ngô Đình Diệm bẫy nguyên nhân thất bại</i>	163
Bùi Kha	
Bài 9. Thay đổi lịch sử	200
Bùi Kha	

LỜI NÓI ĐẦU

Lịch sử thường bị hiểu sai do người nghiên cứu thiếu sử liệu, mang tính chính trị thời đại, bạn bè, nặng cảm tình tôn giáo hoặc thiếu lương tâm trách nhiệm với “sản phẩm” của mình.

Vì thế, mấy thập niên qua người ta vinh danh nhiều kẻ đáng lên án và lên án kẻ cần được vinh danh. Ông Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ), Trần Lục, Trương Vĩnh Ký và Ngô Đình Diệm thuộc thành phần cần lên án, nhưng ít nhiều, lại được vinh danh, do có người vì mặc cảm tôn giáo, óc địa phương và hoặc bất chấp những sự kiện xác tín của lịch sử.

Tai hại của vấn đề là, vô tình hay cố ý, người ta đã đánh đồng sắp kẻ phản quốc ngang hàng với những anh hùng dân tộc.

Tuyển Tập này gom lại và in thành sách gồm một số các bài viết trước đây về bốn “nhân vật” nêu trên, mà phần lớn, các bài này, đã đăng trên các diễn đàn, tạp chí hoặc sách, tôi vẫn luôn luôn cố gắng theo gót người xưa, là tìm lại những dấu tích của lịch sử khả tín để đặt lại cho đúng vị trí của các “danh

nhân” này trong dòng sử Việt.

Dù đầy lương tâm và bám sát những sử liệu đáng tin cậy, nhất là những sử liệu lại do chính bốn “nhân vật” này cho thấy là, chứ không phải họ cần phải được hiểu là, như nhiều năm qua. Do đó, mong các bậc cao minh chỉ giáo cho những khiếm khuyết, nếu có.

Bùi Kha

Hè 2016

Bài 1

A. De Rhodes & Chữ quốc ngữ. Góp ý với Gs Chương Thâu*

Bùi Kha

Trong số các nhà nghiên cứu về linh mục **Alexandre de Rhodes** (Đắc Lộ), gần đây, ngoại trừ một số thuần túy đứng trên quan điểm sử học, số còn lại có những khuynh hướng chính sau đây:



1. Nhìn linh mục **A. de Rhodes** dưới nhãn quan của một người Kitô. Người tiêu biểu cho khuynh hướng này là linh mục Hồng Nhuệ **Nguyễn Khắc Xuyên** (Paris).

2. Nhìn **A. de Rhodes** vừa có tính tôn giáo vừa có tính văn hóa và chịu ảnh hưởng của tình hình văn hóa chính trị trong nước mà tiêu biểu là giáo sư Chương Thâu qua bài “*Từ một câu chữ của Alexandre de Rhodes đến các dân dụng khác nhau*” đăng trong nguyệt san ‘*Hiệp Nhất*’ số 43, tháng 7, 1996 tại miền Nam California, Hoa Kỳ.

Trong bài góp ý dưới đây, tôi cố gắng thoát ra ngoài các thiên kiến vừa kể và chỉ dựa vào sử liệu cũng như bối cảnh lịch sử để tìm hiểu linh mục **A. de Rhodes**, nhằm góp phần thẩm định lại cho đúng về vai trò của ông trong bối cảnh lịch sử **Việt Nam** trước và trong thời gian Pháp đô hộ, nhân đó xét lại nguồn gốc chữ Quốc ngữ.

* * *

Phần I

Nguồn Gốc Chữ Quốc ngữ

Ai là người đầu tiên nghĩ ra chữ Quốc ngữ theo mẫu tự La Tinh, là một đề tài đã tốn khá nhiều giấy mực. Để bạn đọc có cái nhìn khách quan hơn, tôi xin trích dẫn ý kiến của *chín* sử gia và các nhà nghiên cứu về nguồn gốc chữ Việt, để bổ túc ý kiến của một số bài viết gần đây về linh mục **Đắc Lộ**.

1. Phan Xuân Hòa, “*Lịch sử Việt Nam*” (quyển 3, Sài Gòn), tác giả cho rằng chữ Việt bắt nguồn từ một giáo sĩ Nhật Bản:

“Để truyền giáo ở Nhật, một giáo sĩ Nhật Bản tên là Yagiyo dùng chữ cái Latinh để phiên âm tiếng Nhật Bản. Thứ chữ này gọi là Romaji, xuất hiện vào năm 1548.

Các giáo sĩ người Âu, khi đến Việt Nam, dùng ngay Romaji để giảng đạo cho các tín đồ Nhật Bản buôn bán ở Hội An. Từ đó, các giáo sĩ nghĩ đến sự cùng dùng chữ cái Latinh để phiên âm tiếng Việt Nam mà giảng đạo cho tín đồ bản xứ”.

2. Phạm Văn Sơn, “*Việt sử tân biên*” (quyển 4, Sài Gòn, 1961, tr.128) cũng có ý kiến tương tự. Ông viết:

“Vào năm 1621, hai giáo sĩ *Francois de Pina* và *Christoforo Borri* có làm được một cuốn Kinh Nghĩa bằng Nam ngữ. Kinh này là một thứ tiếng Nôm không phải viết bằng Hán Việt. Một số thông ngôn dựa vào việc dựng ra tiếng này. Tiếng Nôm đây là thứ chữ Latinh của Châu Âu phiên âm theo tiếng Việt nghĩa là người ta La Mã hóa tiếng Việt để thành một thứ Quốc ngữ trước cả chữ Quốc ngữ của *A. de Rhodes*”.

3. Đỗ Quang Chính, “*Diễn Đàn Paris*”(số 8, tháng 5, 1992): “Các giáo sĩ **Franceco Buzumi** (Ý), **Diego Carvalho** (Bồ), **Pedro Marques** (cha Bồ, mẹ Nhật), v.v... đã biết sử dụng phương pháp ghi âm tiếng Việt bằng mẫu chữ Latinh. Thậm chí, có những giáo sĩ Dòng Tên đến Đại Việt cùng một lúc với *Alexandre de Rhodes*, như *Gaspar d’Amaral* (Bồ) có trình độ Quốc ngữ giỏi hơn *Alexandre de Rhodes* nhiều”.

4. Hoàng Cơ Thụy, trong “*Việt sử khảo luận*” (cuốn 2, tập 4, chương 2, Nam Á, Paris, 1989, trang 703&704):

“Nên biết thêm rằng LM **Gaspar d’Amaral** có viết một quyển từ điển Việt-Bồ, sau trao lại cho LM Đắc Lộ. Ông **d’Amaral** bị chết đuối ở gần đảo Hải Nam ngày 23-12-1645, vậy cuốn từ điển của ông đã được soạn khoảng 1631-1645, và trao cho linh mục Đắc Lộ ở Áo Môn hồi mùa đông 1645.

Còn về linh mục *Alexandre de Rhodes* tức Đắc Lộ, ông có tới giảng đạo tại nước Nam hai lần: lần đầu từ 1624 đến 1630 (ở Đàng Trong rồi Đàng Ngoài, và bị Chúa Trịnh Tráng trục xuất), lần sau từ 1640 đến 1645 (ở Đàng Trong rồi bị Chúa Nguyễn Phúc Lan trục xuất).

...

Nhưng sau ông được thừa hưởng hai cuốn từ điển viết tay

là cuốn: Từ điển Việt-Bồ nói trên... và cuốn Từ điển Bồ-Việt của linh mục Antonio Barbosa (Bồ Đào Nha, 1594-1647), đến giảng đạo ở Đàng Ngoài hồi 1636-1642, chết bệnh năm 1647...

Cả hai cuốn sách quý giá ấy về sau bị thất lạc nhưng đã giúp cho linh mục Đắc Lộ cải thiện rất nhiều chữ Quốc ngữ của ông... Nói tóm lại, linh mục Đắc Lộ không phải là người đầu tiên sáng tạo ra chữ Quốc ngữ. Ông chỉ có công phổ biến rộng rãi chữ Quốc ngữ, với sự giúp đỡ vật chất rất đầy đủ của Bộ Truyền giáo tại La Mã năm 1651”.

5. Linh mục Phan Phát Huồn, “Việt Nam giáo sử”, quyển 1 (1533-1933), Sài Gòn, 1965:

“Ngài không phải là người đầu tiên sáng chế ra Việt ngữ, nhưng là người có công nhất trong việc tu sửa một thứ chữ đang trong thời kỳ phôi thai. Công việc tu sửa ấy là một sự nghiệp lớn lao...” (tr. 130).

6. Vũ Ngọc Phan, “Nhà văn hiện đại”, quyển nhất, Tủ Sách Tao Đàn, Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, năm Tân Ty, 1941. Nhà văn Vũ Ngọc Phan tương đồng với nhà sử học Hoàng Cơ Thụy như sau:

“Vào khoảng cuối thế kỷ XVI, có các giáo sĩ người Bồ Đào Nha là bọn các ông cố Gaspard Amiral (đúng ra phải viết Gaspar d’Amiral, BK), Antoine Barbore cùng các giáo sĩ người Pháp và người Nhật đến Bắc Kỳ. Rồi kế đến ông Alexandre de Rhodes tới Nam Kỳ từ tháng Chạp tây năm 1624... Cố Alexandre de Rhodes ra Bắc Kỳ ngày 19 tháng Mai 1625; rồi đến năm 1651, ông xuất bản hai quyển bằng Quốc ngữ nhan đề: Dictionarium Annamiticum và Catechismus. Cố Alexandre de Rhodes nói hai quyển này soạn theo bản của hai giáo sĩ Gaspard Amiral (Gaspar d’Amiral, BK) và Antoine Barbore. Như vậy, thứ chữ Quốc ngữ chúng ta hiện dùng ngày nay không phải do một người đặt ra, mà do ở nhiều người góp sức...” (tr.

22&23).

7. Hoàng Tuệ, “*Tuổi Trẻ Chủ Nhật*”, 1993, TP. HCM, Việt Nam, với tựa đề “*Ai làm ra chữ Quốc ngữ?*”.

Đây là một bài viết nghiêm túc, mặc dầu còn nhiều điều cần khai triển thêm:

“...có giả thuyết cho rằng chữ Quốc ngữ là công trình không phải của duy nhất ai, đặc biệt của riêng de Rhodes, mà là của nhiều người. Giả thuyết này không vu vơ, mà có căn cứ” (tr. 14).

8. Đào Duy Anh, “*Việt Nam văn hóa sử cương*”, NXB Đồng Tháp.

“Xưa kia Việt ngữ vốn viết bằng chữ Nôm, nhưng từ khi phép học đổi mới thì Việt ngữ lại viết bằng một thứ chữ mới gọi là chữ Quốc ngữ. Thứ chữ này nguyên do các nhà truyền giáo sư Gia Tô đặt ra. Vào khoảng thế kỷ 16, 17, khi các nhà ấy mới sang nước ta, thì có lẽ mỗi người lấy tự mẫu của nước mình mà đặt ra một lối chữ riêng để dịch tiếng bản xứ cho tiện việc giảng dạy tín đồ. Các lối chữ riêng ấy sau do hai nhà truyền giáo sư người Bồ Đào Nha, rồi sau đến cố A. de Rhodes người Pháp tổ chức lại thành một thứ chữ thông dụng chung trong truyền giáo hội, tức là thủy tổ của chữ Quốc ngữ ngày nay...”

9. Joseph Buttinger, “*The Smaller Dragon, A Political History of Vietnam*”, Frederick A. Praeger, New York. J. Buttinger, một sử gia có uy tín về lịch sử Việt Nam, người Hoa Kỳ, cũng cho thấy cha Đắc Lộ không phải là người đầu tiên sáng lập chữ Quốc ngữ:

“*Chữ Quốc ngữ không phải do Alexandre de Rhodes sáng nghĩ ra như phần lớn các tác giả nói, trong đó có hai người Ý và Bồ Đào Nha, là giáo sĩ Gaspar d’Amiral và Antonio de Barbosa... Đây cũng là hai tác giả đầu tiên của cuốn Từ điển*

Việt-Bồ...”

(Quốc ngữ was not invented by Alexandre de Rhodes, as most authors say, but by Italian and Portuguese missionaries two of whom, Gaspar d' Amiral and Antonio de Barbosa were the authors of the first Portuguese Vietnamese Dictionary, (Chapter 4).

10. Tiến sĩ thần học linh mục Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên, Tạp chí “*Ngày Nay*”, Texas, 1993: “*Gởi Giáo Sư Hoàng Tuệ Bàn Về Chữ Quốc ngữ Trên Tờ Tuổi Trẻ*”.

Tôi chỉ nêu tên bài viết để độc giả muốn tìm hiểu thêm thì tra cứu chứ không trích dẫn vì vị tiến sĩ thần học này có những lời lẽ thiếu văn hóa lúc viết về một vấn đề văn hóa. Ông Nguyễn Khắc Xuyên có vẻ chỉ muốn “**đổi đầu**” đầy tính phỉ báng GS Hoàng Tuệ chứ không “**đối thoại**” với thái độ nghiêm túc.

Phần II

Phải Chăng Những Hoạt Động Của LM. A. De Rhodes Là Nguyên Nhân Đầu Tiên Để Pháp Đánh Chiếm Việt Nam?

Dưới đây tôi trích dẫn quan điểm của năm tác giả sống ở nước ngoài và một ở trong nước để trả lời câu hỏi nêu trên.

1. Nguyễn Xuân Thọ, “*Les Débuts de L’Installation du Système Colonial Français au Vietnam (1858-1897)*”, bản dịch Việt ngữ có tựa đề: “*Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam (1858-1897)*”, California, 1994.

Lúc diễn tả về ý định thâm kín của giáo sĩ Dòng Tên A. de

Rhodes, tiến sĩ Nguyễn Xuân Thọ trích dẫn lời của Đô đốc Charles Meyer như sau:

“Các giáo sĩ đã đến Việt Nam rất lâu trước khi có cuộc chinh phục.

Đến Bắc Kỳ ngay từ 1624, Alexandre de Rhodes đã để lại xứ sở này những trang miêu tả hào hứng, ông ta viết:

“Đây là một xứ sở thần tiên, đẹp, phì nhiêu, khí hậu tuyệt vời, và lụt lội thì mang lại những điều bổ ích, ông ta viết. Dân chúng rất giàu và những thầy thuốc của họ rất giỏi giang khéo léo: công lý ngự trị khắp nơi và tội ngoại tình thì bị nghiêm trị...” (NXT, sách đã dẫn, trang 359).

Đoạn 5, chương I cũng cho thấy:

“Nước Pháp đã rất nhanh chóng thay chân Bồ Đào Nha trong sự nghiệp truyền đạo tại Đông Dương (tức Indochine), nhờ sự hoạt động cá nhân của linh mục Alexandre de Rhodes, thuộc dòng J su tes (D ng T n), đã không ngừng làm công tác tuyên truyền tại Rome, rồi tại Pháp, với những nhân vật thân cận của Richelieu, và từ 1625 đến 1630, đã phát triển Kitô giáo tại Nam Bộ và Bắc Bộ. Chẳng bao lâu, những bài ký sự của vị giáo sĩ, giám mục “Vùng ngoại đạo” Francois Pallu, đã làm cho người ta chú ý nhiều đến các dân cư Việt Nam”.

2. Stanley Karnow, “Viet Nam, A History. The First Complete Account of Việt Nam at War”, NY.1983 [*Việt Nam, Lịch Sử. Một Mô Tả Đầy Đủ Về Giai Đoạn Đầu Của Cuộc Chiến Việt Nam*]. Nhà sử học nổi tiếng này viết về A. de Rhodes như sau:

“Linh mục Alexandre de Rhodes sớm thấy uy tín Bồ Đào Nha ngày càng mờ nhạt không còn ích lợi cho Công giáo ở Á châu. Ông nghĩ rằng, có thể chinh phục tâm hồn người bản xứ bằng các giáo sĩ người Việt hiệu quả hơn là các thừa sai Âu

châu. Ông đến La Mã vận động việc bãi bỏ giáo lệnh của Giáo hoàng, có từ thế kỷ 15, cho Bồ độc quyền khai thác Á châu. Nhưng ông bị Bồ chống đối quyết liệt và cũng khó xoay chuyển các giới chức tại Vatican, rồi ông lại trở về quê hương nước Pháp xin giúp đỡ. Để thành công, ông thuyết phục cả hai thành phần lãnh đạo tôn giáo và thương gia Pháp bằng hình ảnh là nước Việt Nam đã đến giai đoạn chín muồi để dân cải đạo theo Công giáo, và là một quốc gia thần tiên với tài nguyên vô tận, ngay cả người đánh cá cũng dùng lưới làm bằng tơ”.

(Rhodes soon realized that its waning prestige no longer made Portugal a credible of Christianity in Asia. He calculated, too, that “hearts and minds” could be won more effectively by Vietnamese priests than European missionaries. He went to Rome to plead, arguing in effect for the abrogation of the fifteenth-century papal edicts that had granted Portugal its Asian domain. But he ran into stiff Portuguese opposition and the intractable Vatican bureaucracy, and he returned to his native France for help. To succeed, however, he would have to persuade French religious and commercial leaders to underwrite his project. Thus he lobbied with both, depicting Viet Nam as ripe for Christian conversion and portraying it as an Eldorado of boundless wealth where, as one of his accounts put it, Viet Nameese fishermen wove their nets of silks” (P. 60).

3. Avro Manhattan, “Vietnam: Why Did We Go? The Shocking Story of the Catholic “Church’s” Role in Starting the Vietnam War”, USA, 1984: [*Tại Sao Chúng Ta Đến Đó. Chuyện Chấn Động Về Vai Trò Của Giáo Hội Công Giáo Trong Việc Gây Ra Cuộc Chiến Tranh Việt Nam*].

Manhattan được đánh giá là một sử gia có hạng về Giáo hội La Mã, ông đã viết rất nhiều sách thuộc loại bán chạy nhất (bestseller).

Quan điểm của Manhattan về A. de Rhodes như sau:

“Giáo sĩ Dòng Tên Alexandre de Rhodes đến Đông Dương năm 1610. Mười năm sau, ông gửi về Vatican và Pháp một bản mô tả rất chính xác về tiềm năng thương mại, chính trị và chiến lược.

Nhiều giáo sĩ Dòng Tên Pháp lập tức được tuyển mộ và gửi sang giúp ông ta thực hiện hai công tác: Cải đạo theo Công giáo và bành trướng thương mại. La Mã và Ba Lê xem những hoạt động này như những bước dẫn khởi cho việc chiếm đóng chính trị lẫn quân sự trên các quốc gia này”.

(Jesuit priest Alexandre de Rhodes arrived in Indo-China in 1610. A decade later he sent back to the Vatican and to France a very accurate description of the commercial, political and strategic potential. French Jesuits were promptly recruited and sent to help him in his double work of converting to Catholicism and commercial expansion. Rome and Paris considered these activities as inseparable stepping stones leading to eventual political and military occupation of these countries, p.139).

4. Chương Thâu, nguyệt san “*Hiệp Nhất*”, số 43, giáo phận Orange County, California, USA, tháng 7, 1996, bài viết có tựa đề: “*Từ một câu chữ của Alexandre de Rhodes đến các cách dẫn dụng khác nhau*”.

Bài viết của giáo sư Chương Thâu rất được độc giả chú ý nhờ tác giả có mấy đặc điểm sau:

a. Là một giáo sư thuộc Viện Sử học Hà Nội, một cơ quan có thẩm quyền về sử học tại Việt Nam hiện nay.

b. Đồng ý với dịch giả Hồng Nhuệ về chữ “**soldats**” có nghĩa là “**lính thừa sai**”, và cụm từ “**la conquête de tout l’Orient**” là “**nước Cha trị đến**”.

c. Khẳng định “... và coi như **“lần cuối cùng”** đánh chính lại sự nhầm lẫn (?): dịch soldat là lính chiến là quân lính đi xâm lược như trước đây...”.

d. Đến nay “**đã đánh giá công lao của A. de Rhodes đối với nền văn hóa Việt Nam...**”.

e. A. de Rhodes là một nhà văn hóa, không phải là nhân tố đưa đến hệ quả chính trị v.v...

Phần III

Những Góp Ý Về Lm. A. De Rhodes

Trước khi góp ý về A. de Rhodes, tôi muốn khẳng định nguyên tắc căn bản sau đây: Một cá nhân, một xã hội hoặc một quốc gia không thể tự mình “sản xuất” đầy đủ các “sản phẩm” để “tiêu thụ”, mà hầu hết đều có sự san sẻ và phân phối cho nhau. Chúng ta nên tri ân bất cứ những ai đem đến sự tiện ích cho đồng loại. Do đó, tôn thờ hay biết ơn một người không nhất thiết người đó phải cùng một chủng tộc hay cùng tín ngưỡng. Biết ơn nhà khoa học Pasteur, dù ông là người Pháp, vì ông đã khám phá ra vi trùng, dẫn đến các phương pháp trị liệu bệnh tật. Vinh danh hay phê phán giáo sĩ A. de Rhodes không phải vì ông có cùng một tín ngưỡng hay khác đức tin với chúng ta, mà chỉ căn cứ trên tội trạng hay công trạng, nếu có, của ông đối với dân tộc Việt.

Trong cái nhìn khách quan độc lập, tách rời khỏi tình cảm tôn giáo hay chính trị đó, tôi xin góp vài ý kiến sau đây.

Để đánh giá thỏa đáng vai trò của giáo sĩ A. de Rhodes đối

với dân tộc Việt Nam, các nhà nghiên cứu thường căn cứ trên hai điều:

a. Linh mục A. de Rhodes có phải là người đầu tiên sáng nghĩ ra chữ Quốc ngữ không?

b. Những hoạt động của ông có phải là nhân tố chính ban đầu cho Pháp xâm lược Việt Nam không?

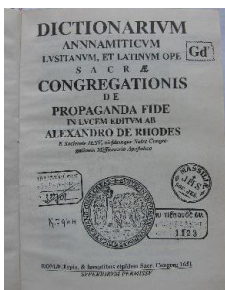
1. VỀ CÂU HỎI THỨ NHẤT: 8 trong số 9 tác giả nêu trên đều trả lời **không**. Trong đó, giáo sư Hoàng Cơ Thụy có đưa hai chứng cứ để bảo vệ cho luận điểm của mình.

Một: giáo sư Hoàng Cơ Thụy mượn lời của linh mục Đỗ Quang Chính và viết rằng: *“Những phúc trình của ông trong giai đoạn 1625-1647 có ghi những chữ Quốc ngữ rất “luộm thuộm”, còn kém Francesco Buzomi”*. Linh mục Đỗ Quang Chính, nhà văn Vũ Ngọc Phan và giáo sư Hoàng Tuệ cũng có những luận cứ tương tự.

Hai: Lúc nói về cuốn *Từ điển Việt-Bồ-La*, giáo sư Hoàng Cơ Thụy viết tiếp: *“... ông được thừa hưởng hai cuốn từ điển viết tay là: của linh mục G. d’Amaral... và cuốn của linh mục A. Barbosa... Chính Đắc Lộ công nhận như thế năm 1651, trong Lời nói đầu cho cuốn từ điển của ông”*.

Hai dẫn chứng trên, cho thấy Lm Đắc Lộ không phải là người đầu tiên sáng nghĩ ra chữ Quốc ngữ mà chỉ có công phát huy thêm mà thôi¹.

2. TÁC PHẨM VĂN HÓA



Giáo sư Chương Thâu viết: “Các công trình trứ tác có giá trị của A. de Rhodes, như Tự điển Việt-Bồ-La, Phép giảng tám ngày, Hành trình và truyền giáo, Lịch sử xứ Đàng Ngoài cũng đã được in ấn, xuất bản lần lượt trong mấy năm qua và được bạn đọc đón nhận một cách trân trọng”. (Sách, in tại Việt Nam).

Tôi chưa có cơ hội đọc ba trong bốn tác phẩm của cha Đắc Lộ, nhưng cuốn *Phép giảng tám ngày* (PGTN) mà giáo sư Chương Thâu liệt vào hạng “công trình trứ tác có giá trị” có hơi quá đáng không? Tôi nghĩ, người có văn hóa là người nên tìm cái hay, cái đẹp của kẻ khác để khen. Nhưng rất đáng tiếc, cha Đắc Lộ, một người nước ngoài đến rao giảng lời dạy của đấng Kitô trong một quốc gia hầu hết dân chúng theo Khổng giáo và Phật giáo, mà gọi đức Khổng Tử:

“Chẳng phải hiền chẳng phải thánh, thật là độc dữ...”

Và gọi người sáng lập tôn giáo khác bằng THẰNG, trong cuốn *Phép giảng tám ngày* trang 83 như sau:

“Nhu thể có chêm cây nào đục cho ngã, các cành ấy tự nhiên cũng ngã với. Vậy thì ta làm cho Thích Ca, là thằng hay dối người ta, ngã xuống, thì mọi truyện dối trong đạo bụt bởi Thích Ca mà ra, có ngã với thì đã tỏ”.

Đó là chưa kể những xuyên tạc về lịch sử Khổng, Lão và Phật trong *Phép giảng tám ngày*. Lĩnh vực Trần Thái Đình cũng có những ý kiến bất bình (“sốc”) về A. de Rhodes trong cuốn

PGTN (xin xem “Kitô Giáo: Từ Thực Chất Đến Huyền Thoại”, *Văn Hóa*, Hoa Kỳ, 1996).

Đặc biệt, trong cùng bài viết này của giáo sư Chương Thân, nguyệt san *Hiệp Nhất* số 43, tháng 7, 1996, tại Hoa Kỳ, chỉ liệt kê ba (thay vì bốn) tác phẩm của A. de Rhodes mà không nhắc đến cuốn *Phép giảng tám ngày* như trong nguyệt san *Công Giáo Và Dân Tộc* số 15, tháng 3, 1996 tại TP. HCM. Đây là lỗi lầm về đánh máy hay tờ *Hiệp Nhất* (cơ quan ngôn luận của giáo phận Orange County, California) thấy “hồ” nên loại bỏ, hay tác giả Chương Thân tự ý sửa đổi?

3. VỀ CÂU HỎI THỨ NHÌ: Những hoạt động của linh mục A. de Rhodes, có liên hệ (hay không) đến vấn đề chính trị, để tạo thành nhân tố chính ban đầu, cho Pháp xâm chiếm Việt Nam, chúng ta nên truy cứu sáu yếu tố sau đây:

a. Về phương diện từ ngữ: Đây là trọng điểm bài viết của giáo sư Chương Thân. Chữ **soldats** (tiếng Pháp), soldiers (tiếng Anh), dịch là “**lính thừa sai**”, quả là quá gượng ép. Cụm từ “**la conquête de tout l’Orient**” dịch là “**nước Cha trị đến**” thì thật sự quá khiên cưỡng. Dịch như thế, dễ dẫn đến sự hiểu lầm rằng người dịch mang nặng mặc cảm tôn giáo. *Từ điển Pháp-Việt* Đào Duy Anh định nghĩa chữ soldat là lính chiến. Chữ soldier, theo *Anh-Việt Từ điển* của Nguyễn Văn Khôn cũng có nghĩa là binh lính. Thực ra, chữ **missionnaires** mới có nghĩa là **những thừa sai**. Tôi chưa bao giờ thấy ai dịch chữ “soldat” là lính thừa sai, và cụm từ “La conquête de tout l’Orient” là “nước Cha trị đến”. Vả lại, danh từ La France (nước Pháp) chứ không phải danh từ Eglise française (Giáo hội Pháp) là chủ từ của mệnh đề đó, nên chữ soldat phải được hiểu là “quân lính” chứ không thể hiểu gượng ép là “lính thừa sai”.

Tóm lược, những người dịch chữ soldat:

- Soldat = lính thừa sai: Lm Hồng Nhuệ và giáo sư

Chương Thâu.

- Soldat = lính chiến, chiến binh: Nhà xuất bản Hương Quê (Hoa Kỳ), sử gia Helen Lamb, tự điển Đào Duy Anh, tự điển Pháp Larousse.

b. Ý kiến của các sử gia: Đọc lại phân tích dẫn của sáu tác giả đã trình bày trên (Phần II), ngoại trừ giáo sư Chương Thâu, thành phần còn lại, chúng ta đã thấy rõ câu trả lời: Soldat = binh lính, lính chiến.

Tiến sĩ Nguyễn Xuân Thọ là nhà ngoại giao lâu năm của Bộ Ngoại giao Pháp lại tốt nghiệp chính trị học và hiện sống tại Pháp. Trong sách, ông đã không sử dụng ý kiến của mình mà trích dẫn tài liệu của chính Tòa Thánh La Mã và của các nhà sử học ngoại quốc. Với các sử gia này, chúng ta có thể tin rằng họ không bị chi phối bởi tình cảm tôn giáo. Ngay cả nếu có, thì họ, vì có thể cùng một tín ngưỡng với giáo sĩ A. de Rhodes nên chỉ có thể trình bày thuận lợi hơn là bất lợi cho vị giáo sĩ này. Hơn nữa, sách của ông Nguyễn Xuân Thọ được đánh giá cao bởi ông Maurice Baumont, giáo sư danh dự đại học Sorbonne (Pháp) và đồng thời cũng là thành viên Hàn lâm Viện Pháp. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn, thầy của những bậc thầy, sau khi đọc tác phẩm của tiến sĩ Nguyễn Xuân Thọ, cũng đã nhận định “... Công tác rất có giá trị. *Bản thảo này quả là độc đáo, hơn hết các công trình nghiên cứu của các sử gia khác*” (Paris 26-12-1991).

c. Yếu tố kinh tế và xu hướng của các thương gia

Nửa đầu của thế kỷ 17, các nước phương Tây như Pháp, Bồ Đào Nha chú ý đến biển cả để buôn bán với các nước bên ngoài, đặc biệt là các nước ở Viễn Đông. Do đó, sử gia Stanley Karnow có lý, khi tìm hiểu nguyên nhân thu hút người Tây phương đến Á châu, đã viết:

“Sự giàu có của Á châu, thực và huyền thoại đã kích

thích châu Âu. Những nhà du hành như Marco Polo đã trở về với câu chuyện nín thở, những ngôi đền nước Bơ-Ma “được bọc vàng dày một ngón tay” và các bờ biển Ấn Độ “cát được sáng chói với những viên ngọc thạch và những quặng kim loại quý giá. Chưa có loại thực phẩm châu Á nào có thể sánh với hồ tiêu, đậu khấu, sả và các gia vị đặc biệt khác để ướp thực phẩm, đặc biệt là trong những vùng khí hậu ẩm hơn của miền Nam Âu châu”.

(The riches of the East, real and fabled, tantalized Europe. Travelers like Marco Polo had returned with breathless tale of Burmese temples “covered with gold a full finger thick,” and Indian shores whose “sands sparkled and glittered with gems and precious ores.” But no Asian treasure marched its pepper, nutmeg, clove, and other spices essential to preserve food, especially in the warmer climates of southern Europe. (Stanley Karnow, p. 55).

Trong chiều hướng đó linh mục Đắc Lộ cũng đã kích thích các thương gia qua cách diễn tả và *“thuyết phục các lãnh tụ tôn giáo và thương gia Pháp bằng một hình ảnh là nước Việt Nam đã đến giai đoạn chín muồi để dân chúng theo Công giáo và là một quốc gia thần tiên với tài nguyên vô tận, ngay cả người đánh cá cũng bện lưới bằng tơ lụa”*.

Đắc Lộ mô tả tình hình kinh tế Việt Nam lúc bấy giờ như thế, hoàn toàn không đúng: Việt Nam đâu có giàu như vậy. Nhưng tại sao Cha lại nói dối? Phải chăng là để kích thích lòng tham của người Pháp và giáo hội, nhất là giới thương gia? Từ kinh tế thương mại đến vũ trang để chiếm đoạt và khai thác quyền lợi kinh tế đâu phải là một đoạn đường dài và không thuận lý?

d. Về bối cảnh chính trị: Từ năm 1493, Giáo hoàng Alexander VI đã giao cho Bồ Đào Nha có quyền “sinh sát” tại

các nước phương Đông. Vì thế, cô A. de Rhodes viết rất đúng với hiện thực chính trị lúc bấy giờ rằng:

*“Tôi nghĩ Pháp là nước ngoan đạo nhất thế giới sẽ cung cấp cho tôi **nhieu binh lính** để đi chinh phục **toàn thể phương Đông**...”*

Tại sao cha Đắc Lộ không xin Giáo hội Pháp mà xin nước Pháp? Vì về mặt giáo quyền, Giáo hội Pháp bị ràng buộc bởi Giáo lệnh của Giáo hoàng Alexander VI từ 1493, nên Đắc Lộ không thể xin Giáo hội Pháp lính thừa sai (missionnaires) được. **Cha Đắc Lộ dùng chữ soldats (lính chiến) rất chính xác. Vì nước Pháp, hay trong chính phủ Pháp làm gì có các thừa sai mà chính phủ có quyền cung cấp lính thừa sai cho Cha?**

e. Về mặt tâm lý: Cha A. de Rhodes bị Chúa Trịnh đuổi, Chúa Nguyễn đuổi, Trung Quốc đuổi, há ông không xin binh lính (soldats) để phục thù sao? Lúc bình thường được vua yêu chúa mến mà cố vẫn nóng nảy đòi *“chém Thích Ca cho ngã”* huống hồ lúc bị các vua chúa Phật tử đó trực xuất ra khỏi Việt Nam?

f. Sứ mạng của một giáo sĩ Dòng Tên (Jesuite): Muốn biết thêm giáo sĩ A. de Rhodes có ý đồ chính trị hay không, chúng ta cũng nên tìm hiểu Cha được đào tạo và trưởng thành như thế nào qua **Lời Thề Dòng Tên**:

“Con xin tuyên hứa thêm rằng con sẽ, nếu có cơ hội, con sẽ gây ra và tham gia chiến tranh tàn nhẫn, bí mật hoặc công khai, chống mọi kẻ dị giáo, Tin Lành và Tự Do, như con được lệnh thi hành, tận diệt chúng khỏi mặt địa cầu; và con sẽ không chừa một ai, bất kể tuổi tác, nam hay nữ hay tình trạng xã hội; và con sẽ treo cổ, thiêu sống, luộc sống, mổ bụng, siết cổ và chôn sống những kẻ dị giáo ô nhục đó, phanh bụng mọi bào thai của vợ chúng, và quật đầu con sơ sinh của chúng vào tường, ... để tận

diệt vĩnh viễn cái giống dân đáng ghét của chúng. Nếu những điều trên không thể làm công khai được, thì con sẽ bí mật dùng thuốc độc, giây thắt cổ, dao găm, đạn chì, không cần biết đến danh giá, cấp bậc, phẩm hạnh hay quyền hạn của chúng, bất kể hoàn cảnh sống của chúng như thế nào, công hay tư, bất cứ khi nào mà con được lệnh làm vậy từ những sứ giả của giáo hoàng hoặc từ Đấng Bề Trên Tối Cao của dòng Tên...”

(Theo bản dịch của Bùi Xuân Phú)

Nguồn: <<http://sachhiem.net/EMAILS/emailT/TanPhan2.php>>

Ghi chú: Muốn có thêm tài liệu về Dòng Tên, quý vị có thể gõ lên google “Lời thề Dòng tên?” hoặc tiếng Anh “**The Extreme Oath of the Jesuits?**”

The Extreme Oath of the Jesuits:

I furthermore promise and declare that I will, when opportunity present, make and wage relentless war, secretly or openly, against all heretics, Protestants and Liberals, as I am directed to do, to extirpate and exterminate them from the face of the whole earth; and that I will spare neither age, sex or condition; and that I will hang, waste, boil, flay, strangle and bury alive these infamous heretics, rip up the stomachs and wombs of their women and crush their infants' heads against the walls, in order to annihilate forever their execrable race. That when the same cannot be done openly, I will secretly use the poisoned cup, the strangulating cord, the steel of the poniard or the leaden bullet, regardless of the honor, rank, dignity, or authority of the persons, whatever may be their condition in life, either public or private, as I at any time may be directed so to do by any agents of the Pope or Superior of the Brotherhood of the Holy Father of the Society of Jesus...”

Sử liệu cho thấy linh mục A. de Rhodes gia nhập Dòng Tên lúc 19 tuổi (1612), ông đến Ma Cao năm 1623, Nam Kỳ Việt Nam năm 1645. Thời gian 22 năm ở các nước Á châu, qua về Âu châu, trong đó ông thực sự ở Việt Nam khoảng sáu đến tám năm. Trong suốt thời gian này cha không bị dứt phép Thông Công, không bị khai trừ ra khỏi Giáo hội, nghĩa là cha Đắc Lộ vẫn theo Dòng Tên. Với lời thề của Dòng Tên như chúng ta đã thấy ở trên, cha Đắc Lộ không thể làm khác mà phải kêu gọi hoặc vận động chiến tranh.

Với sứ mạng của một giáo sĩ Dòng Tên mà linh mục A. de Rhodes (Đắc Lộ) đã thề, thì chữ *soldat*, thêm một lý do nữa, không thể nào dịch là *lính thừa sai* tức là giáo sĩ được, và cụm từ ***La conquête de tout l'Orient*** cũng không thể dịch tư ý là *nước Cha trị đến*.

Có thể nói mà không sợ sai lầm như tục ngữ Việt Nam “*Ở bầu thì tròn ở ống thì dài*” và “*Đi với ma phải mặc áo giấy*”, nếu so sánh một phần nhỏ của lời thề trên với những gì cha công kích, mặt sát Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo và truyền thống thờ cúng ông bà tổ tiên trong cuốn *Phép giảng tám ngày* thì việc thóa mạ các tôn giáo ấy vẫn còn quá ít.

Tóm lại, qua sáu luận điểm trên, ta thấy, với Linh mục Đắc Lộ, truyền đạo chỉ là một trong những hình thức chính để phục vụ cho quyền lợi kinh tế và chính trị, rồi từ đó sẽ đưa đến chiến tranh chiếm thuộc địa.

Vì thế, không vô cớ để cha Đắc Lộ bị Chúa Trịnh, Chúa Nguyễn và cả chính quyền Trung Quốc đuổi ra khỏi nước.

Khí cụ chữ Quốc ngữ:

Ngoài ra, để góp ý về vai trò của chữ Quốc ngữ trong lịch sử văn hóa nước ta, tôi xin trích những đoạn nói về mục đích của chữ Quốc ngữ trong sách lược chính trị của giám mục

Puginier. Dầu giám mục Puginier không sống đồng thời với cha Đắc Lộ, nhưng chiến lược lịch sử thì giống nhau, vì đây là một trong những công cụ đã được sáng chế bởi những giáo sĩ đi trước giám mục Puginier.

Và bài trích thứ hai là của giáo sư Trần Chung Ngọc, tiến sĩ Vật lý tại Hoa Kỳ, đăng trong Vietnet (thuộc hệ thống Internet), cho thấy các bậc cha ông chúng ta đã biết sử dụng “Vũ khí Việt ngữ” của thực dân chế tạo để giải phóng đất nước.

1. Mục đích việc sử dụng chữ Quốc ngữ của giám mục Puginier

“Từ lâu, tôi chủ trương dạy và dùng chữ châu Âu để viết tiếng An Nam, nhưng khôn thay, tôi không được ủng hộ trong việc thực hiện kế hoạch mà đã sáu lần tôi đề nghị. Nhưng tôi sung sướng thấy từ hai năm nay, chúng ta hoạt động tích cực trong mục đích này: ngoài trường dạy tiếng Pháp của phái bộ là trường đầu tiên được thiết lập ngày 8-12-1884, chính phủ còn lập nhiều trường khác từ ngày 5-4-1885.

Cần phải dạy càng sớm càng tốt cho người An Nam viết và đọc được tiếng họ bằng chữ Âu châu, việc này dễ hơn và tiện lợi hơn dùng chữ Nho. Trong vài năm sau, cần phải bắt buộc mọi giấy tờ chính thức không được viết bằng chữ Nho như trước nữa, phải viết bằng tiếng trong nước, mỗi viên chức ít nhất phải được dạy đọc và viết tiếng An Nam bằng chữ châu Âu. Trong lúc đó việc dạy chữ Pháp sẽ tiến triển nhiều hơn và chúng ta chuẩn bị một thể hệ để cung cấp các viên chức có học tiếng nước chúng ta. Như thế có lẽ trong vòng 20 hay 25 năm chúng ta có thể bắt buộc mọi giấy tờ đều viết bằng tiếng Pháp, do đó chữ Nho sẽ dần dần bị bỏ rơi mà chúng ta chẳng cần phải cấm đoán gì.

Khi chúng ta đạt được thành quả lớn lao đó, chúng ta xóa đi của nước Trung Hoa một phần lớn ảnh hưởng tại An Nam và phe trí thức An Nam là phe rất căm ghét sự thiết lập thể lực Pháp, cũng sẽ bị tiêu diệt dần dần.

Vấn đề này có tầm quan trọng rất lớn, sau khi đạo Thiên Chúa được thiết lập, tôi xem việc tiêu diệt chữ Nho và thay thế dần dần ban đầu bằng tiếng An Nam, rồi bằng tiếng Pháp như là phương tiện rất chính trị, rất tiện lợi và rất hiệu nghiệm để lập nên tại Bắc Kỳ một nước Pháp nhỏ ở Viễn Đông”.

Ngoài việc Thiên Chúa giáo hóa xứ này và xóa bỏ chữ Nho, giám mục Puginier còn đề nghị một số biện pháp thực tế khác để củng cố nền thống trị Pháp ở Bắc Kỳ: cho định cư tại ven biên giới Việt Nam, tiếp cận Trung quốc các nhóm dân thân hữu và trung thành với nước Pháp, sử dụng các dân tộc ít người trong công việc bình định, đào tạo một đội quân Pháp theo mẫu quân đội Ấn Độ xưa kia, tạo lập một nông trại kiểu mẫu do tu sĩ dòng Luyện Tâm đảm đương, giảm bớt chi phí và thuế má để chinh phục (lòng quý trọng và thương yêu) của dân chúng... (Hiện nay dân miền thượng bị đổi đạo cũng nằm trong kế hoạch này, BK).

Giám mục kết luận: *“Tôi đã làm việc gần 30 năm trong phái bộ và tôi biết khá nhiều về đất nước này để bảo đảm được rằng nếu chính phủ chấp thuận theo kế hoạch mà chúng tôi hân hạnh đưa ra, thì không bao lâu nữa Bắc Kỳ sẽ thành một nước Pháp nhỏ ở Viễn Đông mà tôi một lòng tha thiết muốn xây dựng”* [“Christianisme et Colonialisme au Vietnam, 1857-1914”].

2. Trần Chung Ngọc : Gậy ông đập lưng ông

“Những nhà cách mạng như Phan Chu Trinh, Phan Bội

Châu... nhận ra tầm quan trọng của công việc mở mang dân trí và cổ xúy việc truyền bá Quốc ngữ, do đó hội truyền bá Quốc ngữ mới ra đời vào thập niên 1930 và dù thực dân Pháp và các cha cố TCG muốn cản cũng không được. Sự phát triển Quốc ngữ cho tới ngày nay là do công ơn của hai cụ Phan dùng đòn (gây ông đập lưng ông) dùng Quốc ngữ để mở mang dân trí người Việt, xuất bản báo chí bằng chữ Quốc ngữ để phổ biến tinh thần cách mạng Pháp năm 1789, và khẩu hiệu “Tự Do, Bình Đẳng, Tình Huynh Đệ” thường được dịch thoát là “bác ái” (Liberté, Égalité, Fraternité) và từ đó các phong trào cách mạng đã lan rộng trong quần chúng chủ nghĩa thực dân Pháp phải cáo chung tại Việt Nam.

Sự sáng tạo ra chữ Quốc ngữ với những mục đích đen tối hiển nhiên không phải là để giúp người Việt mở mang đầu óc mà để cải đạo và cắt đứt nền văn hóa tổ tiên của họ.

Nhưng ông cha chúng ta đã dùng nó làm một vũ khí để khai phóng dân tộc. Vậy chúng ta nên biết ơn ông cha chúng ta hay biết ơn kẻ tạo ra nó với những ý đồ đen tối?

Một tên giặc tới nhà chúng ta tạo ra một vũ khí để dễ bề quyến rũ con em nhẹ dạ theo chúng phản lại tổ tiên, chúng ta dùng ngay vũ khí đó để mở mang đầu óc của tất cả những người ở trong gia đình, nhờ đó mà gia đình chúng ta bảo vệ được truyền thống luân lý đạo đức của gia đình, bảo toàn gia tài của tổ tiên khỏi bị cướp đi. Vậy chúng ta nên nhớ ơn những người trong gia đình có sáng kiến dùng ngay vũ khí của địch để đánh địch, vậy chúng ta có nên nhớ ơn kẻ đã mang vũ khí đến nhà chúng ta để cướp đi của cải và gây bất hòa trong gia đình chúng ta?

Tôi hi vọng vấn đề công và tội của Alexandre de Rhodes nay đã sáng tỏ (Trần Chung Ngọc).

Tôi xin kết thúc bài viết với ý kiến cuối cùng sau đây:

Dân tộc ta có truyền thống ghi công và biết ơn anh hùng liệt nữ đã đóng góp cho tổ quốc. Và chúng ta thể hiện lòng biết ơn đó qua các biểu hiện vinh danh những vị đó bằng các ngày lễ, đặt tên trường, công viên, đường phố... Nhưng chúng ta cũng không quên những kẻ có tội với đất nước mà tên tuổi và những tội trạng cũng được nghiên cứu cẩn thận, để ghi vào sử sách cho người đời này và đời sau lấy đó làm bài học. Tiêu chuẩn lớn nhất để quy định công tội là họ đã làm được gì cho dân tộc và tổ quốc Việt Nam.

Về trường hợp của giáo sĩ Đắc Lộ, ông có cái công triển khai thêm chữ Quốc ngữ do một số giáo sĩ khác sáng nghĩ ra, dưới hình thức dễ khổ biến hơn, cho các tín hữu bản xứ học hỏi giáo lý Kitô. Nhưng ông có cái tội là cung cấp thông tin và vận động nước Pháp xâm chiếm kinh tế và chính trị nước ta.

Còn sau đó, chữ Quốc ngữ được dân ta vận dụng tốt hay xấu, mưu mô xâm lược của Pháp thành hay bại là công hay tội của người đời sau.

Vậy từ cái công và cái tội đó tôi xin đề nghị như sau: Dân tộc ta nên ghi nhận công của linh mục A. de Rhodes đã có phần giúp cải tiến chữ Quốc ngữ (chứ không phải người sáng nghĩ ra chữ Quốc ngữ) và nên kết tội ông là kẻ gián điệp sớm nhất trong lịch sử xâm lăng của Tây phương vào nước ta. Tiểu sử của linh mục này cần được ghi lại trong chương trình giáo dục môn sử với đầy đủ công tội. Có như vậy, lịch sử mới rõ ràng, và việc ứng xử của chúng ta mới minh bạch. Vì nếu ta không sống thẳng với quá khứ thì tương lai sẽ không sống thẳng với chúng ta.

Bùi Kha

(bút hiệu Nguyễn Kha)

31.7.1996

* Tạp chí Giao Điểm số 24. Tháng 9, 1996

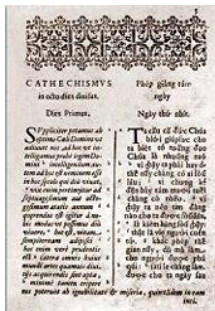
* <<http://tongiaovadantoc.com/c0/20111217221441534/gop-y-voi-gs-chuong-thau-ve-van-de-alexandre-de-rhodes-chu-quoc-ngu-bui-kha.htm>>

Bài 2

ALEXANDRE DE RHODES

ĐỐI LUẬN VỚI TÁC GIẢ HOÀNG HUNG*

Bùi Kha



Phóng ảnh trang đầu, cuốn

"Phép giảng Tám ngày" (*Catechismus*). Đây là một trong những cuốn sách Rhodes viết để dạy cho con chiên Việt Nam phi báng lịch sử và văn hóa nước ta.

Tác giả Hoàng Hưng, trong bài viết *"Những bản khoả từ lá thư trả lời của ông Nguyễn Hòa"* trên trang nhà talawas ngày 1.4.2006, đã đề cập nhiều chi tiết thú vị và oái oăm về tình trạng dịch thuật ở Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, trong bài viết đó, có một đoạn văn không những liên quan đến vấn đề trích dịch mà còn mở lại một vấn đề học thuật tưởng đã chấm dứt: Vấn đề "Công và tội" của Linh

mục Alexandre de Rhodes.

Ông Hoàng Hưng viết nguyên văn như sau:

“Chuyện thứ nhất: Một sai lầm nghiêm trọng đã xảy ra trong lịch sử văn hóa Việt Nam mà nguyên do chỉ tại một trích dẫn có nguồn gốc hồ đồ.

Chuyện này xin kể đại khái, không đảm bảo chính xác về lời dẫn hay năm tháng, vì tôi đang ở rất xa nhà, không có trong tay tư liệu để trích lục, song đảm bảo chính xác về nội dung. Số là khoảng năm 1992 (1993?) trong khi làm công việc biên tập trang văn hóa văn nghệ của báo Lao Động Chủ Nhật, tôi nhận được một bài viết đặt vấn đề hoài nghi tính xác thực của một câu trích dẫn Alexandre de Rhodes đã lưu hành suốt mấy chục năm trời ở miền Bắc trong hầu hết công trình viết về lịch sử xâm chiếm Việt Nam của thực dân Pháp. Các nhà nghiên cứu lịch sử của ta khẳng định Alexandre de Rhodes đã viết (đại ý): Chúng ta là những người lính... chúng ta có bốn phen đi mở mang bờ cõi. Quả là một dẫn chứng tuyệt vời cho nhận định các nhà truyền giáo Gia Tô là những kẻ mở đường cho các đạo quân xâm lăng! Câu trích này thậm chí đã được kẻ lên bảng treo trong Bảo tàng Lịch sử ở Hà Nội. Và ác thay, nó là lý do chính khiến cho tượng, bia kỷ niệm, tên phố của vị công thần với văn hóa Việt Nam (người góp phần quan trọng tạo ra chữ Quốc ngữ) đã bị xóa bỏ. Từ bài viết trên, anh em trong ban văn hoá văn nghệ báo Lao Động đã bỏ công sưu tầm tài liệu, cuối cùng biết được rằng câu trích tai hại kia là rút từ cuốn hồi ký của một thuyền trưởng người Pháp nào đó, trong khi tìm mãi mắt không thấy có trong bất kỳ bản viết nào của chính Alexandre de Rhodes! Và người có công phát hiện câu trích ấy là một nhà nghiên cứu tên tuổi, các "nhà" khác sau đó cứ "ô tô matic" trích lại như một sự thật hiển nhiên. Được biết về sau vị có công đó lên tới chức Viện trưởng Viện Tôn giáo! Tôi cho công bố bài viết trên, bản thân lại viết một bài phân tích rõ việc trích dẫn hồ

đồ đã nêu (đồng thời chứng minh câu trích đã dỏm lại còn bị dịch sai nữa chứ!), rồi viết thư đề nghị **giáo sư Phan Huy Lê**, Chủ tịch Hội Nghiên cứu Lịch sử, cho ý kiến. Ít lâu sau, báo Lao Động đã đăng bài viết của **giáo sư nêu công lao của Alexandre de Rhodes (mà không hề nêu tội)**. Đó có lẽ là văn bản chính thức đầu tiên "phục hồi nhân phẩm" cho ông cố đạo này. Tiếp đó, ông phó tổng biên tập của tôi thông báo Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu cung cấp toàn bộ tư liệu liên quan đến Alexandre de Rhodes. Chúng tôi đã gửi lên gần 1.000 trang photocopy khổ A4, trong đó phần quan trọng do các đồng nghiệp ở báo Công Giáo Và Dân Tộc cung cấp”.

Trước khi góp ý với ông Hoàng Hưng, tôi xin có hai nhận xét và một đề nghị nhỏ sau đây :

□ Vì tác giả đã cẩn thận cho biết: “*Chuyện này xin kể đại khái, không đảm bảo chính xác về lời dẫn hay năm tháng, vì tôi đang ở rất xa nhà, không có trong tay tư liệu để trích lục, song đảm bảo chính xác về nội dung*”, nên những góp ý của chúng tôi hôm nay cũng xin “được” nằm trong cái khung đó, và sẽ được ông Hoàng Hưng điều chỉnh hay bổ sung phần viết của ông sau này. Cũng theo ông Hoàng Hưng, sau khi nhận được bài viết của một “độc giả” báo Lao Động hoài nghi về tính trung thực của một câu trích (và dịch) được gán cho Alexandre de Rhodes, “*anh em trong ban văn hoá văn nghệ báo Lao Động đã bỏ công sưu tầm tài liệu*” và “*tìm mãi mắt không thấy có trong bất kỳ bản viết nào của chính Alexandre de Rhodes!*”. Ông cũng cho biết rằng: “*Người có công phát hiện câu trích ấy là một nhà nghiên cứu tên tuổi*”, và sau này, “*vì có công đó lên tới chức Viện trưởng Viện Tôn giáo!*”. Tôi tự hỏi, tại sao báo Lao Động (và riêng cá nhân ông Hoàng Hưng), ngay từ đầu, không liên lạc thẳng với tác giả (hay nhiều tác giả) của câu trích (và dịch) đó để được xác nhận nguồn gốc trích dịch, trước khi... *bỏ công sưu tầm và tìm mãi mắt!* (nhưng có tìm trong cuốn Hành trình và

truyền giáo của A. de Rhodes không?). Như vậy, vừa khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc, nhưng quan trọng hơn cả, vừa tôn trọng và vừa chứng tỏ được thái độ công bằng và khách quan với cả hai đương sự, “người dịch thuật” lẫn “kẻ hoài nghi”.

□ Trong đoạn trích dẫn ở trên, ông Hoàng Hưng có cho biết “*Câu trích này thậm chí đã được kẻ lên bảng treo trong Bảo tàng Lịch sử ở Hà Nội*” và “*cuối cùng biết được rằng câu trích tại hại kia là rút từ cuốn hồi ký của một thuyền trưởng người Pháp nào đó*”.

Tôi, Bùi Kha, là một người quan tâm đến cổ đạo Alexandre de Rhodes và chữ Việt Latinh hóa (mà rất nhiều người Việt chúng ta từ lâu quen gọi là *Quốc ngữ*), tôi đề nghị ông Hoàng Hưng, khi về lại nhà sẽ *có trong tay tư liệu để trích lục*, công bố nguyên văn câu ở Bảo tàng Lịch sử Hà Nội và nguồn gốc cuốn hồi ký cũng như tên ông thuyền trưởng người Pháp nào đó để rộng đường dư luận.

Bây giờ tôi xin góp ý:

1. Tạm thời, về mặt trích dẫn, tôi xin tiếp cận bằng hai giả thuyết:

(a) Có hai câu viết khác nhau đến từ hai tác giả khác nhau, nhưng nội dung thì hao hao giống nhau. Một của cổ đạo A. de Rhodes, và một của ông thuyền trưởng người Pháp.

Và (b), chỉ có một câu của cổ đạo A. de Rhodes mà thôi. Giả thuyết nào đúng có lẽ phải chờ ông Hoàng Hưng công bố tài liệu chúng ta mới đối chiếu và kết luận được tính chính xác của câu trích và dịch ở Bảo tàng Viện Hà Nội?

Theo tôi, nguyên nhân dẫn đến việc ông cổ đạo A. de Rhodes hiện diện trong **cả hai giả thuyết nêu trên** mà ông Hoàng Hưng đã mĩa mai gọi là “*lưu hành suốt mấy chục năm trời ở miền Bắc trong hầu hết công trình viết về lịch sử xâm*

chiếm Việt Nam của thực dân Pháp” và “là một dẫn chứng tuyệt vời cho nhận định các nhà truyền giáo Gia Tô là những kẻ mở đường cho các đạo quân xâm lăng!”

Là do Ông Hoàng Hưng không đọc kỹ, hoặc thiếu sử liệu. Vì trong thực tế, chính ông cố đạo này chứ không phải ai khác, là tác giả của câu viết ấy; được tìm thấy trong cuốn *Divers voyages et missions (Hành trình và truyền giáo*, bản dịch của Linh mục Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, xuất bản năm 1994). Nguyên văn câu viết ở trang 263 như sau:

*“Tôi tưởng nước Pháp là một nước đạo đức nhất thế giới, nước Pháp có thể cung cấp cho tôi **mấy chiến sĩ đi chinh phục toàn cõi Đông phương**, đưa về qui phục Chúa Kitô và nhất là tôi sẽ tìm được các giám mục, cha chúng tôi và thầy chúng tôi trong các giáo đoàn. Với ý đó, tôi rời bỏ Rôma ngày 11 tháng 9 năm 1652 sau khi tới hôn chân Giáo hoàng.”* (Đúng ra phải dịch là ngoan đạo..., BK).

Ngoài ra, ở trang 264, A. de Rhodes còn viết tiếp:

*“Trên đường từ Lyon tới Paris tôi nghiệm thấy có sự quan phòng rất đặc biệt của Chúa tôi vẫn coi như kim chỉ nam và mẫu mực. Để ra mắt ở Pháp tôi cần có thiên thần hộ vực để **đưa tôi lọt vào triều đình vua** cao cả nhất hoàn cầu. Thế là tôi gặp ở Roanne đức Henri de Maupa, giám mục thành Puy, tu viện trưởng Saint Denis, **đệ nhất tuyên úy của Hoàng hậu**. Ngài có nhã ý cùng đi với tôi trong cuộc hành trình nhỏ bé này”* (chữ đậm là của BK).

Ngoài chuyện linh mục Hồng Nhuệ, theo tôi, có thể vì tình cảm tôn giáo mà có tình dịch sai nguyên bản hai chữ **“plusieurs soldats”** của A. de Rhodes thành **“mấy chiến sĩ”** (thay vì “nhiều lính chiến”) tại vì trong tiếng Pháp, “plusieurs” được hiểu là **nhiều**, còn muốn hiểu là **mấy** thì A. de Rhodes đã dùng chữ

“quelque”, và cụm từ “*la conquête de tout l’Orient*” Hồng Nhuệ cũng cố ý dịch và chú thích sai là “*nước Cha trị đến*” mà đúng nghĩa phải dịch là “*Thống trị toàn cõi Đông phương*”. Chúng ta còn thấy thêm hai điều:

□ Câu “*mấy chiến sĩ đi chinh phục toàn cõi Đông phương*” của A. de Rhodes có vẻ... hao hao giống câu “*Chúng ta là những người lính... chúng ta có bốn phận đi mở mang bờ cõi*” mà ông Hoàng Hưng nhớ mang máng khi đọc tại Bảo tàng Lịch sử Hà Nội.

□ Nội dung của phần trích dẫn ở trang 264 của A. de Rhodes (nhờ ***đệ nhất tuyên úy của Hoàng hậu vận động để đưa tôi lọt vào triều đình vua***) thì hoàn toàn phù hợp với nhận định đúng đắn rằng “*truyền giáo đưa đến xâm lăng*”, nhưng ông Hoàng Hưng thì lại mĩa mai rằng “*là một dẫn chứng tuyệt vời cho nhận định các nhà truyền giáo Gia Tô là những kẻ mở đường cho các đạo quân xâm lăng*”.

2. Theo ông Hoàng Hưng, vì xác định sai nguồn trích dẫn (đáng lẽ là từ hồi ký của thuyền trưởng Pháp nào đó thì lại nhầm thành của A. de Rhodes) nên “*ác thay, nó là lý do chính khiến cho tượng, bia kỷ niệm, tên phố của vị công thần với văn hóa Việt Nam (người góp phần quan trọng tạo ra chữ Quốc ngữ) đã bị xóa bỏ*”.

Tuy nhiên, A. de Rhodes có phải là người góp phần quan trọng tạo ra chữ Quốc ngữ không? Ta hãy đề chính A. de Rhodes tự cải chính lấy điều mà hậu thế chúng ta, vì vô tình hay có hậu ý nào đó, cứ sai lầm gán cho ông. Trong mấy dòng đầu của cuốn *Từ điển Việt-Bồ-La* (Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh, 1991, trang 3, phần Việt ngữ), ông viết như sau:

“*Quyển từ điển tam ngữ này, gồm tiếng An Nam, Bồ Đào Nha và Latinh tôi đặt nó vào trong tay và để trước mắt bạn được, là nhờ vào sự tài trợ của Thánh bộ Truyền bá Đức tin...*

*Tuy nhiên trong công việc này (soạn chữ Quốc ngữ, BK) ngoài những điều mà **tôi học được nhờ chính người bản xứ** trong suốt gần mười hai năm thời gian mà tôi lưu trú lại hai xứ Cô-sinh (Đàng Trong, BK) và Đông Kinh (Đàng Ngoài, BK) thì ngay từ đầu tôi đã học với cha **Francisco de Pina** người Bồ Đào, thuộc Hội Dòng Giê-su rất nhỏ bé chúng tôi, là thầy dạy tiếng, **người thứ nhất trong chúng tôi rất am tường tiếng này**, và cũng là người thứ nhất bắt đầu giảng thuyết bằng phương ngữ đó mà không dùng thông ngôn, tôi cũng sử dụng những công trình của nhiều cha khác cùng một Hội Dòng, nhất là của **cha Gaspar de Amaral và cha Antonio Barbosa, cả hai ông đều đã biên soạn mỗi ông một cuốn từ điển: ông trước bắt đầu bằng tiếng An Nam, ông sau bằng tiếng Bồ Đào, nhưng cả hai ông đều chết sớm. Sử dụng công khó của hai ông tôi còn thêm tiếng Latinh** theo lệnh các Hồng y rất đáng tôn...” (phần nhấn mạnh là của BK).*

Rõ ràng A. de Rhodes không phải là người sáng chế ra chữ Việt Latinh hóa, lại càng không phải là tác giả hoàn toàn của cuốn *Từ điển Việt-Bồ-La* (được Vatican xuất bản năm 1651), vì chính ông xác nhận rằng ông chỉ thêm tiếng Latinh vào cuốn Tự điển có sẵn đó mà thôi.

Cho nên, dựng tượng, xây bia, đặt tên phố cho Alexandre de Rhodes, *người góp phần quan trọng* như ông Hoàng Hưng đánh giá, theo tôi, là phản học thuật, không có sử liệu. Nếu cần phải xác nhận người có công với chữ Việt Latinh hóa thì đó là Francisco de Pina, người thật sự có công. Tiếp sau đó là Gaspar de Amaral (*Từ điển An Nam-Bồ Đào Nha*) và Antonio Barbosa (*Từ điển Bồ Đào Nha-An Nam và Nhập môn Tiếng Đàng Ngoài – Munuducio Ad Linguam Tunkinensem*), hai người có công

kiện toàn văn tự này. Còn A. de Rhodes chỉ dựa vào đó để viết sách cho việc truyền đạo như cuốn *Phép giảng tám ngày* mà trong đó chứa đựng nhiều ngôn từ thiếu văn hóa.

Ngoài ra, để làm rõ thêm, tôi xin đặt một giả thuyết lịch sử phản diện: Nếu gần 200 năm sau khi các vị này chế ra chữ Việt Latinh hoá đó, không phải là thực dân Pháp mà “thực dân Bồ Đào Nha” xâm chiếm và đặt ách đô hộ lên nước ta, thì ông Hoàng Hưng nghĩ chính quyền thực dân Bồ Đào Nha sẽ dựng tượng, xây bia, đặt tên phố cho ai? Hỏi như thế để ông Hoàng Hưng thấy rằng việc Pháp vinh danh A. de Rhodes như người sáng chế ra một văn tự mới thì không phải lúc nào cũng thuần văn hóa, theo lịch sử mà là một hành động chính trị.

Tôi nghĩ rằng chính quyền thực dân Pháp lúc bấy giờ vinh danh A. de Rhodes là còn vì hai lý do: Một là để ghi ơn vai trò vận động đặc biệt của vị cố đạo này trong quá trình khai sinh chế độ thực dân Pháp tại Việt Nam. Và hai là biểu diễn một chiến thắng văn hóa trong cuộc tranh giành ảnh hưởng bá quyền và thần quyền giữa hai nước Pháp và Bồ trong thế kỷ thứ XVI.

3. Tuy nhiên, phần góp ý số 2 ở trên là chỉ để tranh biện với ông Hoàng Hưng về “công” của A. de Rhodes, nếu có, mà thôi. Tại vì về mặt học thuật, ít nhất là cho đến nay (2006), người đầu tiên thật sự sáng nghĩ ra chữ Việt Latinh hóa một cách quy mô thì đã được xác định rõ ràng: Không phải là hai ông Gaspar de Amaral và Antonio Barbosa nói trên, lại càng, dĩ nhiên, không phải là Alexandre de Rhodes, mà là một giáo sĩ Bồ Đào Nha khác tên là **Francisco de Pina** mà A. de Rhodes đã có nhắc đến nhưng một số người Việt ta có lẽ vì nặng lòng với tôn giáo và vì ơn mưa móc của thực dân Pháp nên cố tình quên.

Tôi xin trích đăng một phần bài viết “ *Ai là người thật sự sáng chế ra chữ Quốc ngữ*” (Tạp chí *Huế, Xưa & Nay* số 62 tháng 3-4/2004) của nhà nghiên cứu Nguyễn Phước Tương mà

chúng tôi, trong giới hạn của mình, đã kiểm chứng tính trung thực của các dữ kiện:

“Thời Pháp thuộc, người Pháp tuyên truyền rằng giáo sĩ Alexandre de Rhodes đã có công sáng chế chữ Quốc ngữ. Nhưng theo nghiên cứu của nhà ngôn ngữ học người Pháp Roland Jacques thì người có công đầu này chính là giáo sĩ Bồ Đào Nha Francisco de Pina.

Roland Jacques đã bỏ ra hàng chục năm để nghiên cứu vấn đề này và đến cuối năm 1995 ông công bố chuyên luận “Công trình của một số nhà tiên phong Bồ Đào Nha trong lĩnh vực ngôn ngữ học Việt Nam cho đến năm 1650”. Đến năm 2002, công trình được tái bản có bổ sung bằng song ngữ Pháp-Anh.

Sau nhiều năm tìm kiếm trong hàng vạn trang viết về Đàng Trong ở thế kỷ 17-18 còn được lưu trữ tại Thư viện Hoàng gia của cung điện Ajuda ở thủ đô Lisbonne, ông may mắn phát hiện được một bức thư viết dở, dài 7 trang, của giáo sĩ Francisco de Pina vào đầu năm 1623 gửi cho khâm sai Jeromino Rodriguez ở Macao, báo cáo về công việc truyền giáo và Latinh hoá tiếng Việt.

*Giáo sĩ Francisco de Pina đến Đàng Trong vào đầu năm 1617, đặt chân đầu tiên ở Đà Nẵng, sau đó vào giữa năm này, đến truyền đạo ở cảng Thị Nại Hội An. Đầu năm 1618, ông chuyển đến Nước Mặn, Quy Nhơn. Đến đầu năm 1621, ông quay lại truyền đạo ở Hội An cho đến đầu năm 1625. Giáo sĩ A. de Rhodes đến Hội An năm 1624 và **học tiếng Việt** với ông tại đây.*

... Trong bức thư viết vào đầu năm 1623 nói trên, Francisco de Pina đã viết: “Về phần tôi, tôi đã biên soạn một chuyên luận nhỏ về từ vựng và các thanh của ngôn ngữ này (tức tiếng Việt) và tôi đang bắt tay viết về ngữ pháp. Tuy nhiên, tôi

cũng đã tập hợp được những cổ tích, thuộc nhiều loại khác nhau, nhằm cung cấp các trích dẫn của các tác giả để xác minh nghĩa của các từ và các quy tắc của ngữ pháp, cho đến nay tôi có thể yêu cầu một người nào đó đọc để tôi phiên dịch sang các chữ Bồ Đào Nha (tức chữ Latinh)... Ngoài ra, tôi đã có ba bốn cuốn tập hợp các bài viết có lý luận trong số các bài viết hay nhất mà tôi tìm thấy được ở Vương quốc này”.

Những điều Francisco de Pina đã viết trước khi Alexandre de Rhodes đến Đàng Trong một năm cho thấy ông đã tiến hành việc Latinh hóa tiếng Việt chậm nhất là vào năm 1622, và đã tạo ra những cuốn sách viết bằng chữ Quốc ngữ **sớm hơn bất kỳ một giáo sĩ Tây phương nào** đến Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài.

... Sau khi người Thầy Francisco de Pina qua đời, các công trình Latinh hóa tiếng Việt đầu tiên của ông đã vào tay **người học trò** Alexandre de Rhodes và ông này đã mang theo khi ra Đàng Ngoài năm 1627.

... Về việc **người Việt có tham gia** trong sự phát minh chữ Quốc ngữ, theo Roland Jacques, gồm hai nhóm: Thứ nhất là giới trí thức gồm có các thầy đồ, sư sãi, các trưởng tông phái (đạo Lão, đạo Khổng,...), quan lại hưu trí và sĩ tử là những người giỏi tiếng mẹ đẻ, am hiểu nền văn hóa dân tộc. Nhóm thứ hai gồm các phiên dịch là thanh niên giáo dân biết tiếng Bồ Đào Nha, Latinh giúp giáo sĩ truyền đạo. Và số người Việt này phải đông hơn gấp nhiều lần so với số các giáo sĩ.

... Ngày nay, các nhà ngôn ngữ học hiểu rất rõ nếu các giáo sĩ phương Tây không được sự hợp tác của người Việt thì **không thể** Latinh hóa tiếng Việt được. Bởi vậy Roland Jacques đã viết: “Chính cả Pina và các đồng nghiệp đã tập hợp được những người hợp tác có chất lượng mà nếu không có họ, mọi công trình ngôn ngữ học nghiêm túc sẽ không thể có được”. Và

ông đề nghị: “Cần thiết phải đặt đúng vị trí việc làm của cá nhân Alexandre de Rhodes trong một công trình tập thể mà ông chỉ là một trong số nghệ nhân thứ yếu, trong đó người Bồ Đào Nha và những người cạnh tranh ngang hàng Việt Nam của họ đã giữ vai trò hàng đầu”.

Bài viết này của tác giả Nguyễn Phước Tương làm tôi suy nghĩ 2 điều:

□ Vai trò *góp phần quan trọng tạo ra chữ Quốc ngữ* của A. de Rhodes mà những người như ông Hoàng Hưng đang muốn nỗ lực xiển dương thì cần phải được đánh giá lại cho đúng. Nhất là nỗ lực đó nhằm *“phục hồi nhân phẩm”* cho ông cố đạo này như ông Hoàng Hưng viết, và lại còn (hàm ý) muốn dựng tượng, xây bia, đặt tên phố cho ông ta nữa.

□ Những khám phá mới của nhà ngôn ngữ học Roland Jacques được công bố năm 2002 trên toàn thế giới, sau đó được tác giả Nguyễn Phước Tương thông báo trong nước trễ nhất là năm 2004, thế mà đến năm 2006 (nghĩa là 2 năm sau), ông Hoàng Hưng có vẻ vẫn lập luận và mang tâm cảnh (mindset) dựa trên những thông tin lỗi thời của ông từ năm 1992.

4. Như đã viết ở trong phần dẫn nhập và trong góp ý 1, về mặt học thuật, chúng ta đang chờ đợi ông Hoàng Hưng cho biết xuất xứ của các tài liệu, và còn vấn đề gì cần thảo luận thêm không? Tuy nhiên, dù là giả thuyết nào đúng, thì bằng bạc khắp bài viết ông Hoàng Hưng có vẻ như đã đóng chốt một kết luận về “công” (!) của ông cố đạo Alexandre de Rhodes này rồi.

Thật vậy, ông dẫn ra 4 sự kiện có thật nhưng ông lại mĩa mai không bằng lòng:

a. ... *Tính xác thực của một câu trích dẫn Alexandre de Rhodes đã lưu hành suốt mấy chục năm trời ở miền Bắc trong hầu hết công trình viết về lịch sử xâm chiếm Việt Nam của thực*

dân Pháp.

b. ... *Quả là một dẫn chứng tuyệt vời cho nhận định các nhà truyền giáo Gia Tô là những kẻ mở đường cho các đạo quân xâm lăng!*

c. ... *Câu trích này thậm chí đã được kẻ lên bảng treo trong Bảo tàng Lịch sử ở Hà Nội. Và ác thay, nó là lý do chính khiến cho tượng, bia kỷ niệm, tên phố của vị công thần với văn hóa Việt Nam (người góp phần quan trọng tạo ra chữ Quốc ngữ) đã bị xóa bỏ.*

d. ... *Và người có công phát hiện câu trích ấy là một nhà nghiên cứu tên tuổi, các "nhà" khác sau đó cứ "ô tô matic" trích lại như một sự thật hiển nhiên. Được biết về sau vị có công đó lên tới chức Viện trưởng Viện Tôn giáo!*

Qua 4 đoạn ngắn đó, tôi có thể hiểu rằng, theo ông Hoàng Hưng, ông cố đạo Alexandre de Rhodes là người có công lớn với dân tộc ta (chỉ ít cũng là *công thần với văn hóa Việt Nam*), xứng đáng vinh danh trên toàn nước (thế mà *tượng, bia kỷ niệm, tên phố của vị công thần với văn hóa Việt Nam... đã bị xóa bỏ*).

Chắc không ai có thể đồng ý với ông Hoàng Hưng về một kết luận tùy tiện, đơn giản và thiếu sử liệu đến như thế được. Lịch sử cần sòng phẳng. Công thì khen, tội thì phạt. Công ít thì khen ít, tội nhiều thì phạt nhiều, không thể mập mờ.

□ Công của ông cố đạo này thì đã quá rõ: ông A. de Rhodes dứt khoát không phải là người đầu tiên mà chính là giáo sĩ người Bồ, đã sáng nghĩ ra việc dùng mẫu tự Latinh để phiên âm tiếng Việt nhằm dễ dàng hóa việc truyền đạo. Nhưng trong lúc biên soạn sách giảng đạo bằng tiếng Việt theo mẫu tự Latinh, ông Rhodes cũng như các cố đạo người Bồ đã vô tình góp công vào việc phát triển chữ Quốc ngữ theo mẫu tự Latinh.

Bên cạnh đó, những trí thức Việt Nam, các thầy đồ, sư sãi, quan lại... đã lợi dụng công trình của các ông cố đạo để chỉnh trang, hệ thống hóa và đặt nền móng cho tiếng Việt của chúng ta ngày nay mới thực sự là những người vô danh nhưng cần được vinh danh. Việc làm vô tình ấy của ông Rhodes phải chăng có thể được gọi là *công thần văn hóa chẳng?*, và đáng để *xây bia, đúc tượng, đặt tên đường* như những vị danh nhân văn hóa khác của Việt Nam?

□ Huống gì khi mở rộng ra trên bình diện lịch sử dân tộc, tội của ông thì cũng đã quá rõ, và quá nặng: Ông Alexandre de Rhodes là một cố đạo Pháp đầu tiên đã vận động chính quyền Pháp xâm chiếm nước ta với ý đồ làm cho hai chính sách *truyền đạo của nhà thờ* và *đô hộ của nhà nước* quán quyền vào nhau trong một thế hỗ tương quyền lợi, dù ý đồ đó không thành tựu ngày ông nhắm mắt. Tuy nhiên, chính vì “tiền lệ” đó mà sau này những giáo sĩ Pháp như Pallu, De la Motte, Huc, Pellerin, Puginier,... đã triển khai để thành công trong việc thuyết phục, kế hoạch, và tiến hành cuộc xâm lăng nước ta và áp đặt nền đô hộ trên dân tộc ta.

Xin giới thiệu với ông Hoàng Hưng một vài đầu sách xuất bản tại nước ngoài, để ông tham khảo thêm về chủ đề này: *Histoire moderne du pays d’Annam*, **Charles Maybon**; *Vietnam: History, Documents and Opinions*, **Marvin Gettleman**; *L’Empire Vietnamien face à la France et à la Chine*, **Yoshiharu Tsuboi**; *La place du Catholicisme dans les relations entre la France et le Vietnam de 1851 à 1870*, **Etienne Vũ Đức Hạnh**; *Fire in the Lake*, **Francis Fitzgerald**; *Vietnam’s Will to Live*, **Helen Lamb**; *The New Face of the War*, **Malcolm Browne**; *Vietnam A History*, Stanley Karnow; *Vietnam, A Political History*, **Joseph Buttinger** — Rhodes đã làm gì cho Việt Nam, **Trần Quý** - *Việt sử toàn thư*, **Phạm Văn Sơn**; *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, **Nguyễn Thế Anh**; *Việt Nam Pháp thuộc*

sử, **Phan Khoang**; *Đạo Thiên Chúa và chủ nghĩa thực dân tại Việt Nam*, **Cao Huy Thuần**; *Thập giá và lưỡi gươm*, **Trần Tam Tĩnh**; *Lịch sử nội chiến Việt Nam*, **Tạ Chí Đại Trường**; *Tìm về dân tộc, Tôn giáo và Dân tộc*, **Lý Chánh Trung**; *Histoire de la pénétration Francaise au Vietnam (1858-1897)*, **Nguyễn Xuân Thọ**, ...

Ngoài ra, cũng đề xác định với ông Hoàng Hưng rằng quy luật “*thập giá đi trước, lưỡi gươm theo sau*” của giáo hội Vatican là nhất quán và có tính toàn cầu, xin lại giới thiệu với ông một số đầu sách khác để ông có một cái nhìn tổng thể hơn: *The Vatican Empire*, Nino Lo Bello; *American Freedom and Catholic Power*, Paul Blanshard; *Pope, Premier, President*, Roland Flamini; *Catholicisme et sociétés asiatiques*, Alain Forest & Yoshiharu Tsuboi; *The Roman Catholic Church in Colonial Latin America*, Richard E. Greenleaf; *The Catholic Church in World Politics*, Eric O. Hanson; *The Missionaries: God Against the Indians*, Norman Lewis; *Catholic Imperialism and World Freedom* và *The Vatican's Holocaust*, Avro Manhattan; *Công giáo chính sử: 2000*, Trần Chung Ngọc; *The Politics of the Vatican*, Peter Nichols; *Christ or Evil? The Corrupt Face of Christianity in Africa*, Anene Obianyo; *The Holy Humbugs*, Padchi; *Missionnaires*, Julian Pettifer & Clive Prince; *The Roman Catholic Church in Modern Latin America*, Karl M. Schmit; *Công giáo trên bờ vực thẳm*, Charlie Nguyễn; *The Keys of This Blood*, Malachi Martin...

Cuối cùng, để kết thúc bài viết này, tôi cho rằng việc đặt lại tên đường và dựng tượng Alexandre de Rhodes cách đây mấy năm là một quyết định hoàn toàn sai lầm ^[1] của những người chịu trách nhiệm về văn hóa và sử học của nước ta, cả trong lẫn ngoài nhà nước, như hàng ngàn sai lầm khác trong quá khứ mà nhà nước cũng như nhân dân ta đang từ từ sửa lại.

Sự thật dù có bị chôn vùi hay bóp méo bằng những lớp bụi

chính trị nhất thời và quyền lợi tôn giáo, thì cuối cùng vẫn là sự thật. Những sai lầm về lịch sử cần được nhà nước và nhân dân điều chỉnh.

Bùi Kha

14.4.2006

oOo

* Bài này có đăng trên web Talawas ngày 24.4.06:

<<http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=6987&rb=0302>>

^[1]Tôi đã trình bày rõ những sai lầm này trong bài viết (31-7-1996): “Góp ý với giáo sư Chương Thâu về vai trò của Alexandre de Rhodes và nguồn gốc chữ Quốc ngữ”.

Bài 3

ALEXANDRE DE RHODES

TRẢ LỜI ÔNG PHẠM QUANG TUẤN VÀ PHONG UYÊN*

Bùi Kha



Lính Pháp Thế kỷ 18 th

Sau khi viết bài “*Alexandre de Rhode, chữ Quốc ngữ và quan điểm chính trị*”*, tôi định ngưng bàn về vấn đề này cho đến cuối tháng 8 năm nay vì có một số việc cần phải làm. Nhưng thấy có hai bài viết sai lầm về quan điểm chính trị của A. de Rhodes, nên tôi muốn nhân đây để làm rõ thêm vấn đề.

Trước hết, một lần nữa, tôi muốn biện chính với tất cả những ai, nhất là linh mục Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên, các giáo sư Chương Thâu, Nguyễn Đình Đầu và Đinh Xuân Lâm ... về cụm từ “*la conquête de tout l’Orient*”, mà quý vị dịch và chú thích là “nước Cha trị đến”, là một việc làm hết sức tùy tiện, đoạt từ cường ý. Cụm từ “*nước Cha trị đến*” tiếng Anh viết là “*thy kingdom come*” được tìm thấy trong cuốn *Lord’s Prayer* (Kinh Lạy Cha). Đây là một bài kinh được in trong Kinh Nhật Khóa của các nhà thờ, hầu như con chiên nào cũng biết, chẳng lẽ một linh mục đồ tiến sĩ Thần học, Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên, lại không biết? Đoạn tôi trích sau đây ở trong cuốn *Worship II* (Nhà xuất bản G.I.A publication, Inc. Edition 1975. Sách không có số trang nhưng đánh số thứ tự theo bài), bài thứ 334:

Our Father, who art in heaven (Lạy Cha chúng con ở trên trời) *hallowed be thy name* (chúng con nguyện danh Cha cả sáng); ***thy kingdom come*** (nước Cha trị đến); *thy will be done on earth as it is in heaven* (vâng ý Cha dưới đất cũng như trên

trời).

Give us this day our daily bread (Xin Cha cho chúng con lương thực hằng ngày) *and forgive us our trespasses* (và tha nợ chúng con) *as we forgive those who trespass against us* (như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con); *and lead us not into temptation* (xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ) *but deliver us from evil* (nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ). Amen.

Tôi hy vọng từ nay không ai còn nhầm lẫn hay cố ý nhầm lẫn để dịch theo ý riêng của mình, nhằm thỏa mãn một tình cảm nào đó.

A. Ông Phạm Quang Tuấn

1. Về nghĩa ngữ chữ “*soldats*” và cụm từ “*la conquête de tout l’Orient*” ông Tuấn viết như sau:

“Lý lẽ này rất nực cười. Muốn hiểu mọi nghĩa đen nghĩa bóng của một chữ thì phải xem người đời dùng chữ đó ra sao, chữ từ điển (nhất là từ điển yếu lược như những từ điển Pháp Việt, Anh Việt hiện có) làm sao mà kê khai được tất cả những lối viết văn vẻ, bóng bẩy của mọi giới, mọi nghề? Chỉ có những người không rành tiếng Anh hay tiếng Pháp mới phải viện dẫn hai từ điển đó...”

Trong bài, tôi đã dẫn chứng đến SÁU luận điểm; từ bối cảnh chính trị, tôn giáo, hành động, phát ngôn và tư cách của Linh mục A. de Rhodes, để quyết định hiểu chữ “*soldats*” theo nghĩa nào. Việc ông Tuấn chỉ dẫn một trong sáu luận điểm của tôi để phê bình là ông Tuấn thiếu trong sáng.

Thực ra, ngoài sáu luận chứng nêu trên còn hai chứng cứ nữa để hiểu chữ “*soldats*” mà Lm de Rhodes dùng có nghĩa là binh lính vì trong thời gian trú ngụ tại Việt nam, de Rhodes đã vẽ một bản đồ có tính chiến lược về quê hương ta. Và trong cuốn *Phép giảng tám ngày*, Lm de Rhodes còn hung bạo đòi

chém ông Thích Ca, người sáng lập đạo Phật. Hành động không đưa ra tòa, không có án tử hình mà đòi chém kẻ khác, thì việc xin binh lính chỉ là một hành động hết sức bình thường, tại sao ông Tuấn còn bênh vực một cách thiếu sử liệu và vô lý?

2. Ông trích: “Bùi Kha viết *“Danh từ ‘La France’ (nước Pháp) chứ không phải danh từ ‘Eglise francaise’ (Giáo hội Pháp) là chủ từ của mệnh đề đó, nên chữ ‘soldat’ phải được hiểu là ‘lính chiến’ chứ không thể hiểu ẩn dụ là ‘lính thừa sai’ được”,* nhưng lại bỏ đoạn kế tiếp của tôi ^[1] rồi đặt câu hỏi *“Xin hỏi tại sao nước Pháp (la France) lại không thể có thừa sai, hay những linh mục có thể gửi đi làm thừa sai? Như vậy nói “Pháp có nhiều tàu chiến” là sai, phải nói là “hải quân Pháp có nhiều tàu chiến” mới là đúng sao?”*”.

Một lần nữa trong đoạn tiếp sau đoạn luận về nghĩa ngữ chữ Soldat tôi cũng nhắc lại cụm từ “chính phủ Pháp” ^[2], nhưng ông Tuấn vẫn lờ đi.

Hai lần ông Tuấn cố tình bỏ quên 3 chữ “chính phủ Pháp” của tôi, mà chỉ sử dụng hai từ “Nước Pháp, La France” để lạc dẫn dư luận.

3. Ông Phạm Quang Tuấn chỉ trích việc tôi viện dẫn sự kiện Linh mục Alexandre de Rhodes vào triều đình vận động làm bằng chứng (cho hành động của A. de Rhodes), rồi đặt câu hỏi:

“Vào triều đình đâu có nghĩa là chỉ có thể để xin lính chiến. Tại sao Bùi Kha không nghĩ là de Rhodes xin bảo trợ tiền bạc cho thừa sai, và giúp ông quảng bá lời kêu gọi truyền giáo của ông đi khắp các giáo phận của Pháp? Trước đó thì triều đình Bồ Đào Nha đã bảo trợ rất nhiều cho công việc truyền giáo, vậy de Rhodes xin triều đình Pháp bảo trợ thì có gì là không hợp lý? Ngoài ra, ước muốn chính của de Rhodes là có giám mục đi Việt Nam, vì chỉ giám mục mới có quyền phong

chức linh mục cho người bản xứ, để cho việc truyền đạo được nhanh chóng. Vì vậy de Rhodes cần vào triều đình (xin xem giải thích thêm ở sau)”.

Việc ông Tuấn đặt câu hỏi “tại sao, không nghĩ... xin triều đình bảo trợ tiền bạc... xin quảng bá lời kêu gọi...”, chỉ là các giả thiết và cách suy diễn của ông Tuấn mà thôi, chứ không có tư liệu làm bằng cứ.

4. Ông Phạm Quang Tuấn viết:

“Bùi Kha viết ”linh mục de Rhodes cũng đã bộc lộ thêm: ‘Tôi chưa công bố thánh chiến... và đem đi cấm những nơi cùng kiệt cỗi đất’”. Thật lạ lùng khi Bùi Kha dùng đoạn này để chứng tỏ soldat là lính chiến (nghĩa đen)! Câu này cho thấy là de Rhodes lúc nào cũng nghĩ tới các nhà truyền đạo, chứ đâu có nghĩ tới lính đánh trận”.

Xin hỏi ông Tuấn là đạo Công giáo có đến tám cuộc “Thánh” chiến, họ có dùng binh lính, các giáo sĩ và tín đồ có vũ trang để tàn sát trên cả trăm triệu mạng người vô tội không?

5. Ông Tuấn viết: *“Ông Bùi Kha có hiểu ”con cái thánh Inhaxu” và Phanchicô Xavie là những ai không nhỉ?”*

Tôi, Bùi Kha, biết ít về hai vị “thánh” này, nên chỉ xin trình bày vài nét như sau:

a. Thánh Inhaxu (thánh Ignatius, người sáng lập Dòng Tên) : *“Từ lúc Ignatius chết năm 1556, các con của ông (các giáo sĩ Dòng Tên) đã chiến đấu chống lại các người ngoại giáo ở Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật, Tân Thế Giới, và đặc biệt là miền Nam nước Pháp và Tây Đức”* ^[3]. *“Những tu sĩ Dòng Tên là những trí thức hợm hĩnh kiêu ngạo (intellectual arrogant), chủ trương cứu cánh biện minh cho tất cả các phương tiện (The end justifies all the means). Họ chủ trương tìm mọi cách làm lợi cho Giáo hoàng La Mã” (We know best what benefits the pontiff).*

b. “Thánh” Phanchicô Xavie (Francis Xavier) là môn đệ khét tiếng của Inhaxu (nói ở trên). Kinh “Nhật Khóa” của giáo phận Sài Gòn, được Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình duyệt y, ngày 19.3.1971, có đoạn câu ông “thánh” Phan-ci-cô Xa-vi như sau:

“Ông Thánh Phan xi cô là môn đệ rất xứng đáng của ông Thánh I-nha-xi-ô (Ignatius)

- *là quan thầy các nước Đông phương;*
- *là kẻ nghịch đạo dị đoan;*
- *phá tan đạo bụt thần ma quỷ;*
- *là linh rao giảng Đức Chúa Thánh Thần cho những dân mọi rợ”.*

Theo đoạn kinh này thì hơn 90% dân Việt Nam không theo Công giáo đều là những tên mọi rợ, cần phải tiêu diệt tất cả.

Trong “Toàn niên kinh nguyện” của địa phận Bùi Chu và Hà Nội^[4], chúng ta cũng thấy những câu tương tự:

“Cúi xin Chúa từ nay về sau đừng để những người ngoại đạo khinh dễ công ơn cứu chuộc. Xin Chúa vì lòng nhân từ Chúa mà dong thử cho những kẻ ấy xưa nay đã lạc đảng thờ lạy bụt thần” (trang 18-19).

Qua trang 143-145 cũng có các câu tương tự:

“Xin Chúa hãy làm vua các kẻ còn ở nơi tăm tối thờ lạy bụt thần hay là theo đạo Mahomét mà rủi thương chúng nó nhận biết sự sáng thật cùng phục quyền Chúa tôi”.

Tín đồ đạo Phật (Bụt) thì không sao. Còn với người Hồi giáo, rất may là họ không đọc được tiếng Việt. Nếu không, hẳn sẽ có chuyện đổ máu xảy ra, tội nghiệp cho con dân Việt Nam bị hàm oan.

Đã trải qua hơn ba thế kỷ, từ thời Lm Đắc Lộ, mà các chức sắc giáo hội Công giáo Việt Nam còn có thái độ khinh mạn, đòi “phá tan” những tín ngưỡng khác như vậy. Vì thế, có thể coi đó là lý do thứ 8 để chứng minh nghĩa ngữ của chữ soldats mà linh mục Dòng Tên A. de Rhodes sử dụng trong cuốn *Hành trình và truyền giáo* của ông.

6. Ông Phạm Quang Tuấn tiếp:

“Bùi Kha viết "giáo sĩ Đắc Lộ (hoặc bất cứ một giáo sĩ nào) không thể trông cậy vào Giáo hội Pháp (hoặc bất cứ một giáo hội nào) nên ông đã vào triều đình Pháp để xin lĩnh chiến là do bối cảnh chính trị tôn giáo trong thời kỳ đó như thế. Nhưng trong thời gian trị vì, vua Louis XIV bận rộn với những cuộc chiến tại Âu châu và phí tổn xây cất cung điện Versailles quá lớn, nên việc vận động của giáo sĩ Đắc Lộ, có lẽ vì thế, mà không thành. "Không hiểu Bùi Kha đã lấy tài liệu ở đâu về cái "bối cảnh chính trị tôn giáo" kỳ cục của ông để suy diễn lung tung như vậy. Trong thời kỳ de Rhodes đến Pháp tìm thừa sai, Louis làm sao mà "bận rộn với những cuộc chiến tại Âu châu và phí tổn xây cất cung điện Versailles"! Lúc ấy, Louis XIV hãy còn là "vua kiểng", quyền hành nằm hết trong tay quan nhiếp chính Mazarin cho tới khi ông này chết vào năm 1661. Versailles chỉ bắt đầu xây năm 1661. De Rhodes trở về Âu châu năm 1649, thăm Pháp trong thập niên sau đó, và chết ở Ba Tư năm 1660”.

Về đoạn phê bình này, thì ông Tuấn có đúng một phần rất nhỏ, nhất là thời gian xây cất cung điện Versailles. Nhưng về tình hình chính trị và tôn giáo thời bấy giờ, ông Tuấn hoàn toàn sai. Sự kiện được tóm lược như sau:

Giáo hội La Mã muốn biến nước Pháp thành một nước ngoan đạo và cuồng tín như Tây Ban Nha. Khi Vua Henri IV bị ám sát chết vào năm 1610, vua Louis XIII (1610-1643) lên nối ngôi. Giáo hội bố trí cho Hồng y Richelieu nắm giữ chức vụ

trương đương như thủ tướng bây giờ.

Theo lệnh của Giáo hội, Hồng y Richelieu cố gắng biến nước Pháp thành một nước theo đạo Công giáo hùng mạnh nhất Âu châu để không chế các nước khác theo đạo Tin Lành và biến ông vua nước Pháp thành một tên bạo chúa theo khuôn mẫu như các bạo chúa Ferdinand V (1452-1516), Isabella I (1451-1504), Philip II (1527-1598) của Tây Ban Nha và Mary I (1553-1558) với tục danh là "Mụ Mary Khát Máu" (Bloody Mary) của nước Anh. Sự kiện này được sách **Living World History** viết như sau:

"Với dáng người mảnh khảnh, nước da xanh xao do một căn bệnh bất khả trị gây nên, nhưng Hồng y Richelieu lại có một ý chí sắt đá. Ông đã thành công hai mục tiêu là (1) tăng cường quyền lực của nhà vua và (2) làm cho nước Pháp trở nên hùng mạnh nhất ở Âu châu. Để hoàn thành mục tiêu thứ nhất, ông bãi bỏ quyền chính trị của tín đồ Tin Lành Huguenots và quyền lực của giới quý tộc. Ông ra lệnh tấn công vào thành phố quan trọng, La Rochelle, của người Tin Lành Huguenots để cưỡng bách Tin Lành phải từ bỏ đặc quyền duy trì quân lính trú đóng ở trong các thị trấn của họ. Ông ban hành sắc lệnh tiêu hủy tất cả các lâu đài nào của giới quý tộc không cần thiết cho việc phòng thủ quốc gia. Giới quý tộc tại các địa phương phải nhường quyền hành cho các bồi thần tay sai thân tín của nhà vua có nhiệm vụ canh chừng và theo dõi mọi hoạt động của những người bị coi như là kẻ thù của vua. Hồng y Richelieu cũng hoàn thành được mục tiêu thứ hai bằng cách làm suy yếu quyền lực của triều đình Hapsburgs. Ông đẩy nước Pháp vào cuộc Chiến 30 Năm và sau cùng nước Pháp trở thành một quốc gia hùng mạnh nhất Âu châu"^[5].

Vua Louis XIII qua đời vào năm 1643, người lên kế nghiệp là vua Louis XIV (1643-1715), nhưng quyền hành vẫn ở trong tay Giáo hội với Hồng y Mazarin nắm giữ chức vụ thay thế Hồng y Richelieu (qua đời vào ngày 4 tháng 12 năm 1642).

Hồng y Mazarin cũng đi theo con đường của ông hồng y tiền nhiệm (Richelieu) do Giáo hội La Mã vạch ra từ trước, và đã hoàn thành nhiệm vụ biến vua Louis XIV thành một bạo chúa lừng danh của nước Pháp với lời tuyên bố đề đời "L'État, c'est moi" (Quốc gia chính là ta). Trong khi đó, nhân dân Pháp thù ghét chế độ này đến tận xương tủy. Đoạn sử dưới đây là bằng chứng:

"Hà khắc và luôn luôn hà khắc, Hồng y Richelieu tỏ ra rất ít quan tâm đến đời sống người dân thường của nước Pháp. Chính ông đã cưỡng bách nhân dân Pháp phải gánh chịu thuế khóa nặng nề. Cũng vì thế mà khi ông ta chết vào năm 1642 cũng là lúc nhân dân Pháp hân hoan reo mừng. Một năm sau, vua Louis XIII cũng qua đời, người con trai của nhà vua lên nối ngôi là Louis XIV, lúc đó mới có 4 tuổi. Trước khi chết, Hồng y Richelieu đã huấn luyện được người chuẩn sẽ thay thế mình là Hồng y Mazarin gốc Ý Đại Lợi. Trong thời kỳ tuổi thơ của Vua Louis XIV, Mazarin nắm trọn quyền chính. Các nhà quý tộc có thế lực cố gắng chống lại để giành quyền bị ông hồng y này đàn áp thẳng tay. Vì thế mà nước Pháp rơi vào thảm cảnh nội chiến. Các nhà viết sử gọi cuộc nội chiến này là "The Fronde". Cuối cùng vào năm 1653, các thế lực chống đối đều bị dẹp tan hay quy phục chính quyền của nhà vua (thực ra là của Hồng y Mazarin, có Giáo hội La Mã ở hậu trường). Khi Hồng y Mazarin qua đời vào năm 1661, Vua Louis XIV đã 22 tuổi, và trực tiếp nắm trọn mọi việc triều cương.

Vua Louis XIV là một trong những ông vua quyền thế trong các ông vua của nước Pháp. Ông cầm quyền cho đến năm 1715 và được xem như là một người chuyên chế hoàn hảo. Ông tuyên bố "Quốc gia là ta", một lời nói diễn tả chính xác thái độ của ông đối với nước Pháp" ^[6].

Vua Louis XIV không những lừng danh về lời tuyên bố "L'État C'est moi", mà còn nổi tiếng về việc xây điện Versailles

và chính sách đàn áp các tôn giáo khác với những biện pháp vô cùng dã man, trong đó có việc hủy bỏ Sắc lệnh Nantes vào năm 1685. Sự kiện này được các nhà viết sử ghi lại:

"... Thế rồi Vua Louis XIV phạm một lỗi lầm đã làm suy yếu nước Pháp. Ông nhất quyết cho rằng người Tin Lành Huguenots là những người bất trung và là mối nguy hiểm cho đất nước. Năm 1685, nhà vua ra lệnh hủy bỏ Sắc lệnh Nantes, luật này cho phép người Tin Lành được hưởng quyền tự do tôn giáo. Hơn một trăm ngàn dân Pháp theo đạo Tin lành Huguenots đành phải bỏ nước Pháp mà đi còn hơn là phải từ bỏ tín ngưỡng của họ và theo đạo Công giáo La Mã để được ở lại nước Pháp. Mặc dầu tín đồ Tin Lành chỉ chiếm vào khoảng 10 phần trăm dân số nước Pháp, nhưng trong khối tín đồ Tin Lành này, có nhiều người là những nhà lãnh đạo trong các ngành kỹ nghệ, là các thương gia và các nhà thủ công nghệ tuyệt vời. Mất đi những tài năng này là làm cho nước Pháp thiệt hại rất nhiều."^[7]

Tôi hơi dài dòng trong đoạn trích dẫn này để ông Tuấn khỏi thắc mắc và lạc dẫn người đọc là tôi lấy tài liệu ở đâu. Có điều không hiểu tại sao ông Tuấn không nói rõ chức tước Mazarin là Hồng y do giáo hội La Mã gài vào bên cạnh ông vua trẻ tuổi mà chỉ gọi là “quan nhiếp chính Mazarin”?

Như thế, nước Pháp thời bấy giờ được điều hành bởi một ông Hồng y (còn vua chỉ mới 14 tuổi). Lm Đắc Lộ vào triều để gặp hoàng hậu, gặp vua, gặp hồng y xin “plusieurs soldats” để “la conquête de tout l’Orient”, lại càng tốt hơn nữa, vừa che đậy được sắc lệnh của Giáo hoàng Alexander VI, chia thế giới cho Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, vừa dễ có kết quả hơn, vì vua còn quá trẻ (14 tuổi) và “phe ta” đã ngự trị sẵn trong triều từ lâu! Nhất cử lưỡng tiện.

Trong bài trước, tôi đã trích sắc lệnh của Giáo hoàng Alexander

VI về việc chia thế giới cho Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha nên Giáo hội Pháp không thể chen chân vào phương Đông được mà chỉ có nước Pháp mà thôi. Đoạn mô tả về tình hình chính trị tại Pháp lúc bấy giờ như trên làm sáng rõ thêm nhận định của tôi về quan điểm chính trị của Lm Rhodes. Mong rằng ông Tuấn nên khách quan và nhận định phải có sử liệu. Cũng thế, câu ông Tuấn phê bình dưới đây, nên thế tên Bùi Kha bằng tên **Phạm Quang Tuấn** mới đúng:

*“Quả là người đọc, nếu không hiểu về bối cảnh chính trị tôn giáo ở Pháp thời đó, sẽ lấy làm lạ về việc de Rhodes tìm tới triều đình Pháp và có thể suy diễn lung tung như ông **Phạm Quang Tuấn** đã làm”.*

7. Lời thẻ bí mật của Dòng Tên đã được phát giác: thậm chí quốc hội Mỹ cũng đã có biên bản về lời thẻ độc ác này. Nhưng ông Phạm Quang Tuấn lại cho rằng: *“Thực ra, đó chỉ là một lời thẻ giả mạo”.*

Theo tôi, nếu ông Tuấn viết rằng: “Lời thẻ đó do cộng sản bày ra để xuyên tạc Dòng Tên” thì có khi cũng thuyết phục được một vài người đọc!

8. Ông Phạm Quang Tuấn viết:

“Còn rất nhiều suy diễn hàm hồ khác mà Bùi Kha đã dùng để bảo vệ cách hiểu của ông, nhưng viết ra hết thì quá dài (và hầu như sẽ nhắc lại toàn bài của Bùi Kha) nên xin dừng ở đây. Cũng xin minh xác rằng tôi không phải tín đồ bất cứ phái nào của Thiên chúa giáo và không có lý do gì để thiên vị hay ủng hộ đạo này. Tôi thừa hiểu rằng, dưới con mắt của người thời nay, nhiều suy nghĩ và hành động của de Rhodes và của Giáo hội nói chung không thể chấp nhận được (cũng như việc cấm đạo và giết giáo dân của các vua Nguyễn không thể chấp nhận được). Tuy nhiên, đã viết ra thì phải có chứng cứ vững vàng và lý luận mạch lạc chứ đừng tung hỏa mù làm rối mắt công chúng. Ông Bùi Kha nên hiểu rằng những lý luận yếu kém,

hiểu biết sai lạc và sự khăng khăng bảo vệ nhằm lẫn của mình không những chẳng thuyết phục được ai mà còn làm thiệt thòi cho quan điểm của mình, không kể là mất thì giờ người đọc”.

Tôi yếu kém hay ông Nguyễn Quang Tuấn yếu kém và nguy biện thì độc giả cũng đã biết.

Mặc dầu ông Tuấn đã thừa nhận là “... nhiều suy nghĩ và hành động của de Rhodes và của Giáo hội nói chung không thể chấp nhận được”, nhưng ông lại thêm “cũng như việc cấm đạo và giết giáo dân của các vua Nguyễn không thể chấp nhận được”. Tôi cũng thấy việc giết giáo dân vô tội là một tội ác. Còn việc cấm đạo thì chúng ta nên thận trọng lúc phê phán. Mặc dầu ông Tuấn khuyên tôi “... đã viết thì phải có chứng cứ vững vàng..”, nhưng trong bài đối luận với tôi ông chỉ suy diễn tùy tiện chứ không có chứng cứ. Ngay cả tài liệu của quốc hội Mỹ ông cũng cho là “giả mạo”. Và lúc phê phán về việc cấm đạo dưới triều Nguyễn ông cũng thiếu chứng cứ.

Tôi xin dẫn ba ý kiến của ba người có thẩm quyền và địa vị rất cao trong xã hội và cùng có chung một tín ngưỡng là Công giáo về hành động “cấm đạo” của triều Nguyễn như sau:

a. Giáo sư Lý Chánh Trung, một trí thức công giáo, trong cuốn *Tôn giáo và dân tộc* viết rằng: “*Nếu đặt địa vị của chúng ta vào các ông vua triều Nguyễn thì chúng ta cũng không thể làm khác được*”.

b. Đô đốc Rigault de Genouilly, người chỉ huy cuộc đổ bộ quân Pháp lên Đà Nẵng, 1.9.1858, trong một văn thư đề ngày 29.1.1959, viết:

“Không một nền cai trị nào, dù là phục vụ cho đạo Công giáo, lại có thể dung thứ cho sự xâm phạm thường xuyên và ngu xuẩn vào các vấn đề chính trị, dân sự, và quân sự vốn không được và không phải thuộc quyền hạn của họ (các giáo sĩ, BK).

Nếu cũng vì những yếu tố buộc tội đó mà giám mục Pellerin bị nhà cầm quyền An Nam trục xuất thì báo chí của người truyền đạo lại kêu la om sòm là họ bị “bạo hành” [8].

c. Đô đốc Page, trong văn thư đề ngày 14-12-1859 và 25-12-1859, viết như sau:

“Thật vậy, trong lúc dân chúng hoảng hốt chạy trốn khi quân Pháp kéo đến và tổ chức vũ trang tự vệ, ở nơi đông dân thì 3.000 tín đồ Công giáo đi theo Pháp và xin được đưa vô Sài Gòn là nơi mà Page đã dựng lên một thị trấn. “Tôi ngạc nhiên biết bao khi hôm sau các nhà truyền giáo đến nói với tôi, rằng các con chiên An Nam không tuân theo một quyền lực vô đạo, họ nói như thế. Thế sao! Họ cũng không muốn có cảnh sát để chặn đứng trộm cướp du đãng, cướp bóc thành phố? Và tôi rất hổ thẹn khi thú nhận với Ngài rằng Giáo hội Công giáo tại An Nam đã ngạo nghễ đi rao giảng các nguyên lý đó. ‘Ngoài ra không người Việt Nam theo Công Giáo nào ngần ngại xin gia nhập làm lính dưới cờ Pháp, ông vua Việt Nam không theo đạo, không phải là vua của họ’. Chắc bây giờ ngài đã hiểu tại sao vua, quan đã coi các nhà truyền giáo là kẻ thù?” [9].

Xem thế, một Đô đốc thực dân Pháp cùng tín ngưỡng cũng không thể chịu nổi những hành động của các giáo sĩ, trách gì các vua quan triều Nguyễn?

Hy vọng qua tám đôi luận ở trên, ông Tuấn sẽ thấy thêm sự thực của vấn đề, và từ bỏ lối lý luận tùy hứng không có sử liệu.

B. Ông Phong Uyên

Đúng ra tôi không nên đối luận với ông. Lý do: Thay vì trưng bày những sự kiện lịch sử để làm sáng tỏ một vấn đề học thuật đã bị nhầm lẫn hơn 60 năm qua, ông lại chụp mũ tôi là cộng sản để lạc dẫn độc giả và để chặn họng người mà ông

muốn đối thoại.

Đây là câu ông chụp mũ: *“Tôi có cảm tưởng khi đọc những dòng trên như đang sống lại thời Nhân văn-Giai phẩm...”*.

Ông còn viết một câu khác ra ngoài học thuật, *“Tôi không khỏi ngạc nhiên là thời buổi đổi mới này vẫn còn có người...”*.

Tôi nghĩ, thời buổi đổi mới không có nghĩa là phải thay đổi các sử liệu để biến đen thành trắng. Mà chúng ta nên tìm hiểu lịch sử, rút tía những bài học của quá khứ để tránh tái phạm và định hướng cho tương lai. Không nên có tư tưởng khơi lại đồng tro tàn để tạo mối bất hòa giữa những người khác quan điểm, khác tôn giáo, khác giai cấp.

Đúng ra, tôi không nên đối luận với ông như đã nói ở trên. Nhưng để tránh dĩ hư truyền hư, tôi chỉ thảo luận với ông hai điểm nhỏ (còn nhiều điểm khác trong bài của ông cũng mang đầy tính hư cấu và thiếu khách quan như ông Phạm Quang Tuấn mà tôi đã trả lời).

Ông Phong Uyên viết: *“Nếu A. de Rhodes có thật muốn vua Louis thứ 14 gửi quân mà vì lí do gì không muốn dùng những chữ troupes, armées thì chỉ cần thêm mạo tự les, des, viết một cách giản dị và đúng mạo luật cho tới bây giờ là les soldats, des soldats.*

Đó là những sơ đẳng của tiếng Pháp mà một người có trình độ trung bình về tiếng này cũng có thể nhận thức được...”.

Ông cho rằng tôi “thiếu trình độ sơ đẳng” văn phạm tiếng Pháp. Quả như vậy. Tiếng Pháp tôi chỉ biết đọc, viết sơ sơ. Tiếng Hán cũng thế. Có thể làm học trò (?) của ông về phương diện văn phạm tiếng Pháp chăng?

Nhưng lúc ông đề nghị thêm mạo tự les, des, vào trước

chữ soldats như “les soldats, des soldats” “*cho đúng mẹo luật từ thời Lm Rhodes tới bây giờ*”, tôi nghĩ trình độ văn phạm tiếng Pháp của ông e ra kém hơn tôi quá xa. Lý do, Lm Rhodes vào triều đình để xin nhiều binh lính, nhưng không biết số lượng sẽ được bao nhiêu, nên ông dùng chữ *plusieurs* (indéfini). Les cũng là số nhiều nhưng có thể định lượng (défini). Do đó, chữ **les** không thể dùng trong trường hợp của Linh mục Rhodes như ông Phong Uyên biện bạch sai.

Kế tiếp, chúng ta nên nhớ rằng Lm Đắc Lộ xin nhiều *plusieurs soldats* để “chinh phục toàn cõi phương Đông”, chứ chỉ xin **một vài tên lính** làm sao mà chinh phục cả lục địa lớn như thế được? Do đó, thêm một lần nữa, chữ “*plusieurs*” không thể được dịch **một vài** như Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên và một vài người dịch tùy tiện như ông.

Tóm lại, chúng ta cố gắng tiếp cận tất cả những thông tin, những sử liệu có được để đánh giá đúng mức (nếu có thể) về tâm tư, nguyện vọng và hành động của người xưa; nếu chê trách thì không bị hàm oan, mà vinh danh phải cho xứng đáng. Trường hợp Lm Đắc Lộ, chúng ta nên thông cảm. Ông sống trong một thời kỳ với bao nhiêu điều “bất thiện” xảy ra. Nước Pháp trong hai thế kỷ 16 và 17 (xung quanh thời Lm Đắc Lộ) bị nội chiến, đối đầu với các giáo phái Tin Lành trong nước, chiến tranh với các quốc gia khác ở Âu châu. Về Giáo hội Công giáo La Mã thì phải đối mặt với các cuộc chiến giữa Tin Lành, Công giáo, Chính Thống giáo, Do Thái giáo. Tám cuộc “Thánh” chiến khởi sự từ thế kỷ 5 đến thế kỷ 15, kéo dài cả ngàn năm. Rồi tiếp đến là các tòa án xử dị giáo (Inquisitions) vô cùng dã man do Giáo hoàng Gregory IX thành lập năm 1232. Phải mãi đến năm 1820, Hoàng đế Ferdinand thứ VII Tây Ban Nha mới ra lệnh chấm dứt thời kỳ “Inquisition” man rợ trên đất nước ông.

Các thương gia và tư bản muốn tìm thị trường để tiêu thụ hàng hóa và thu về những nguyên liệu thiên nhiên cho các ngành

kỹ nghệ đang phát triển. Do đó, nếu những ai là giáo sĩ Dòng Tên và sống vào thời Lm Đắc Lộ, có lẽ họ cũng không thể làm khác hơn, là cần phải chinh phục, phải chém giáo chủ các tôn giáo khác, phải thống trị thế giới, thống trị phương Đông để kiểm linh hồn cho Chúa. Và chính đó là thảm cảnh mà các quốc gia nhỏ bé như Việt Nam phải gánh chịu, và hệ quả của nó vẫn còn dai dẳng đến ngày nay.

Tìm lại những hành động của người xưa không phải là để khơi lại đồng tro tàn, mặc dầu chưa tắt hẳn, cũng không phải nhằm gây sự bất hòa giữa các cộng đồng tôn giáo một cách không cần thiết, mà để rút tĩa một bài học cho tương lai. Nếu ai có công cần phải được tán thưởng, có tội phải răn đe, chứ không thể vinh danh kẻ đáng lên án như trường hợp linh mục Alexandre de Rhodes được.

[Web Talawas, 8.5.06]

Chú thích

[1] “Xin hỏi trong chính phủ Pháp không làm gì có lính thừa sai để cha xin, mà chỉ có lính chiến mà thôi”.

[2] “Để việc biện chính được rõ hơn, tôi sẽ trở lại vấn đề này và dẫn thêm sử liệu để cho thấy tại sao cha Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes) không xin Giáo hội Pháp mà xin chính phủ Pháp”.

[3] (When Ignatius died in 1556, his sons fought against the heretics in India, China, Japan, the New World, especially in Southern France and Western Germany (Linh Mục Edmond Paris, *The Secret History of the Jesuits*, 1975, p.24).

[4] Do Cơ sở Dân Chúa P.O. Box 1419, Gretna, LA, Hoa Kỳ, Lm Việt Châu Chủ quản in lại.

[5] “The cardinal, pale and delicate from incurable disease,

had a will of iron. He succeeded in his two aims: to strengthen the power of the king in France and to make France supreme in Europe. To accomplish the first goal, he took steps to destroy the political rights of the Huguenots and the power of the nobles. By attacking their chief town, La Rochelle, he forced the Huguenots to give up their privilege of maintaining fortified towns garrisoned by their own troops. He issued an edict for the destruction of all nobles' castles that were not necessary for national defense. Nobles lost their jurisdiction over local districts to new royal officials called attendants, who kept a watchful eye on the king's enemies. Cardinal Richelieu achieved his second aim chiefly by weakening the power of the Hapsburgs. He plunged France into the Thirty Years' Wars, from which, it emerged as the strongest nation in Europe" trong Arnold Schrier & T. Walter Wallbank, *Living World History* (Glenview, Ill: Scott, Foresman and Co, 1974), tr. 358.

[6]"Richelieu, harsh and relentless, showed little concern for the common people of France, who had to bear heavy tax loads, and they rejoiced at his death in 1642. Louis XIII died a year later, and his son became king - Louis XIV - at the age of four. Richelieu had trained Jules Mazarin, an Italian born-cardinal, to be his successor, and during Louis' childhood, Mazarin held the reins of rule in his capable hands. Strong nobles tried to gain control of the government, but after a civil war known as the Fronde, Mazarin in 1653 suppressed the challenge of the nobles to royal power. When Mazarin died in 1661, Louis XIV, then twenty-two years old, personally took over the direction of the government.

Louis XIV was one of the most powerful French kings. Louis XIV ruled France until 1715, and has been called the perfect example of absolute ruler. He is supposed to have declared "L'Etat, c'est moi" (I am the state), a saying that

accurately describes his attitude toward France", trong Arnold Schrier & T. Walter Wallbank, *Living World History* (Glenview, Ill: Scott, Foresman and Co, 1974).

[7] “.... Then Louis made an error that tended to weaken France. He became convinced that the Huguenots were disloyal and a danger to the nation. In 1685, he revoked, or canceled, the Edict of Nantes, which had given the Huguenots religious freedom. Over 100.000 French Protestants chose to leave France rather than give up their faith. Although they totaled only about a tenth of French population, many of them were leaders of industry, tradesmen, and excellent craftsmen. The loss of their skills injured France", trong Anatole G. Mazour & John M. Peoples, *Men And Nations* (New York: Harcourt Brace Jovanovich, 1975), p. 349.

[8] (Fut - elle au service de l'intérêt chrétien, ne pouvait tolérer leur intrusion permanente et insolente dans les affaires politiques, civiles et militaires qui ne sont et ne doivent pas être de leur ressorts. Si l'expulsion du Mgr Pellerin avait été prononcée, pour les mêmes chefs d'accusation, par une autorité Vietnamiennne, la presse des missionnaires aurait crié partout persécution” (Dépêche de l'Amiral Genouilly du 29-1-1859).

[9] Nguyễn văn tiếng Pháp: Après avoir “beaucoup parcouru le pays, beaucoup regardé, beaucoup écouté, l'amiral Page finit par reconnaître le bienfondé des arguments du gouvernement de Huế, lui même ayant été choqué par l'attitude des missionnaires et de leurs chrétiens. En effet, tandis que la population fuyait avec épouvante à l'approche des troupes françaises et que des milices armées s'organisaient là où il y avait un centre de population, 3.000 catholiques se rallièrent aux Français et demandèrent à être ramenés à Saigon où Page avait créé une municipalité. “Quelle a été ma surprise? Lorsque le lendemain les missionnaires sont

venus me déclarer que les chrétiens annamites ne pouvaient pas obéir à une autorité payenne, c'est leur mot. Quoi! Pas même pour la police municipale? Pour empêcher les voleur, les vagabonds de mettre la ville au pillage? Et je suis confus d'avouer à Votre Excellence que ces principes sont professés hautement par les associations annamites catholiques... “Du reste, pas un Vietnamien catholique n'hésita à demander à s'enriler comme soldat sous le drapeau français. Le roi payen du Vietnam n'était point leur roi. “Votre Excellence comprendra sans doute maintenant comment le Roi et les mandarins regardent les missionnaires catholiques comme des ennemis? (Dépêche de l'amiral Page, du 14 -12 et 25-12-1859. Archives Nationales, Fonds, Marine BB4 777).

oOo

*<<http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=7212&rb=0302>>

Bài 4

ALEXANDRE DE RHODES & CHỮ QUỐC NGŨ*

Bùi Kha

Vấn đề Alexandre de Rhodes chưa thể quên đối với người dân Việt nhất là với giới nghiên cứu vì vài lý do:

a. Sau năm 1993 “bia 1941” của A. de Rhodes, hình như đã được dựng lại tại khuôn viên thư viện Hà Nội và tên đường A. de Rhodes đã được tái lập tại TP. Hồ Chí Minh.

b. Quốc gia Việt Nam ngày càng giao lưu rộng rãi trên

chính trường và thương trường quốc tế thì tất cả những gì còn khuyết điểm cần được điều chỉnh để tránh những nhận xét thiếu thiện cảm đối với dân tộc ta.

c. Các tài liệu về sử đã được giải mật rất nhiều tạo điều kiện để những nhà nghiên cứu rà xét lại những tác phẩm của mình, nhất là những tác phẩm về sử dưới thời thực dân đô hộ để, một lần nữa, nhận định lại cho đúng công và tội của một số nhân vật có liên hệ đến đất nước và dân tộc ta qua các thời đại, tiêu biểu là các ông Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ), Nguyễn Trường Tộ và Trương Vĩnh Ký... Bài này tôi chỉ đề cập đến linh mục Đắc Lộ và chữ Quốc ngữ mà có nhiều người đã nhầm lẫn. Cũng xin nói thêm rằng vấn đề chữ Quốc ngữ và quan điểm chính trị của linh mục Đắc Lộ tôi đã có một số bài viết trước đây, từ năm 1996, được xuất bản thành sách và đăng trên nhiều trang nhà và tạp chí. Bài này tôi chỉ tóm lược một số điểm trong các bài viết để độc giả thấy việc tái vinh danh linh mục Đắc Lộ là một sai lầm rất lớn làm thương tổn đến uy tín quốc gia và thể diện của giới nghiên cứu sử học Việt Nam.

Thật vậy, qua hai lần hội thảo năm 1992 và 1993 giới sử học và các nhà nghiên cứu đã *“Đề nghị kiến nghị lên chính phủ và Bộ Văn hóa để phục hồi lại địa vị của Giáo sĩ Đắc Lộ”* vì hai lý do chính dưới đây:

Một, nghĩ rằng ông là người sáng nghĩ ra chữ Quốc ngữ. Nhưng trong lời Nói Đầu của cuốn *Từ điển Việt-Bồ-La*, chính linh mục này, chứ không phải người nào khác, đã cho biết ông không hề có sáng kiến ấy. Ông viết:

“... Tuy nhiên trong công việc này (học chữ Quốc ngữ, BK) ngoài những điều mà tôi đã học được nhờ chính người bản xứ trong suốt gần mười hai năm thời gian mà tôi lưu trú tại hai xứ Cô-sinh và Đông-kinh, thì ngay từ đầu tôi đã học với cha Francisco de Pina người Bồ Đào, thuộc hội dòng Giê-su rất nhỏ

*bé chúng tôi, là thầy dạy tiếng, người thứ nhất trong chúng tôi rất am tường tiếng này, và cũng là người thứ nhất bắt đầu giảng thuyết bằng phương ngữ đó mà không dùng thông ngôn, tôi cũng sử dụng những công trình của nhiều cha khác cùng một Hội Dòng, nhất là của cha Gaspa de Amaral và cha Antonio Barbosa, cả hai ông đều đã biên soạn mỗi ông một cuốn từ điển: ông trước bắt đầu từ **tiếng An Nam**, ông sau **bằng tiếng Bồ-đào**, nhưng cả hai ông đều đã chết sớm. Sử dụng công khó của hai ông, **tôi còn thêm tiếng Latinh** theo lệnh Hồng y rất đáng tôn,...” (Từ điển AN NAM- LUSITAN-LATIN, thường gọi là *Từ điển Việt-Bồ-La*, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, TP. HCM, tháng 3, 1991, phần Việt ngữ, tr. 3).*

Cuốn từ điển này xuất bản tại Việt Nam tháng 3, 1991. Giáo sư Chương Thâu viết bài “*Từ một câu chữ của Alexandre de Rhodes đến các dân dụng khác nhau*” ngày 14. 12. 1995, nghĩa là gần 5 năm sau, nhưng không biết tại sao ông lại không đọc đoạn văn quan trọng này của LM Đắc Lộ mà tôi vừa dẫn để tránh sự đánh giá nhầm lẫn về Đắc Lộ. Nhiều nhà nghiên cứu khác như ông Nguyễn Đình Đầu và Đinh Xuân Lâm... cũng thế, nên mới có những nhận định sai về LM Đắc Lộ và chữ Quốc ngữ trong hai lần Hội thảo mà chúng ta sẽ thấy dưới đây.

Hai, tái vinh danh LM Đắc Lộ là một sai lầm lớn, vì ông đã vận động Pháp xâm chiếm và đô hộ nước ta qua đoạn văn do chính LM Đắc Lộ viết trong cuốn *Hành trình và truyền giáo* như sau:

“J’ai cru que la France, étant le plus pieux royaume de monde, me fournirait plusieurs soldats qui aillent à la conquête de tout l’Orient, pour l’assujettir à Jésus Christ, et particulièrement que j’y trouverais moyen d’avoir des Évêques, qui fussent nos Pères et nos Maîtres en ces Églises. Je suis sorti de Rome à ce dessein le 11^e Septembre de l’année 1652 après avois baisé les pieds du Pape”.

“Tôi tưởng nước Pháp là một nước đạo đức nhất thế giới, nước Pháp có thể cung cấp cho tôi **mấy chiến sĩ** (*plusieurs soldats*) đi **chinh phục toàn cõi Đông phương** (*la conquête de tout l'Orient*), đưa về qui phục Chúa Kitô và nhất là tôi sẽ tìm được các giám mục, cha chúng tôi và thầy chúng tôi trong các giáo đoàn. Với ý đó, tôi rời bỏ Rôma ngày 11 tháng 9 năm 1652 sau khi tới hôn nhân Đức Giáo hoàng” (Bản dịch của Hồng Nhuệ, **gần cuối tr.** 263, sách đã dẫn).

Hồng Nhuệ, nói cho rõ là, linh mục Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên, tiến sĩ Thần học, dịch một đoạn văn rất ngắn vừa nêu trên lại có nhiều lỗi. Một là ông không có khả năng tiếng Pháp (vậy thì làm sao đỗ Tiến sĩ, dẫu là TS Thần học) hoặc là ông dịch sai có hậu ý. Thật vậy:

a. Cụm từ “**le plus pieux royaume de monde**” có nghĩa là “nước ngoan đạo nhất thế giới” chứ không phải “đạo đức nhất...”.

b. “**Plusieurs soldats**”: nhiều chiến sĩ. Hồng Nhuệ dịch là **MẤY chiến sĩ**, lại chú thích “chiến sĩ” là lính thừa sai, tức là các linh mục, giám mục, chứ không phải lính chiến. Thực ra chữ **quelque** mới có nghĩa là **mấy** hay **một vài**. Và chữ **missionnaires** mới có nghĩa là các thừa sai.

Đoạn văn trên có hai cụm từ rất đáng chú ý: *plusieurs soldats* phải được (!) hiểu là “**lính thừa sai**”! và *la conquête de tout l'Orient* cũng được dịch tùy tiện là “**nước Cha trị đến**”! Cũng chính do hai cụm từ này và cách diễn dịch đầy tính “thời đại”; không phải lịch sử **cho thấy là** mà lịch sử phải **được hiểu là** của một vài nhà nghiên cứu, nên một người như Đắc Lộ mà được nhà nước Việt Nam tái vinh danh!

Để hiểu rõ thêm tại sao có sự tái vinh danh sai lầm trên tầm cỡ quốc gia như thế, chúng ta nên đọc một đoạn trong bài viết của ông Chương Thâu, như đã nói trên, mô tả một phần

cuộc hội thảo:

“... Và đến lượt, ông Nguyễn Đình Đầu đã dịch lại câu trên của A. de Rhodes đồng thời “chú thích một số từ dùng trong câu của A. de Rhodes, cũng là nhằm “đối thoại” và “biện minh” với giới nghiên cứu khoa học xã hội – nhân văn, như sau:

“Tôi tin rằng nước Pháp là nước ngoan đạo nhất thế giới, sẽ cung cấp cho tôi nhiều chiến sĩ để chinh phục toàn phương Đông và đặt dưới quyền trị vì của Đức Giêsu Kitô, và đặc biệt tại Pháp, tôi sẽ tìm cách có được giám mục, các ngài sẽ là cha và là thầy chúng tôi tại các Giáo Hội này” (tức là Đảng Ngoài và Đảng Trong).

Ông Nguyễn Đình Đầu biện giải thêm: “Nếu đọc nguyên đoạn trích trên đây, ta mới hiểu chữ chiến sĩ có nghĩa bóng là thừa sai (đối với giám mục là cha và thầy họ). Còn “chinh phục toàn phương Đông” là để cho “nước Cha trị đến”, chứ không phải để cho Pháp đến thống trị. “Chinh phục” hiểu theo nghĩa tôn giáo, chứ không phải chính trị. Vì ngộ nhận trên, người ta mới gán cho chữ Quốc ngữ “còn có ý nghĩa chính trị” vậy!”.

“... Cũng vào thời gian cuối tháng 3-1993, tại một cuộc Hội Thảo “Tưởng niệm A. de Rhodes, nhân 400 năm ngày sinh của ông” do Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức tại Hội trường Viện Bảo tàng Cách Mạng Việt Nam, có nhiều nhà khoa học tham dự, đọc tham luận. Trong đó Giáo sư Sử học Đinh Xuân Lâm, một lần nữa lại đề cập “câu chữ” trên đây của A. de Rhodes và dịch lại {theo đúng văn cảnh, bối cảnh lịch sử thế kỷ 17(sic) cụm từ “plusieurs soldats” là chiến sĩ” truyền giáo, vào coi như “lần cuối cùng đánh chinh lại sự lầm lẫn (dịch soldat là lính chiến, là quân lính đi xâm lược) như trước đây trong một số “giáo trình lịch sử Việt Nam” đã dẫn dụng.

Chính trong cuộc Hội Thảo đó của Hội Sử học đã đưa ra nhiều kiến nghị với các cấp có thẩm quyền (Thủ tướng Chính

phủ, Bộ Văn hóa v.v...) nhằm “khôi phục” vị trí xứng đáng cho linh mục A. de Rhodes, người đã góp phần quan trọng trong việc chế tác ra chữ Quốc ngữ cũng như một số hoạt động văn hóa (trừ tác các công trình sử học giá trị).

Cũng do vậy mà hiện nay, đã có quyết định khôi phục lại tên đường phố Đắc Lộ ở Thành phố Hồ Chí Minh, dựng lại “bia 1941” tại khuôn viên Thư viện Quốc Gia ở Hà Nội v.v...”. (Chương Thân, nguyệt san *Hiệp Nhất*, số 43, giáo phận Orange County, California, USA, tháng 7, 1996, bài viết có tựa đề: “Từ một câu chữ của Alexandre de Rhodes đến các dẫn dụng khác nhau”).

Qua hai lần hội thảo này chúng ta có cảm tưởng là hầu hết các nhà nghiên cứu chưa đọc mấy tác phẩm của Đắc Lộ, đặc biệt là cuốn *Hành trình và truyền giáo*, Lời nói đầu cuốn *Từ điển Việt-Bồ-La* và cuốn *Phép giảng tám ngày*. Dưới đây tôi sẽ đưa ra sáu luận điểm để cho thấy quý vị có tên tuổi vừa nêu trên đã diễn dịch sai hai cụm từ quan trọng vừa nói :

1. **Về phương diện từ ngữ****: Một danh từ có thể đổi nghĩa qua thời đại. Do đó, thay vì sử dụng các cuốn từ điển hiện nay để tra cứu nghĩa của chữ **SOLDAT**, tôi sử dụng hai cuốn từ điển xuất bản cùng thời mà ông Alexandre de Rhodes sinh sống (1591-1660).



(Ảnh bìa của **Dictionnaire, Cotgrave, 1611** & **Dictionnaire de L'Académie Francaise, 1st Edition, 1694**) [Mới thêm vào, BK].

- Cuốn thứ nhất: *Dictionnaire, Cotgrave*, xuất bản năm 1611, chữ soldat có nghĩa, nguyên văn:

“Soldat: *m. A soldier; one that followes the warres”.*

- Cuốn thứ hai: *Dictionnaire de L'Académie Francaise, 1st Edition* (1694), chữ soldat cũng được định nghĩa như sau, nguyên văn:

“Soldat: *s.m. Homme de guerre, qui est à la solde d'un Prince, d'un Estat, & c. La terre estoit toute couverte de soldats, il faut reprimer la licence des soldats”.*

Xem thê, cả hai cuốn từ điển xuất bản năm 1611 và 1694, cùng thời mà Đắc Lộ viết cuốn *Hành trình và truyền giáo*, cũng định nghĩa chữ **soldat**: **giống đực, số ít, có nghĩa là binh lính, người có súng**.

- Do đó, **Plusieurs soldats** có nghĩa là **nhiều binh lính**. Và chữ **missionnaires** mới có nghĩa là **lính thừa sai** tức là các nhà

truyền giáo như đã nói ở trên.

- Cụm từ *La conquête de tout l'Orient* là **Chinh phục toàn cõi phương Đông**. Còn “*Thy kingdom come*” (trong kinh Lạy Cha) mới có nghĩa là **nước Cha trị đến**.

2. Trích dẫn chưa trọn câu đủ ý: Để có thể hiểu rõ thêm ngữ nghĩa của hai cụm từ vừa nêu chúng ta nên đọc tiếp đoạn văn của Đắc Lộ, cũng ở trong cuốn *Hành trình và truyền giáo*, cách đoạn trích dẫn trên chỉ **chưa đầy ba dòng** mà thôi:

“Tôi đi qua Marxây và Lyon rồi tới Paris; theo tôi thì Paris là thu gồm hay đúng hơn là bản mẫu tất cả những gì đẹp nhất tôi đã thấy ở khắp trái đất này” (**cuối tr.** 263).

“Trên đường từ Lyon tới Paris tôi nghiệm thấy có sự quan phòng rất đặc biệt của Chúa tôi vẫn coi như kim chỉ nam và mẫu mực. Để ra mắt ở Pháp tôi cần có thiên thần hộ vực để đưa tôi lọt vào triều đình vua cao cả nhất hoàn cầu. Thế là tôi gặp ở Roanne đức Henri de Maupa, giám mục thành Puy, tu viện trưởng Saint Denis, **đệ nhất tuyên úy của Hoàng hậu**. Ngài có nhã ý cùng đi với tôi trong cuộc hành trình nhỏ bé này...” (**đầu tr.** 264), [các chữ in đậm là của BK muốn lưu ý, nhất là các chữ **gần** cuối trang 263, **cuối** trang 263 và **đầu** trang 264].

Như thế, chính linh mục A. de Rhodes (Đắc Lộ) đã vào trong triều đình, gặp bà hoàng hậu vua Louis thứ XIV, xin giúp **hiều lính chiến** (*plusieurs soldats*) để **chinh phục toàn cõi Đông phương** (*la conquête de tout l'Orient*), trong đó có nước ta.

Tuy sự vận động đó chưa thành vào thời điểm của ông, nhưng nó đã mở đường cho Pháp xâm lăng nước ta 206 năm sau. Lính Pháp đổ bộ lên Đà Nẵng ngày 1.9.1858.

Thêm một lý do khác để hiểu tại sao hai chữ **Plusieurs**

soldats có nghĩa là **lính chiến có khí giới** vì LM Đắc Lộ vào xin triều đình (chứ không phải vào xin Tòa Giám mục hay xin Giáo hội), mà trong triều thì tuyệt nhiên không có “lính thừa sai” tức là các giáo sĩ.

3. Thánh chiến:** Giữa trang 264 cuốn *Hành trình và truyền giáo* Đắc Lộ còn viết:

“Tôi chưa công bố thánh chiến chống mọi địch thù của đức tin ở Nhật, ở Trung Quốc, ở Đàng Trong, ở Đàng Ngoài và ở Ba Tư thì lập tức đã có một số đông con cái thánh Inhaxu, đầy tinh thần đã đưa thánh Phanchicô Xavie tới ba trăm quốc gia, các ngài đã bưng bưng ao ước vác thánh giá Thầy và đem đi cắm những nơi cùng kiệt cõi đất”.

“Thánh” chiến hay phàm chiến đều là hành động của người gây chiến hay của người lính có khí giới.

4. Về bối cảnh tôn giáo và chính Trị: Từ năm 1493, Giáo hoàng Alexander VI đã giao cho Bồ Đào Nha có quyền “sinh sát” tại các nước phương Đông. Vì thế, LM Đắc Lộ viết rất đúng với hiện thực *tôn giáo-chính trị* lúc bấy giờ rằng: “Tôi tưởng nước Pháp là một nước ngoan đạo nhất thế giới, nước Pháp có thể cung cấp cho tôi **nhiều chiến sĩ** (plusieurs soldats) để đi chinh phục **toàn thể phương Đông** (la conquête de tout l’Orient)...”.

Tại sao LM Đắc Lộ không xin Giáo hội Pháp mà xin nước Pháp? Vì về mặt giáo quyền, Giáo hội Pháp bị ràng buộc bởi giáo lệnh của Giáo hoàng Alexander VI từ 1493, như đã nêu trên, nên không thể xin Giáo hội Pháp lính thừa sai (missionnaires) được. Vì vậy, khi cha Đắc Lộ tiếp cận với nước Pháp (hay bất kỳ nước nào ngoại trừ Bồ Đào Nha) là để xin lính chiến, hoặc để xin gì cũng được ngoại trừ những thứ liên hệ đến Giáo hội như giáo sĩ, giáo sản... Lm Đắc Lộ dùng chữ **soldats** (lính chiến) rất chính xác. Vì trong chính phủ Pháp làm gì có các

thừa sai mà chính phủ cung cấp cho Lm Đắc Lộ?

5. Về mặt tâm lý: Lm Đắc Lộ (A. de Rhodes) bị Chúa Trịnh đuổi, Chúa Nguyễn đuổi, Trung Quốc đuổi, há ông không xin binh lính (soldats) để phục thù sao? Trong cuốn *Phép giảng tám ngày*, trang 83, LM Đắc Lộ cũng đã biểu hiện tâm chất bất bình của mình:

“Như thế có chém cây nào đục cho ngã, các cành ấy tự nhiên cũng ngã với. Vậy thì ta làm cho Thích Ca, là thằng hay dối người ta, ngã xuống, thì mọi truyện dối trong đạo bụt bởi Thích Ca mà ra, có ngã với thì đã tỏ”. (Tâm chất và văn phong thiếu văn hóa - trong cuốn *Phép giảng tám ngày* - đến thế mà cũng được giáo sư Chương Thâu ca tụng là một trứ tác văn hóa giá trị trong bài viết nêu trên).

6. Sứ mạng của một giáo sĩ Dòng Tên (Jesuite):

Muốn biết thêm giáo sĩ A. de Rhodes có ý đồ chính trị hay không, chúng ta cũng nên tìm hiểu ông được đào tạo và trưởng thành như thế nào qua:

Lời thề của các tu sĩ Dòng Tên trước Giáo hoàng:

... Con xin hứa thêm rằng, lúc có cơ hội, con sẽ tạo ra chiến tranh và tham gia bí mật hay công khai chống lại tất cả những kẻ khác tôn giáo, Tin Lành và Tự Do như con đã được chỉ thị để tàn sát và triệt hạ tận gốc những tên này trên khắp mọi miền của quả đất. Con sẽ không bỏ sót một tên nào; bất kể tuổi tác, giới tính hay hoàn cảnh, con sẽ treo cổ, đốt sống, bỏ vào nước sôi, lột da, siết cổ hay chôn sống những kẻ khác tôn giáo, mỗ bụng, moi bào thai trong tử cung vợ chồng và đập đầu những hài nhi vào tường để tiêu diệt vĩnh viễn một chủng tộc đáng ghét...

(... I furthermore promise and declare that I will, when opportunity present, make and wage relentless war, secretly or

openly, against all heretics, Protestants and Liberals, as I am directed to do, to extirpate and exterminate them from the face of the whole earth; and that I will soare neither age, sex or condition; and that I will hang, burn, waste, boil, flay, strangle and bury alive these infamous heretics, rip up the stomachs and wombs of their women and crush their infants' heads against the walls, in order to annihilate forever their execrable race...).

Sử liệu cho thấy linh mục A. de Rhodes gia nhập Dòng Tên lúc 19 tuổi (1612), ông đến Ma Cao năm 1623, Nam Kỳ Việt Nam năm 1645. Thời gian 22 năm ở các nước Á châu, qua về Âu châu. Trong suốt thời gian này ông không bị dứt phép Thông Công, không bị khai trừ ra khỏi Giáo hội, nghĩa là LM Đắc Lộ vẫn theo Dòng Tên. Với lời thề của Dòng Tên như chúng ta vừa thấy, Lm Đắc Lộ ít nhiều không thể là một người hiền lương bình thường.

Với sứ mạng của một giáo sĩ Dòng Tên mà linh mục A. de Rhodes (Đắc Lộ) đã thề, thì:

- cụm từ ***Plusieurs soldats***, thêm một lý do nữa, phải được dịch là ***nhiều binh lính***.

- và cụm từ ***La conquête de tout l'Orient*** là ***Chinh phục toàn cõi phương Đông***.

Tóm lại, qua các trích dẫn và luận chứng nêu trên, ta thấy, linh mục Đắc Lộ không hề có công sáng tạo chữ Quốc ngữ như nhiều người gán ép sai lầm qua nhiều thế hệ, còn truyền đạo chỉ là một trong những hình thức chính để phục vụ cho quyền lợi kinh tế và chính trị, rồi từ đó sẽ đưa đến chiến tranh chiếm thuộc địa.

Khi phục hồi lại “chân giá trị” của Đắc Lộ như là một nhà văn hóa lớn, đặt tên đường Đắc Lộ và dựng lại bia 1941, nhưng lại thiếu nghiên cứu tường tận, và chỉ dịch một đoạn văn không

trộn câu đứ ý, chúng ta sẽ khó tránh khỏi sự phê phán của các sử gia cả trong lẫn ngoài nước cho rằng nhiều nhà nghiên cứu và Viện Sử học Việt Nam thiếu sử liệu và không nghiêm túc, cũng như sự chế giễu của những người nước ngoài có hiểu về lịch sử Việt Nam.

Là một người nghiên cứu sử, tôi xin mạn phép đề nghị với quý vị giáo sư sử học, nên có một dự án nghiên cứu đặc biệt về Lm Đắc Lộ để giá trị của ông được đánh giá đúng đắn, vượt ra ngoài lối nhìn có tính tôn giáo hay có tính “chiến lược nhất thời” (nếu có), hay sự chưa chính xác vì thiếu sử liệu.

Ngoài ra, đâu ai là người có sáng kiến nghĩ ra cách phiên âm tiếng Việt bằng mẫu tự Latinh, mà chúng ta thường gọi là chữ Quốc ngữ, thì cũng cần cân nhắc cái mục đích của nó. Mục đích đầu tiên là để truyền đạo. Kế tiếp, đâu chưa thể thực hiện toàn vẹn và nhanh chóng dưới thời Lm Đắc Lộ, nhưng chiến lược chính trị và văn hóa của nó thì đã có cơ sở lâu dài như ý kiến của giám mục Puginier dưới đây.

“Từ lâu, tôi chủ trương dạy và dùng chữ châu Âu để viết tiếng An Nam, nhưng khôn thay, tôi không được ủng hộ trong việc thực hiện kế hoạch mà đã sáu lần tôi đề nghị. Nhưng tôi sung sướng thấy từ hai năm nay, chúng ta hoạt động tích cực trong mục đích này: Ngoài trường dạy tiếng Pháp của phái bộ là trường đầu tiên được thiết lập ngày 8-12-1884, chính phủ còn lập nhiều trường khác từ ngày 5-4-1885.

Cần phải dạy càng sớm càng tốt cho người An Nam viết và đọc được tiếng họ bằng chữ Âu châu, việc này dễ hơn và tiện lợi hơn dùng chữ Nho. Trong vài năm sau, cần phải bắt buộc mọi giấy tờ chính thức không được viết bằng chữ Nho như trước nữa, phải viết bằng tiếng trong nước, mỗi viên chức ít nhất phải được dạy đọc và viết tiếng An nam bằng chữ châu Âu. Trong lúc đó việc dạy chữ Pháp sẽ tiến triển nhiều hơn và chúng ta chuẩn

bị một thể hệ để cung cấp các viên chức có học tiếng nước chúng ta. Như thế có lẽ trong vòng 20 hay 25 năm chúng ta có thể bắt buộc mọi giấy tờ đều viết bằng tiếng Pháp, do đó chữ Nho sẽ dần dần bị bỏ rơi mà chúng ta chẳng cần phải cảm đoán gì.

Khi chúng ta đạt được thành quả lớn lao đó, chúng ta xóa đi của nước Trung Hoa một phần lớn ảnh hưởng tại An Nam và phe trí thức An Nam là phe rất căm ghét sự thiết lập thể lực Pháp, cũng sẽ bị tiêu diệt dần dần.

Vấn đề này có tầm quan trọng rất lớn, sau khi đạo Thiên Chúa được thiết lập, tôi xem việc tiêu diệt chữ Nho và thay thế dần dần ban đầu bằng tiếng An Nam, rồi bằng tiếng Pháp như là phương tiện rất chính trị, rất tiện lợi và rất hiệu nghiệm để lập nên tại Bắc Kỳ một nước Pháp nhỏ ở Viễn Đông”. (Có thể tìm thấy trong luận án Tiến sĩ của Cao Huy Thuần “Chủ nghĩa thực dân Pháp và Thiên Chúa giáo ở Việt Nam”).

Tôi xin kết thúc bài viết với ý kiến cuối cùng sau đây:

Dân tộc ta có truyền thống trọng tình nặng nghĩa; ghi công và biết ơn anh hùng liệt nữ đã đóng góp cho tổ quốc. Và chúng ta thể hiện lòng biết ơn đó qua các biểu hiện vinh danh những vị đó bằng các ngày lễ, đặt tên trường, công viên, đường phố... Nhưng chúng ta cũng không quên những kẻ có tội với đất nước mà tên tuổi và những tội trạng cũng được nghiên cứu để ghi vào sử sách cho người đời này và đời sau lấy đó làm bài học. Tiêu chuẩn lớn nhất để quy định công tội là họ đã làm gì cho dân tộc và tổ quốc Việt Nam. Về trường hợp của linh mục Đắc Lộ, ông có cái công, ít nhiều, triển khai thêm chữ Quốc ngữ do một số con chiên, thầy đồ, thầy cúng và giáo sĩ trước ông sáng lập để dạy giáo lý Kitô cho cho tín đồ. Nhưng ông có cái tội là cung cấp **thông tin cho** và **vận động với** nước Pháp để xâm chiếm và đô hộ nước ta.

Còn sau đó, chữ Quốc ngữ được dân ta vận dụng tốt hay xấu, mưu mô xâm lược của Pháp thành hay bại là công hay tội của người đời sau.

Vậy từ cái công và cái tội đó tôi xin đề nghị như sau: Dân tộc ta nên nghi công của linh mục A. de Rhodes đã có phần cải tiến chữ Quốc ngữ (chứ không phải người sáng nghĩ ra chữ Quốc ngữ) và nên kết tội ông là kẻ gián điệp sớm nhất trong lịch sử xâm lăng của Tây phương vào nước ta.

Tên và tiểu sử của linh mục cần được ghi lại trong chương trình giáo dục môn sử với đầy đủ công tội. Có như vậy, lịch sử mới rõ ràng, và việc ứng xử của chúng ta mới minh bạch. Tại vì, nếu chúng ta không sòng phẳng với quá khứ thì tương lai sẽ không sòng phẳng với chúng ta và các thế hệ hậu sinh cũng sẽ nhìn chúng ta qua đôi mắt thiếu nể trọng.

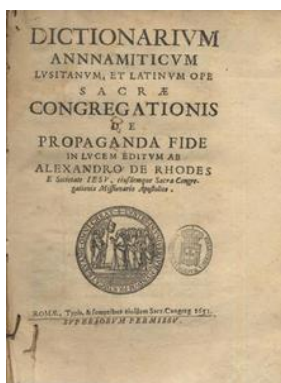
Bùi Kha - California

* Xin xem thêm *Hồn Việt* số 17 (Tháng 11/2008).

Bài 5

LINH MỤC ĐẮC LỘ BIỆN CHÍNH VỚI ÔNG NGUYỄN ĐÌNH ĐẦU*

Bùi Kha



Bìa Từ điển Việt-Bồ-La

VÀI DÒNG VÀO ĐỀ: Sau khi bài “Alexandre de Rhodes – công và tội” của tôi xuất hiện trên Tạp chí Hồn Việt số 17 (Tháng 11/2008), ông Nguyễn Đình Đầu viết bài phản biện đăng, nhiều kỳ, trên tuần san Công Giáo Và Dân Tộc với tựa đề “Lại một bài báo vu khống cha Đắc Lộ”. Vì là tuần báo, nên tôi phải đợi để đọc phần cuối bài của ông Nguyễn

Đình Đầu, trên tuần báo vừa dẫn, trước lúc biện chính.

Chúng ta cần có những ý kiến phản biện để làm sáng rõ vấn đề, nhưng bài viết phải nghiêm túc và có chứng liệu, không nên chụp mũ và nhất là phải khách quan vô tư không bị chi phối bởi tình cảm, nhất là tình cảm tôn giáo.

Trước hết, xin cảm ơn ông Nguyễn Đình Đầu đã sửa cho một lỗi chính tả là vua Louis thứ 14 thay vì thứ 4. Điểm kế tiếp rất đáng được trân trọng là ông Nguyễn Đình Đầu, một trong những người bên vực LM Đắc Lộ hết mực, cũng phải công khai thừa nhận “*không một ai* (dĩ nhiên là bao gồm ông Nguyễn Đình Đầu, BK) *trong hội thảo cho rằng Đắc Lộ “là người sáng nghĩ ra chữ Quốc ngữ”, mà chỉ là người học nói tiếng ta từ chính người Việt...*”.

Và nếu đã xác nhận như thế thì không có lý do gì để vinh danh ông linh mục này, và ông Nguyễn Đình Đầu cũng không cần phải nhọc công phản biện bài viết nghiêm túc của tôi về một vấn đề lịch sử bị hiểu nhầm qua nhiều thế hệ. Ngoài hai điểm vừa kể, bài viết của ông có nhiều điều bất cập, thiếu chứng liệu và chụp mũ. Dưới đây là một số chứng cứ:

1. XUYỀN TẠC TƯ LIỆU:

Đoạn mở đầu, ông Nguyễn Đình Đầu cáo buộc tôi “*đây là một bài báo xuyên tạc tư liệu lịch sử với ác ý vu khống kết tội cá nhân de Rhodes*”. Kế tiếp, ông liệt kê một số tác giả mà ông cho là họ ca tụng LM Đắc Lộ, nhưng không cho thấy tôi (Bùi Kha) đã xuyên tạc lịch sử như thế nào! Chẳng lẽ, ông muốn nói, có nhiều người nhất là nhiều linh mục và nhiều tờ báo đăng bài “ca tụng” Đắc Lộ tất nhiên phải là ĐÚNG hay sao? Còn những ai, trong đó có Bùi Kha, viết theo đúng sử liệu thì tất nhiên phải là “xuyên tạc tư liệu lịch sử”? Chúng ta nghiên cứu lịch sử là cần dựa vào những sử liệu giá trị và những bài nghiên cứu nghiêm túc để kiểm chứng, đối chiếu phân tích nhằm đưa đến một kết

luận khả dĩ chứ đâu phải dựa vào số đông để đánh giá một nhân vật hoặc một sự kiện lịch sử.

2. KIỂM ĐỒNG MINH VÀ CẮT XÉN CÂU VĂN CỦA NGƯỜI KHÁC:

Và để kiểm đồng minh, ông Nguyễn Đình Đầu viết: “Cho nên, chúng tôi rất ngạc nhiên thấy tác giả Bùi Kha viết: “Vinh danh linh mục Đắc Lộ từ sự nhầm lẫn trong dịch thuật”. Ông lên giọng đánh giá giới khoa học bằng nhận định: **Hầu hết các nhà nghiên cứu chưa đọc hết các tác phẩm của Đắc Lộ, đặc biệt là cuốn Hành trình và truyền giáo. Lời nói đầu cuốn Từ điển Việt-Bồ-La và cuốn Phép giảng tám ngày**” [chữ đậm là của BK muốn nhấn mạnh].

Tôi viết “**Chúng ta có cảm tưởng là hầu hết các nhà nghiên cứu...**”. Ông Nguyễn Đình Đầu cắt xén dòng chữ “**Chúng ta có cảm tưởng là**” nên câu văn của tôi đổi nghĩa từ giả thiết đến khẳng định. Sở dĩ, tôi có *cảm tưởng hầu hết các nhà nghiên cứu chưa đọc...* như trên vì hai lý do:

Một, Hội thảo lần thứ nhất là vào tháng 12/1992 và lần hai là tháng 3/1993 mà cuốn *Phép giảng tám ngày* mới in xong vào tháng 5/1993 còn cuốn *Hành trình và truyền giáo* chỉ mới được xuất bản năm 1994.

Cuốn *Phép giảng tám ngày* của LM Đắc Lộ không đáng để phê bình vì đó là tác phẩm “không đúng đắn”, không phải của một thừa sai trí thức. Còn cuốn *Hành trình và truyền giáo* viết sai và xuyên tạc nhiều vấn đề. Xin đọc bài phê bình khá chi tiết của GS Trần Chung Ngọc đăng trên: <

<http://www.sachhiem.net/TCNtg/TCN50.php> >

Hai, tôi nghĩ, những ai có đọc ba cuốn sách nói trên và nghiêm túc thì không thể chấp nhận lối dịch thuật tùy tiện và đánh giá Lm Đắc Lộ theo kiểu của ông Nguyễn Đình Đầu như tôi đã trình bày khá rõ trong bài viết trước. Thiết tưởng tôi có lý

do dễ nhận định như thế. Nhận định này có thể có chủ quan nhưng không phải “lên giọng” hạ thấp ai như ông Nguyễn Đình Đầu gán ép có hậu ý. Theo tôi, ông Nguyễn Đình Đầu dịch “*plusieurs soldats*” là “*lính thừa sai*”, đó là ngụ ý, và dịch “*La conquête de tout l’Orient*” là “*nước Cha trị đến*” là dịch tùy tiện vì không hiểu thế nào là “*nước Cha trị đến*”. Còn Bùi Kha dịch “*plusieurs soldats*” là “*lính chiến có súng để đánh giặc*”, và “*la conquête de tout l’Orient*” là “*chinh phục toàn cõi phương Đông*” là dịch theo ý và sát nghĩa của tác giả Đắc Lộ. Tôi đã đưa ra 5 luận điểm, mà đúng ra là có nhiều hơn, để giải thích tại sao tôi dịch như thế. Còn ông Nguyễn Đình Đầu dịch nhưng ông đã không thể đưa ra một lý do nào. Do đó, tôi cho là một lỗi dịch đầy cảm tính để vinh danh sai lầm một người có nhiều oan trái với lịch sử nước ta.

Để có thêm tư liệu so sánh xem Bùi Kha có vu khống cha Đắc Lộ hay không, mời ông Nguyễn Đình Đầu và độc giả tìm hiểu thêm Lm Đắc Lộ, các vấn đề chính trị và tôn giáo trong thế kỷ XVII:

a. Cao Huy Thuần trong *Christianisme et Colonialisme au Vietnam 1857-1914* (Đạo Công giáo và Chủ nghĩa Thực dân Pháp tại Việt Nam 1857-1914). Đây là một luận án tiến sĩ quốc gia (docteur d’état) bảo vệ tại Pháp và đã được ban giám khảo đánh giá rất cao.

... Đến Bắc Kỳ năm 1627, linh mục de Rhodes nhận được ân huệ của Chúa Trịnh Tráng ngoài Bắc,... Linh mục đã viết trong các báo cáo gửi về cấp trên như sau: “Vua xứ Bắc cho chúng tôi xây cất nhà cửa và nhà thờ gần hoàng cung. Tại đó, chúng tôi đã được giúp đỡ rất nhiều trong khi thi hành phận sự”...

Nhưng ở đây, cũng đã xảy ra những phản ứng như ở Trung Quốc và Nhật Bản. Chính phủ lo lắng khi thấy đạo mới

tân công thẳng vào các nguyên lý đạo đức và chính trị Nho giáo vốn là nền tảng của xã hội cổ truyền Việt Nam.

Thật vậy, toàn thể cơ cấu chính trị và xã hội của nước Việt Nam xây dựng trên quan niệm đạo đức của Nho giáo: lòng hiếu thảo, sự thờ cúng ông bà, lòng trung với vua. Nhưng đạo mới từ Tây phương đến lại muốn phế truất các quy luật tín ngưỡng cũ. Không những việc thờ cúng ông bà bị kết án quyết liệt mà lòng sùng đạo của con chiên phải đứng trên lòng hiếu thảo và lòng trung với vua....

*“Về Paris, Alexandre de Rhodes gặp một nhóm linh mục trẻ đang có quyết tâm biến việc đào tạo các linh mục này thành một công việc của Pháp. Đó là thời kỳ **chính trị Pháp** bắt đầu chịu ảnh hưởng sự thu hút của biển cả. Được Hoàng hậu Pháp và một vài nhân vật cao cấp ủng hộ, nhưng kế hoạch này bị Bồ Đào Nha công kích mạnh mẽ, họ viện dẫn sự bảo trợ hoàn toàn mà Giáo hoàng Alexandre VI cho họ từ năm 1493.*

Alexandre de Rhodes chết năm 1660, khi chưa thấy được kế hoạch của mình thực hiện. Nhưng các cố gắng của ông đã thành tựu”.

b. Stanley Karnow trong *Việt Nam, A History. The first complete account of Việt Nam at war, (Việt Nam, Lịch sử. Mô tả đầu tiên đầy đủ về cuộc chiến Việt Nam)* viết như sau:

“Chẳng bao lâu linh mục Alexandre de Rhodes nhận thấy uy tín ngày càng phai nhạt nên Bồ Đào Nha không còn ích lợi cho đạo Công giáo ở Á châu. Ông cũng toan tính rằng có thể chinh phục được “con tim và khối óc” con người một cách có hiệu quả bằng các giáo sĩ người Việt hơn là người Âu châu. Ông đến La Mã vận động xin hủy bỏ sắc lệnh của Giáo hoàng có từ thế kỷ 15 cho phép Bồ Đào Nha độc quyền tại Á châu. Nhưng ông gặp phải sự chống đối quyết liệt của người Bồ và khó lòng chinh phục được các giới chức ở La Mã, thế rồi ông trở về

Pháp, quê hương ông, để xin giúp đỡ. Để thành công được chương trình dự định, ông thuyết phục các lãnh tụ tôn giáo và thương gia Pháp bằng một hình ảnh là nước Việt Nam đã đến giai đoạn chín muồi để dân chúng theo Công giáo, và là một quốc gia thần tiên với tài nguyên vô tận, ngay cả người đánh cá cũng dùng lưới làm bằng tơ lụa”. Ông NĐĐ có biết tại sao giáo sĩ Đắc Lộ phải nói dối đến như thế?

c. Avro Manhattan, trong Vietnam: Why did we go? The Shocking story of the Catholic “Church’s” role in starting the Vietnam war (Việt Nam: Tại sao chúng ta đến đó. Chuyện chấn động về vai trò của Giáo hội Công giáo trong việc gây ra cuộc chiến tranh Việt Nam) viết như sau:

“Giáo sĩ Dòng Tên Alexandre de Rhodes đến Đông Dương năm 1610. Một thập niên sau, ông gửi về cho Vatican và Pháp một bản phúc trình mô tả rất chính xác về **tiềm năng thương mại, chính trị và chiến lược**.

Nhiều giáo sĩ Dòng Tên Pháp được tuyển mộ ngay và gửi sang giúp ông ta thực hiện hai công tác: **đổi đạo** theo Công giáo và **bành trướng thương mại**. La Mã và Ba Lê xem những hoạt động này như những bước khởi đầu không thể tách rời khỏi sự dẫn đến **việc chiếm đóng về chính trị và quân sự trên các quốc gia này**”. Đọc ba tài liệu trên vô số tài liệu của các sử gia nước ngoài, ông Nguyễn Đình Đầu nghĩ thế nào ?

3. HÀI TỘI GIÁO HOÀNG?: Ông Nguyễn Đình Đầu viết: “Tác giả Bùi Kha tìm hết cách chứng minh Đắc Lộ luôn vận động có nhiều lính chiến để chinh phục toàn cõi Đông phương, kể cả những cách ngụy tạo hay xuyên tạc tài liệu lịch sử. Như khi ông khẳng định Giáo hoàng đã giao quyền “sinh sát”... thì một là ông nghĩ quá xa hai là ông có ác ý hài tội cho Giáo hoàng...”

Để tránh tình trạng có thể bị hiểu lầm hay “nhảy cảm” về

tôn giáo, thay vì trích sắc lệnh của Giáo hoàng ở một sách khác, tôi dẫn từ sách *Thập giá và lưỡi gươm* của linh mục Trần Tam Tĩnh, để ông Nguyễn Đình Đầu đừng nghĩ sai về tôi, nguyên văn:

“..., quyền lợi của Bồ Đào Nha đã được phân định rõ ràng trong sắc chỉ “Romanus Pontifex” do (Giáo hoàng) Nicholas V (1447-1455) ra ngày 8 tháng Giêng năm 1454. Theo quyền lực Chúa ban và quyền lực của Tòa thánh, Đức Giáo hoàng ban cho triều đình Lisbon (Bồ Đào Nha) “toàn quyền tự do xâm lăng, chinh phục, chiến đấu, đánh giặc và khuất phục tất cả các quân Sarrasins (tức người Ả Rập), các dân ngoại đạo và các kẻ thù khác của Giáo hội, gặp bất cứ nơi nào: được toàn quyền chiếm cứ tất cả các vương quốc, lãnh địa, vương hầu, đất, đô hộ và cướp tài sản của chúng; toàn quyền chiếm đoạt tất cả của nổi và của chìm của chúng và bắt tất cả chúng nó làm nô lệ vĩnh viễn”

(Trần Tam Tĩnh, “Thập giá và lưỡi gươm”, Paris:

Sudestasie, 1978, tr. 14-15).

“Năm 1492, Christopher Columbus khám phá ra những vùng đất mới mà ông nghĩ là Ấn Độ. Một nửa thế kỷ trước đó, thương thuyền Bồ Đào Nha cũng đã chạy dọc theo bờ biển phía tây châu Phi. Ít năm sau, năm 1497, Vasco de Gama, người Bồ Đào Nha, đã phát hiện đúng con đường sang Ấn Độ.

“Ngày 4 tháng 5 năm 1493, qua sắc chỉ “Inter caetera” (“giữa những điều khác”), Giáo hoàng Alexander VI giao quyền chinh phục các vùng đất kể trên mà các dân phương Tây chưa từng biết, cho các triều đình nước Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Tây Ban Nha có quyền đi chiếm tất cả các đất đai gặp được ở một trăm dặm kể từ quần đảo Azores, còn Bồ Đào Nha, tất cả các nước nằm ở mạn Đông đường ranh đó (quần đảo Azores ở mạn giữa cắt đôi Đại Tây Dương.” (Lm Trần Tam Tĩnh, sđd, tr. 14).

Các Giáo hội Công giáo ở các quốc gia, dĩ nhiên, không ai

dám phản đối các sắc lệnh của Giáo hoàng. Nhưng chính quyền các nước Âu châu ngay từ lúc có giáo lệnh của các Giáo hoàng, cho đến mãi về sau, đã không thừa nhận các giáo lệnh đó. Ngay cả nữ hoàng Elizabeth I (1533-1603) cũng phản đối. Năm 1540, vua Francis I của Pháp công khai chống đối ra mặt bằng câu hỏi mỉa mai: “*Ai có thể chỉ cho ta thấy di chúc của ông tổ Adam giao tất cả thế giới cho Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha?*” (“Who can show me the will of father Adam leaving all the world to Spain and Portugal?”) trong “*This is America’s Story*”, của Howard B. Wider, Robert P. Ludlum & Harriett McCune Brown, do Houghton Mifflin Company, Atlanta, xuất bản năm 1975, trang 63).

Tôi đã đề hai chữ “sinh sát” vào ngoặc kép nhưng ông Nguyễn Đình Đầu hầu như muốn xách động và hướng vấn đề đến mục tiêu khác. Tuy nhiên, đọc đoạn trích dẫn trên chúng ta đã thấy Giáo hoàng không trao quyền sinh sát mà chỉ cho **cướp của** (chưa giết người)... và **bắt làm nô lệ vĩnh viễn**; về sau nạn nhân chết sống thế nào thì chưa ai biết được!

Chẳng có ai “hài tội” Giáo hoàng vì lịch sử các Giáo hoàng nay đã không còn xa lạ đối với giới trí thức. Muốn biết các giáo hoàng ra sao, tôi khuyên ông Nguyễn Đình Đầu nên đọc một chút về lịch sử của một số Giáo hoàng viết bởi giáo sĩ Peter de Rosa trong cuốn “*Vicars of Christ*” hay của học giả Mỹ Lloyd M. Graham trong cuốn *Deceptions & Myths of the Bible*. Có bản tiếng Việt trên: www.sachhiem.net/TCNtg/TCN20.php

4. LỜI THỀ CỦA DÒNG TÊN: Ông Nguyễn Đình Đầu viết: “*Không biết ông Bùi Kha đào đâu ra cái gọi là **Lời thề Dòng Tên** trên đây? Kể viết bài này thực tình run tay, hoa mắt khi phải nhắc lại đoạn văn vô nhân tính kinh tởm quá sức như vậy. Bất cứ cộng đồng tôn giáo tín ngưỡng nào từ xưa đến nay hay ở nơi đâu đi nữa trên địa cầu lại có Lời thề dã man tương tự. Ông Bùi Kha trưng dẫn tư liệu (?). Ai cũng thấy Lời thề của*

ông Bùi Kha là không có thực”.

Ông lại viết sai nữa. Lời Thề Dòng Tên là một văn kiện có thực. Tôi hoàn toàn thông cảm và chia sẻ tâm tình ông Nguyễn Đình Đầu (và nhiều con chiên khác), không tin được một văn kiện của Tòa Thánh Vatican La Mã lại đã man đến như thế (nhưng không phải chỉ có thế mà thôi đâu; còn vô số nữa). Tài liệu về “Lời Thề Dòng Tên” đã được phổ biến rộng rãi trên internet. Ông chỉ cần vào internet, đánh ba chữ: “The Jesuit Oath” là ông có thể biết tất cả về Lời Thề Dòng Tên (hoặc theo mạng lưới này: <http://www.ianpaisley.org/article.asp?ArtKey=jesuit>).

5. LÊN GIỌNG PHÊ PHÁN...: Ông Nguyễn Đình Đầu lại muốn kiếm thêm đồng minh rồi phía ra điều mà tôi không hề viết: “*Ông Bùi Kha lên giọng phê phán các thể hệ nghiên cứu học thuật, cả Viện Sử học lẫn Hội Sử học...*”

Thực tế, tôi đã viết trong bài: “*Là một người nghiên cứu sử, tôi xin mạn phép đề nghị với quý vị giáo sư sử học, nên có một dự án nghiên cứu đặc biệt về Lm Đắc Lộ để giá trị của ông được đánh giá đúng đắn...*”. Mong ông NĐĐ nên thành thật; đừng thêm thắt và vu khống.

Tôi nhận định vài người trong đó có ông Nguyễn Đình Đầu: “*Dịch thuật tùy tiện theo cảm tính... về hai cụm từ plusieurs soldats và La conquête de tout l’Orient*”. Có thể đó là nhận định chủ quan, nhưng nên cho tôi có cái quyền nói lên điều đó. Ông Nguyễn Đình Đầu đã không đủ lý lẽ để phản biện, nên ông đã dùng phương pháp chụp mũ để áp đảo.

6. BÀI BÁO GÂY BẠO LOẠN...: Ông Nguyễn Đình Đầu cứ tiếp tục vu khống: “*Tôi hết sức ngạc nhiên thấy một bài báo gây bạo loạn, chia rẽ dân tộc...*”

Tôi chỉ viết bài biện chính cách dịch thuật nói trên chứ “*chưa tuyên bố Thánh chiến*”..., chưa đòi “*chém ông Thích Ca*”

như Lm Đắc Lộ thì bài báo của tôi gây bạo loạn chỗ nào? Và chia rẽ dân tộc chỗ nào? Nhận định về giáo sĩ Đắc Lộ là chia rẽ dân tộc? Ông Nguyễn Đình Đầu hiểu nghĩa chữ dân tộc như thế nào? Một cá nhân, một giáo sĩ là dân tộc ư? Qua những công cuộc nghiên cứu, thì giáo sĩ Đắc Lộ là một người có tội với dân tộc ta. Vậy phê bình để đồng bào ta biết rõ về ông làm sao có thể là gây bạo loạn hay chia rẽ dân tộc?

Tóm lại, chữ Quốc ngữ do sáng kiến của giáo sĩ Pina và hai giáo sĩ người Bồ là ông Amaral và Barbosa với sự góp sức của con chiên, thầy đồ, sư sãi... (chứ không phải do Lm Đắc Lộ như có một số người gán ép sai lầm hoặc có hậu ý). Chúng ta cũng biết rõ các giáo sĩ Bồ Đào Nha sáng tạo chữ Quốc ngữ từ mẫu tự Latinh với mục đích duy nhất là để truyền đạo cho người Việt Nam; chứ không hề có hảo ý giúp người Việt dễ học và dễ đọc tiếng của nước họ bằng mẫu tự Latinh. Về sau, thứ chữ này được sử dụng theo hai chiều hướng và hai mục đích khác nhau.

Chiều THUẬN: Qua các thông tin văn hóa, nhất là *Nam Phong Tạp chí* và *Đông Dương Tạp chí*, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Hồ Biểu Chánh, Xuân Diệu, Vũ Hoàng Chương, Thạch Lam, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng... cũng góp phần sáng tạo và đại biểu xứng đáng trong quá trình hoàn chỉnh chữ viết tiếng Việt trong từng giai đoạn biến thiên của ngôn ngữ nước ta. Thời kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng loại chữ viết này để mở mang dân trí, xóa nạn mù chữ.

Hướng NGHỊCH gồm có:

a. Linh mục Đắc Lộ: Cuốn *Phép giảng tám ngày* viết bằng tiếng Việt và tiếng Pháp với mục đích để truyền đạo và bên cạnh đó ông đã sử dụng để công kích về Khổng, Lão và Phật giáo. Thật vậy, Khổng Tử được hầu hết người Trung Quốc xưng tụng là *Vạn thế sư biểu*, và nhiều học lý của Nho giáo vẫn còn giá trị đến ngày nay. Còn ông Phật Thích Ca được Liên Hiệp

Quốc đánh giá là một vĩ nhân văn hóa và hòa bình của nhân loại. Thế nhưng, Lm Đắc Lộ đã sử dụng chữ Quốc ngữ để có những nhận định sai lạc:

Ông phê bình Không Tử: “*Chẳng phải hiền chẳng phải thánh mà độc dữ...*” (*Phép giảng tám ngày*, trang 113). Và phê bình Nho, Lão, Phật: “*Bởi tam giáo này, như bởi nguồn độc, nhiều sự dối khác. Song le bắt mỗi sự dối ấy chẳng có làm chi, vì chúng biết là bởi đâu mà ra, cho hay tỏ tường là dối thì vừa. Như thế có chém cây nào độc cho ngã, các ngành cây ấy tự nhiên cũng ngã với. Vậy thì ta làm cho Thích Ca là thằng hay dối người ta, ngã xuống,...*” (Aleaxandre de Rhodes, *Phép giảng tám ngày*, trang 115 & 116, Tủ sách Đại Kết, TP. HCM, 1993). Ông Nguyễn Đình Đầu trong phần cuối của bài phản biện đã bênh vực cho Lm Đắc Lộ như sau: “*Ngày nay, chúng ta thấy Đắc Lộ phê phán Thích Ca thực là điều đáng trách. Nhưng trên 350 năm trước đây, khi viết **Phép giảng tám ngày**, Đắc Lộ đã lựa chọn thái độ **trọng Nho giáo** (chữ đậm là của BK muốn nhấn mạnh) và **chê Phật giáo**...*”. Ông Nguyễn Đình Đầu cứ viết mà không cần biết đúng hay sai! Đắc Lộ trọng Nho giáo chỗ nào qua đoạn văn mà tôi vừa dẫn? [ông Nguyễn Đình Đầu có thấy câu này trong “*Phép giảng tám ngày*”, trang 113 không? Và tôi cũng vừa nhắc lại phía trên, trong đoạn này?]. Đắc Lộ phê bình Nho, Lão, Phật: “*Bởi tam giáo này, như bởi nguồn độc, nhiều sự dối khác*”].

b. Giám mục Puginier: “*...tôi xem việc tiêu diệt chữ Nho và thay thế dần dần ban đầu bằng tiếng An Nam (chữ Quốc ngữ, BK), rồi bằng tiếng Pháp như là phương tiện rất chính trị, rất tiện lợi và rất hiệu nghiệm để lập nên tại Bắc Kỳ một nước Pháp nhỏ ở Viễn Đông*”.

c. Trương Vĩnh Ký: Thư đề ngày 12/01/1882, từ Chợ Quán “*Kính gởi các vị trong Hội Đồng Thuộc Địa*”, Bao-ti-xi-ta Trương Vĩnh Ký viết rõ hơn về mục đích các tác phẩm của ông:

“Thưa quý vị,

Tôi hân hạnh gửi đến quý vị một bản trình bày từng tác phẩm xuất bản mà tôi đã biên soạn.

Làm như vậy, ý định của tôi là để chứng tỏ với quý vị rằng trong 13 cuốn sách tôi đã xuất bản cho đến nay do tiền tôi bỏ ra, tôi **chưa bao giờ đi lệch mục tiêu chính và trực tiếp** mà tôi đã trình bày trước đây trong các thư tôi viết vừa cho nhà cầm quyền, vừa cho Ủy ban Phụ trách Cứu xét những tác phẩm của tôi. **Mục tiêu đó là sự biến đổi và đồng hóa dân tộc An Nam**” (Nguyễn Sinh Duy, *Cuốn sổ bình sinh của Trương Vĩnh Ký*, NXB Nam Sơn, Sài Gòn, tháng 3, 1975).

Do đó, một lần nữa, chúng ta nên nghiên cứu thêm **để tránh** việc vinh danh những kẻ nên lên án và **tránh** lên án những người cần được vinh danh.

Rất mong ông Nguyễn Đình Đầu thận trọng với ngòi bút của mình.

Bùi Kha

California, 8/12/2008

* <<http://giaodiemonline.com/2009/02/bienchinh.htm>>

*< <http://sachhiem.net/BUIKHA/BuiKha2.php>>

**Bài phản biện của ông Nguyễn Đình Đầu đăng nhiều kỳ trên tuần san Công Giáo Và Dân Tộc, tôi phải đợi đến hết phần cuối mới biện chính một thể.*

Lời thề của Dòng Tên:

The following is the text of the Jesuit Extreme Oath of Induction as recorded in the Journals of the 62nd Congress, 3rd Session, of the United States Congressional Record (House

Calendar No. 397, Report No. 1523, 15 February, 1913, pp. 3215-3216), from which it was subsequently torn out. The Oath is also quoted by Charles Didier in his book Subterranean Rome (New York, 1843), translated from the French original. Dr. Alberto Rivera, who escaped from the Jesuit Order in 1967, confirms that the induction ceremony and the text of the Jesuit Oath which he took were identical to what we have cited below.

Chúng tôi trích đăng một đoạn bản Tuyên thệ cực đoan và dã man của Dòng Tên, nằm trong Biên bản chính thức của phiên thứ ba, Kỳ họp Quốc hội Liên Bang Hoa Kỳ lần thứ 62 (Dự luật được Nghị viện thông qua số 397, Bút lục số 1523, đề ngày 15 tháng 2 năm 1913, các trang 3215 đến trang 3216) (ngay sau đó đã bị loại ra). Bản tuyên thệ này cũng đã được Charles Didier trích dẫn trong cuốn Subterranean Rome (New York, 1843), dịch từ nguyên bản Pháp ngữ của Tiến sĩ Alberto Rivera, người đã xuất tu khỏi Dòng Tên vào năm 1967, khẳng định rằng nghi thức mở đầu và nội dung Bản tuyên thệ của Dòng Tên mà chúng tôi viện dẫn dưới đây chính là những gì ông đã từng trải nghiệm.

[... I furthermore promise and declare that I will, when opportunity present, make and wage relentless war, secretly or openly, against all heretics, Protestants and Liberals, as I am directed to do, to extirpate and exterminate them from the face of the whole earth; and that I will spare neither age, sex or condition; and that I will hang, waste, boil, flay, strangle and bury alive these infamous heretics, rip up the stomachs and wombs of their women and crush their infants' heads against the walls, in order to annihilate forever their execrable race...].

Tạm dịch: ... Con xin tuyên hứa thêm rằng con sẽ, nếu có cơ hội, con sẽ gây ra và tham gia chiến tranh tàn nhẫn, bí mật hoặc công khai, chống mọi kẻ dị giáo, Tin Lành và Tự Do, như con được lệnh thi hành, tận diệt chúng khỏi mặt địa cầu; và con

sẽ không chừa một ai, bất kể tuổi tác, nam hay nữ hay tình trạng xã hội; và con sẽ treo cổ, thiêu sống, luộc sống, mổ bụng, siết cổ và chôn sống những kẻ dị giáo ô nhục đó, phanh bụng moi bào thai của vợ chúng, và quật đầu con sơ sinh của chúng vào tường để tận diệt vĩnh viễn cái giống dân đáng ghét của chúng...

Bài 6

Lm TRẦN LỤC, MỘT ANH TÀI, MỘT VĨ NHÂN? *

Bùi Kha



Lm Trần Lục

1. Những ca tụng

Ngày 17-7-1999 tại thành phố Santa Ana, Orange County, bang California Hoa Kỳ, Hội Truyền thống Giáo phận Phát Diệm Nam California tổ chức lễ kỷ niệm 100 năm ngày linh mục Trần Lục (1825-1899) qua đời. Buổi lễ được tổ chức trọng thể. Theo báo *Vận Hội Mới* thì có những vị chức sắc cao cấp của giáo hội từ La Mã đến, từ Việt Nam qua và từ Gia Nã Đại về. Theo thứ tự, đức ông Trần Ngọc Thụ (từ La Mã), linh mục Nguyễn Thái Bình, linh mục Trần Phúc Vị, linh mục Trần Phúc

Nhân (ba vị từ Việt Nam qua) và linh mục Nguyễn Gia Đệ từ Canada v.v... Điều đó cho thấy buổi lễ kỷ niệm và vinh danh cố linh mục Trần Lục có tầm vóc quốc tế và trọng thể đến chừng nào.

Sau ngày lễ, đài Little Sài Gòn nghe được từ Houston Texas, Hoa Kỳ lúc 7:45 sáng ngày 19-7-99, một nhân sĩ Kitô, ông Vũ Quang Ninh, cũng không tiếc lời ca ngợi cụ Sáu Trần Lục. Nhiều báo Việt ngữ tại Mỹ đã đăng một số bài viết đề ca tụng linh mục Trần Lục (cũng có biệt danh là cụ Sáu Trần Lục). Ông Sơn Diệm Vũ Ngọc Ánh với bài *“Phát Diệm ngày xưa”* đăng trên tuần báo *Việt Nam Tự Do* (ngày 22-7-1999) cho thấy: *nhờ “đức độ và tài ba” nên cụ Sáu được vua Tự Đức cử giữ chức Tráp An và vua Đồng Khánh bổ nhiệm làm khâm sai Tuyên phủ sứ với trọng trách là an dân ba tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh.*

Nhật báo *Người Việt* (26-7-1999) tại Orange county (quận Cam) và báo *Làng* ở Sacramento California (số tháng 7-1999) đăng bài *“Tưởng niệm một vị anh tài: cụ Sáu Trần Lục”* của linh mục Trần Quý Thiện với những lời lẽ tôn vinh bằng đoạn mở đầu như sau:

“Có những người chết đi nhưng thế giới không bao giờ quên được họ, vì đời sống họ đã ảnh hưởng tới xã hội này nhiều quá! Thân thế và sự nghiệp họ được truyền tụng từ thế hệ này qua thế hệ khác và không bớt phần vinh quang rực rỡ! Hành động và ngôn ngữ họ đã trở thành khuôn vàng thước ngọc cho hậu thế tâm niệm và noi gương bắt chước. Họ là ai?...”

Xin thưa đó là những vị Anh Hùng Dân Tộc đã vào sinh ra tử chiến thắng ngoại xâm, giữ gìn bờ cõi giang sơn trong quá trình dựng nước và cứu nước”.

Sau khi định nghĩa thế nào là những vị Anh Hùng Dân tộc, linh mục Trần Quý Thiện viết tiếp: *“Ngày 6 tháng 7 năm 1999*

vừa qua là lễ giỗ 100 năm ngày qua đời của linh mục Trần Lục, thường gọi là “cụ Sáu” một danh nhân anh tài không những của giáo hội Công giáo mà còn của dân tộc Việt Nam chúng ta”.

Trước đó, vào tháng 7 năm 1996, nhóm của linh mục Nguyễn Gia Đệ ở Gia Nã Đại (Canada) có xuất bản một cuốn sách dày 640 trang với tựa đề **Trần Lục**, có 22 tác giả gồm các linh mục và con chiên có học thức. Hầu hết các tác giả của cuốn sách này đã xuyên tạc lịch sử với mục đích đề ca tụng linh mục Trần Lục, **không những là một “vĩ nhân” của đất nước Việt Nam mà còn cả nhân loại nữa.** Tuy nhiên, nhiều tác giả lúc say mê biện bạch đề ca tụng linh mục Trần Lục lên tột trời xanh, đã để lộ những chứng tích cho thấy vị linh mục này là **một đại ân nhân của chính phủ thực dân Pháp.** Và ông Sơn Diệm, Vũ Ngọc Ánh, một trí thức Kitô, qua bài ca tụng linh mục Trần Lục nói trên cũng tiết lộ: cụ Sáu có đem giáo dân đi giúp Pháp đánh chiến lũy Ba Đình, nhưng bào chữa rằng vì sự “bất đắc dĩ”. Như thế ông Sơn Diệm đã vô tình tố cáo linh mục Trần Lục là một người *thân Việt tâm Pháp*.

Nói gọn, qua nhiều bài của các tác giả viết trên báo trong sách và băng cassette thì linh mục Trần Lục là một người yêu nước thương dân, chống đối sự tàn ác của quân Pháp, là người có công xây nhà thờ Phát Diệm và sáng tác nhiều bài thơ, về giá trị. Vì thế, những danh từ Anh Tài và Vĩ Nhân được các tác giả và Giáo hội dùng để xưng tụng linh mục Trần Lục.

Bài viết này sẽ sử dụng những sử liệu chính xác để tìm hiểu linh mục Trần Lục là Một Vị “Anh Tài” và “Vĩ Nhân” chỗ nào?

Người viết không dùng tài liệu thuộc loại “cha hát con khen” mà tài liệu của chính các linh mục, con chiên và các sử gia chân chính không bị vương mắc bởi tình cảm tôn giáo, để xác định con người thực của linh mục Trần Lục.

2. Tình hình xã hội thời Trần Lục

Để hiểu rõ thêm tâm chất và hành động của linh mục Trần Lục chúng ta nên tìm hiểu **tổng quát tình trạng xã hội thời ông**. Linh mục Trần Lục sinh năm 1825. Lúc quân Pháp và Tây Ban Nha lần đầu tiên đổ bộ lên Đà Nẵng ngày 1-9-1858 thì ông đã được 33 tuổi. Ngày 17-1-1859 Pháp chiếm Sài Gòn. Tháng 6-1862 hiệp ước Nhâm Tuất ra đời. Việt Nam nhường cho Pháp ba tỉnh: Gia Định, Định Tường, Biên Hòa và thừa nhận Kitô được tự do truyền đạo. Hiệp ước 1867, Việt Nam nhường thêm cho Pháp ba tỉnh miền Tây là Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Như thế toàn xứ Nam Kỳ đều hoàn toàn bị Pháp đô hộ.

Ngày 20-11-1874 quân Pháp chiếm thành Hà Nội. Hiệp ước 1874 ra đời, Bắc Kỳ trở thành xứ bảo hộ của Pháp. Ngày 16-7-1883 vua Tự Đức mất, thọ 55 tuổi, sau 36 năm làm vua. Người kế vị là Dục Đức làm vua được 3 ngày thì bị truất phế và Hiệp Hòa lên ngôi (27-7-1883). Ngày 30-11-1883 Hiệp Hòa bị truất phế và Kiến Phúc lên ngôi mới 15 tuổi. Ngày 26-7-1884 vua Kiến Phúc mất, Ưng Lịch 12 tuổi lên làm vua hiệu là Hàm Nghi. Đêm 4 rạng ngày 5 tháng 7 năm 1885 sau cuộc tấn công các đồn của Pháp ở Huế bị thất bại, vua Hàm Nghi cùng triều đình chạy trốn ra Tân Sở Quảng Trị rồi truyền hịch kêu gọi toàn dân vũ trang chống Pháp.

Ngày 29-9-1885, Chánh Mông, con nuôi cuối cùng của vua Tự Đức 23 tuổi, thân hành đến sứ quán Pháp (ở Huế) gặp tướng De Courcy để xin lên làm vua niên hiệu là Đồng Khánh (1885-1889). Tư cách nhục nhã của Đồng Khánh được tiến sĩ Nguyễn Xuân Thọ, cựu viên chức ngoại giao làm việc khắp các tổng vụ trong bộ Ngoại giao Pháp, mô tả như sau:

“Tại Huế, với nhà vua mới này, công việc của các nhà chức trách Pháp trở nên rất nhẹ nhàng: Viện Cơ mật, do một quan chức Pháp chủ tọa, và Đồng Khánh không ngớt bộc lộ

những dấu hiệu phục tùng nô lệ của mình đối với kẻ chiếm đóng.

Ngày Đồng Khánh nhận lễ thụ phong từ tay tướng De Courcy, trong buổi yết kiến từ biệt, nhà “Vua mới” phong cho De Courcy tước “Đại Quận Công, Người Bảo Hộ Vương Quốc”. Vài tháng sau, ngày 23.2.1886, Đồng Khánh chuẩn y hiệp ước bảo hộ năm 1884.

“Trước những điều kiện thuận lợi như thế, viên phụ tá của tướng De Courcy, là tướng Prudhomme, luôn luôn tạo ra những cơ hội mới để chứng minh sự quy phục của vua Đồng Khánh đối với chính quyền chiếm đóng; ông ta hy vọng, bằng cách đó, khai thác được tác dụng tâm lý đối với người Việt Nam do những dấu hiệu kiêng nể đối với những kẻ đại diện của Pháp, do những buổi dạo chơi, mà bên cạnh nhà Vua luôn luôn có một linh mục Công giáo Việt Nam đi kèm, là cha Hoàng (Nguyễn Hoàng, BK) được Pháp đặt bên cạnh nhà vua để “phục vụ” nhà vua làm thông dịch viên, và chắc chắn là để do thám cả nhà vua, khi cần... (Nguyễn Xuân Thọ trong cuốn *Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam 1858-1897*, trang 403).

Sử gia Nguyễn Sinh Duy trong cuốn *Phong trào Nghĩa hội Quảng Nam*, xuất bản tại Đà Nẵng, 1996, trang 340, viết:

“... Sau khi Hàm Nghi lên ngôi rồi đi kháng chiến, Chánh Mông sang tòa khâm sứ Pháp xin De Courcy để tên đại tướng giặc thương tình cho hai đội lính Pháp hộ tống sang thành nội làm lễ đăng quang lên ngôi hoàng đế, đặt niên hiệu Đồng Khánh thì ông vua bù nhìn này được sự cố vấn của Trương Vĩnh Ký và linh mục Nguyễn Hoàng (Chức Ngự tiền hành nhân) hợp cùng tay sai đắc lực Pháp như Nguyễn Hữu Độ, Phan Liêm... ra sức dùng mọi danh lợi kêu gọi nghĩa quân...”.

Đồng Khánh là một ông vua bù nhìn, sống bê tha trụy lạc. Ông làm vua được 4 năm, sau một trận nôn mửa ra máu đen, con hấp hối kéo dài 10 ngày rồi chết (28-1-1889). Ngày 1-2-

1889 con trai của Dục Đức là Bửu Lâm mới 10 tuổi được chọn lên làm vua dưới niên hiệu là Thành Thái (1889-1907).

Tóm lược đôi điều về các ông vua cuối triều Nguyễn để chúng ta thấy nội tình của triều đình Việt Nam thời bấy giờ. Có người chỉ làm vua được ba ngày rồi bị truất phế. Đất nước nhiều nhượng, làm vua nhưng tất cả quyền hành đều nằm trong tay người Pháp và linh mục Công giáo Việt Nam, ngay cả vua Tự Đức cũng phải nhượng bộ nhiều điều kiện mà Pháp đòi hỏi. Trước tình trạng ấy giới sĩ phu và quần chúng Việt Nam phản ứng như thế nào?

3. Phản ứng của nhân dân Việt Nam với cuộc xâm lăng của Pháp

Hiệp ước 1862 mà triều đình vua Tự Đức ký với Pháp và Tây Ban Nha làm cho dân chúng Nam Kỳ bất mãn. Các đặc phái viên toàn quyền của vua Tự Đức là Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp bị dân coi là “Kẻ phản quốc” và Triều đình bị phê phán là “coi thường dân”: “*Phan, Lâm mãi quốc, triều đình khi dân*”. (Nguyễn Xuân Thọ, tr. 81).

Sự uất hận của dân miền Nam đối với việc triều đình nhượng bộ Pháp có thể được tìm thấy qua mấy vần thơ:

“*Tan nhà căm nổi câu ly hận,
Cắt đất thương thay cuộc giảng hòa.
Gió bụi đôi phen xiêu ngã cỏ
Ngậm cười hết nói nỗi quan ta*”...
(NXT, trang 81).

Cuộc kháng chiến mãnh liệt của dân miền Nam được các nhân vật tên tuổi và uy tín lãnh đạo như Huyện Toại, Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Thiên Hộ Dương, Thủ Khoa Huân

V.V...

Tại Huế, sau những hòa ước ký với Pháp, óc thực dân và xâm lược của quân đội viễn chinh Pháp ngày càng gia tăng khủng khiếp. Tại Bắc Kỳ giới chức Việt Nam không chịu công nhận hiệp ước do Nguyễn Trọng Hiệp ký. Vì thế, *“Một phong trào kháng chiến có tính cách quốc gia và dân tộc được tổ chức. Sau 1883, Tôn Thất Thuyết (quan phụ chính đại thần, BK) đã quyết định triều đình sẽ rút vào một thành trì được dựng lên trong vùng núi, hàng chục ngàn công nhân đã bắt đầu công cuộc xây dựng từ tháng 8 năm đó. “Thủ Đô Mới” tại Tân Sở, trong tỉnh Quảng Trị, đồng thời các kho lúa, gạo cũng được tổ chức trong miền Thượng Du”*.

“...Tháng 4, 1884, triều đình Huế cho dựng lại tại tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An những trại quân quan trọng và ra lệnh cho các quan tỉnh, phủ, huyện tổ chức việc ra binh chống Pháp”. (Luận án tiến sĩ của Cao Huy Thuần, bản dịch tiếng Việt: *Chủ nghĩa thực dân Pháp và Thiên Chúa giáo ở Việt Nam*, trang 359 và 360).

4. Nguyên nhân Pháp và Tây Ban Nha đánh Việt Nam

Ngược dòng lịch sử để thấy việc truyền đạo của Giáo hội, đi song hành hay đi trước chủ nghĩa thực dân Tây phương, bắt nguồn từ sắc lệnh của Giáo hoàng Alexandre VI năm 1493. Theo đó, giáo hoàng này chia thế giới làm hai phần cho Bồ Đào Nha và Tây Ba Nha và buộc họ đi chiếm thuộc địa để truyền đạo.

Năm 1627, linh mục Alexandre de Rhodes đến Việt Nam truyền giáo, và linh mục này là **người đầu tiên** vận động Pháp chiếm Việt Nam (xin xem cuốn *Divers Voyages et Mission* trang 78 & 79, tác giả chính là linh mục A de Rhodes cho biết như thế chứ không ai khác. Bản dịch tiếng Việt của Hồng Nhuệ: *“Hành trình và truyền giáo”* trang 263 và 264. Ủy Ban Đoàn

Kết Công Giáo xuất bản, TP. Hồ Chí Minh 1994).

Hơn 200 năm sau (năm 1855) các giáo sĩ Pháp trực tiếp và tích cực vận động Pháp chiếm Việt Nam là Tổng giám mục Bonnechose ở Rouen, linh mục Huc cự đại diện của Giáo hoàng ở Trung Quốc, giám mục Pellerin, đại diện Giáo hoàng ở Bắc Nam Kỳ. Tháng 11, 1857 giám mục Pellerin đến La Mã và được Giáo hoàng Pie IX tán thành các vận động của phái bộ truyền giáo (Cao Huy Thuần, *Chủ nghĩa thực dân Pháp và Thiên Chúa giáo ở Việt Nam*, trang 59 & 61). Ngày 1.9.1858 Pháp đổ bộ Đà Nẵng.

Để vấn đề được vô tư hơn, tôi trích dẫn một số văn thư và ý kiến của các nhà truyền giáo, của các viên chức Pháp và các sử gia ngoại quốc để độc giả thấy mỗi dây chằng chặt, tủi nhục và đau thương của dân tộc Việt trong giai đoạn linh mục Trần Lục trưởng thành.

5. Kế hoạch xâm lăng và đồng hóa

a.- Linh mục Legrand de la Liraye, đề nghị: “*Theo thần, chiến tranh là cách duy nhất để đạt kết quả nghiêm chỉnh tại nước đó... phải đánh gấp Bắc Kỳ, Huế và Đà Nẵng cùng lúc, nếu được thì lật đổ chính phủ...*” (CHT, SDD, trang 65).

b.- Văn thư ngày 30-4-1864, Đô đốc La Grandière viết cho viên Thượng thư của họ: “*Chúng ta cần các nhà truyền đạo... đổi đạo nghĩa là đồng hóa dễ dàng dân chúng nhờ sự giúp đỡ của các sư huynh, các trường đạo và các Bà Sơ*”.

(Nous avons besoin de missionnaires,... la conversion, c'est-à-dire l'assimilation si facile du peuple avec le concours des Frères des Ecoles chretiennes et des Religieuses: Thư khó Hải Ngoại của Pháp, A 30 (6), hộp 10. Dẫn theo CHT, trang 205 bản tiếng Pháp).

c.- Đô đốc Bonard ở Nam Kỳ trình bày với viên Thượng

thư của ông:

“Truyền bá đạo Công giáo nhất định là cách chắc chắn nhất để lôi kéo dân chúng hoàn toàn theo chúng ta. Trong sáu tỉnh (ở Nam Kỳ, BK), việc truyền bá này do các trường dạy trẻ thực hiện... Trường học sẽ là cơ hội tốt để chúng ta đồng hóa hoàn toàn dân tộc này...”

(“La propagation du Catholicisme est certainement le moyen le plus sur d'avoir un peuple complètement à nous. Cette propagation dans les six provinces se fera par les écoles d'enfants... Les écoles seront une belle occasion de nous assimiler entièrement ce peuple...” Trích trong bản tường trình về tình hình chính trị ở Nam Kỳ của Aubaret, phụ tá của Đô đốc Bonart, Thư Khố Pháp, CHT, SDD trang 207).

6. Ý kiến và vai trò giáo sĩ và giáo dân đối với cuộc xâm lăng của Pháp

a.- Ý kiến của giám mục Puginier, địa phận Bắc Kỳ. Một văn thư gửi cho Bộ Hải quân và Thuộc địa trong thời gian từ tháng 3.1884 đến tháng 3.1887, Puginier cố chứng minh rằng Bắc Kỳ xứng đáng với sự hy sinh của Pháp: *“Đây là một xứ cung cấp rất nhiều tài nguyên to lớn... Bắc kỳ sẽ mở cho Pháp con đường lưu thông dễ dàng để mang sản phẩm sang Lào và Tây Trung Hoa...”* *“Bắc Kỳ là một dân tộc rất đáng chú ý, và có thể biến thành bạn nếu chúng ta biết đào tạo, lãnh đạo và cai trị”*.

“Bắc Kỳ đã cống hiến một lực lượng mạnh mẽ và đã thành bạn bè rồi: thật vậy, nó có 400.000 ngàn con chiên đã cho thấy lòng hy sinh cùng cảm tình của họ đối với Pháp”.

(... “Le Tonkin fournit un élément puissant déjà ami: il compte, en effet, 400 millle chrétiens “qui ont déjà donné des preuves de leur dévouement et de leur affection pour la France”

(CHT, SĐD, trang 412).

“Tôi xin xác định rằng khi nào Bắc Kỳ thành Thiên Chúa giáo thì nó cũng sẽ thành một nước Pháp nhỏ, hoàn toàn giống như các đảo Philippines đã thành một nước Tây Ban Nha nhỏ”.

(*"J'affirme que du moment où le Tonkin deviendra chrétien, il deviendra aussi la petite France de l'Extrême- Orient, absolument comme les îles Philippines sont une petite Espagne"*) (CHT, trang 421).

b.- Các người truyền giáo trước đây cũng như hiện nay, thường hô hoán rằng các vua quan nhà Nguyễn cấm đạo, giết giáo sĩ và hà khắc con chiên, nhưng thực tế thì vì con chiên Việt Nam đã có những hành động chống lại Tổ quốc. Sau đây là ý kiến của Đô đốc Page trong văn thư ngày 14-12 và 25-12-1859 cho thấy như sau:

Sau khi *“đi khắp nước thấy nhiều, nghe nhiều”* cuối cùng Đô đốc Page công nhận lý lẽ vững chắc của triều đình Huế, chính ông cũng bức mình về thái độ của các nhà truyền đạo và con chiên của họ:

Thật vậy, trong lúc dân chúng hoảng hốt chạy trốn khi quân Pháp kéo đến và tổ chức vũ trang tự vệ, ở nơi đông dân thì 3.000 tín đồ Công giáo đi theo Pháp và xin được đưa vô Sài Gòn là nơi mà Page đã dựng lên một thị trấn. “Tôi ngạc nhiên biết bao? Khi hôm sau các nhà truyền giáo đến nói với tôi, rằng các con chiên An Nam không tuân theo một quyền lực vô đạo, họ nói như thế. Sao! Họ cũng không muốn có cảnh sát để chặn đứng trộm cướp du đảng, cướp bóc thành phố? Và tôi rất hồ thẹn để thú nhận với Ngài rằng Giáo hội Công giáo tại An Nam đã ngạo nghễ đi rao giảng các nguyên lý đó: ngoài ra không người Việt Nam theo Công giáo nào ngần ngại xin gia nhập làm lính dưới cờ Pháp, ông vua Việt Nam không theo đạo, không phải là vua của họ. Chắc bây giờ Ngài đã hiểu tại sao vua, quan

đã coi các nhà truyền giáo là kẻ thù?”.

Nguyên văn tiếng Pháp:

Après avoir “beaucoup parcouru le pays, beaucoup regardé, beaucoup écouté, l'amiral Page finit par reconnaître le bienfondé des arguments du gouvernement de Hue, lui même ayant été choqué par l'attitude des missionnaires et de leurs chrétiens.

En effet, tandis que la population fuyait avec épouvante à l'approche des troupes francaises et que des milices armées s'organisaient là où il y avait un centre de population, 3.000 catholiques se rallièrent aux Francais et demandèrent à être ramenés à Saigon où Page avait crée une municipalité. “Quelle a été ma surprise? Lorsque le lendemain les missionnaires sont venus me déclarer que les chrétiens annamits ne pouvaient pas obéir à une autorité payenne, c'est leur mot. Quoi! Pas même pour la police municipale? Pour empêcher les voleur, les vagabonds de mettre la ville au pillage? Et je suis confus d'avouer à Votre Excellence que ces principes sont professés hautement par les associations annamites catholiques... “Du reste, pas un Vietnamien catholique n'hésita à demander à s'enriler comme soldat sous le draupeau francais, le roi payen du Vietnam n'était point leur roi. “Votre Excellence comprendre sans doute maintenant comment le Roi et les mandarins regardent les missionnaires catholiques comme des ennemis? (Depêche de l'amiral Page, du 14-12 et 25-12-1859. Archives Nationales, Fonds, Marine BB 777 (CHT, trang 128 & 129).

7. Lĩnh mục Trần Lục: Anh Tài, Vĩ Nhân?

Bối cảnh lịch sử nêu trên, nhìn từ các góc độ khác nhau, cụ Sáu lĩnh mục Trần Lục đã làm gì để được Giáo hội ca tụng là “bậc vĩ nhân” là “anh tài” không riêng cho giáo hội mà còn cả dân tộc Việt Nam và nhân loại nữa!

Những mỹ từ Anh Tài, Vĩ Nhân được giáo hội và con chiên trí thức tặng cho linh mục Trần Lục, và những phẩm hàm của bốn đời vua triều Nguyễn tặng cho ông có giá trị như thế nào, xin mời độc giả tìm hiểu các hành động của linh mục Trần Lục qua các sử liệu sau đây.

Sử liệu 1:

Dẫn 5.000 giáo dân giúp Pháp đánh lũy Ba Đình của Đình Công Tráng.

Linh mục Trần Tam Tỉnh, Viện sĩ Hàn lâm Viện Hoàng gia Canada, giáo sư đại học Laval Canada là tác giả cuốn “*Dieu et césar*” (Thập giá và lưỡi gươm), La Mã 19-5-1975, do Nhà xuất bản Sudestasie, Paris 10-1978, trang 41 và 42 tường thuật như sau:

“Cho tới ngày chết, 25-4-1892 giám mục Puyginié (Puginier, BK) chẳng bỏ qua ngày nào mà không hoạt động để củng cố thêm vị trí nước Pháp tại xứ sở con nuôi này của ông. Người ta đang giữ hàng chục điệp văn và bản tin tình báo mang chữ ký của ông trong văn khố của Bộ Thuộc địa. Và một phần nhờ ở các bản tin đó mà quân Pháp đã đập tan cuộc kháng chiến vũ trang của người Việt. Cuộc kháng cự hùng mạnh nhất đã xảy ra tại Ba Đình, Thanh Hóa, dưới sự chỉ huy của Đình Công Tráng. Bề ngoài, đó là một loại làng được biến thành căn cứ, được lũy tre bảo vệ có thành, đường hầm và hệ thống giao thông hào được bố trí rất thông minh. Tinh thần chiến sĩ lúc đó rất cao. Nhằm “bình định” cứ điểm này, quân Pháp đã gửi tới một lực lượng gồm 2.250 tên lính, 25 đại bác, 4 pháo hạm dưới quyền chỉ huy của trung tá Metxanhgie (Metzinger). Cuộc tấn công ngày 16-12-1886 bị đẩy lui. Quân Pháp phải tổ chức bao vây để tìm hiểu chiến thuật mới. May cho chúng, vì có một sĩ quan trẻ, đại úy Giôphơơ (Joffre sau này là thống chế Pháp trong chiến tranh Thế giới thứ nhất) nghĩ tới việc nhờ linh mục

Trần Lục, quản xứ Phát Diệm và là Phó Vương, tiếp trợ cho cuộc bình định các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh. Ông linh mục này đã nhận phép lành của giám mục Puyginiê, rồi đi tiếp viện cho quân Pháp với 5.000 giáo dân. Ba Đình đã thất thủ.

Thật đau lòng cho một sử gia người Việt Nam Công giáo khi phải nhắc lại những năm tháng ấy, thấy quân đội Pháp hành quân “bình định” chỉ được nghỉ ngơi trong các làng giáo: “Sau một cuộc hành quân mệt rã rời, quân lính của ta kiệt sức vì thiếu ăn, mà tiến vào một làng người lương thì thường chỉ được ăn đụn. Nhưng nếu gặp được một làng người giáo thì trẻ con chạy ra đón đường và kêu ầm lên: Công giáo, Công giáo đây! để quân chúng ta biết rằng chẳng có gì phải sợ ở đó, rồi dân làng đem chuối, trứng, gà ra chiêu đãi. Sự khác biệt thật rõ ràng và là điều đáng ghi nhớ nhĩ?”. Những dòng trên đây chẳng phải do một bàn tay Cộng Sản ghi lại, mà là do một tu sĩ Dòng Tên đã say sưa thích thú về thái độ của người có đạo Kitô lúc đó nghĩ rằng bốn phận của họ là phải hợp tác (với Pháp) vì mình là người Công giáo”. (F, Rouvier, Loin du Pays, Paris 1896, tr.103-104)”.

Để tránh hành động chạy tội và đổ thừa cho “Cộng Sản”, sử gia linh mục Trần Tam Tỉnh nói rõ ông lấy sử liệu từ một tu sĩ Dòng Tên F. Rouvier, trong cuốn *Loin du Pays*, Paris 1896 trang 103-104.

Nguyên văn tiếng Pháp:

Jusqu'à sa mort le 25 Avril 1892, Mgr Puginier ne restait pas une journée sans travailler à affermir la position de la France dans son pays d'adoption. On conserve des dizaines de Notes et renseignements portant sa signature dans les Archives du Ministère des Colonies. Et en partie grâce à ses renseignements, les Français purent écraser la résistance armée des Vietnamiens.

La résistance la plus farouche était menée à Ba Dinh, Thanh Hoa, sous la direction de Dinh Cong Trang. C'était en apparence un village fortifié avec une ceinture de bambous, des remparts, des tranchées et boyaux de communication savamment disposés. Le moral des combattants était très haut. Pour le "pacifier", les Français envoyèrent une force de 2.250 soldats, 25 canons, 4 canonnières sous le commandement du colonel Metzinger. L'attaque du 18 décembre 1886 fut repoussée. Les Français durent l'assiéger en cherchant une nouvelle tactique. Heureusement pour eux, un jeune officier, le capitaine Joffre (qui deviendra le fameux maréchal de France pendant la première guerre mondiale). Pensa à demander l'aide du père Tran Luc, curé de Phat Diem et Vice-roi pour la pacification des provinces de Thanh Hoa, Nghe An et Ha Tinh. Celui-ci avec la bénédiction de Mgr Puginier vint à la rescousse des Français avec 5000 chrétiens. Et Ba Dinh fut pris.

Il est douloureux pour un historien catholique Vietnamien de rappeler ces années où les troupes françaises de "pacification" ne trouvaient repos que dans les villages catholiques: "Quand après une marche accablante, nos soldats, épuisés par l'anémie, arrivaient devant un village païen ils y étaient souvent accueillis par des coups de fusil. Mais était-ce un village chrétien qu'ils traversaient? Les enfants accouraient au-devant eux, criant à tue-tête: "Catholica, Catholica" pour leur faire comprendre qu'ils n'avaient rien à craindre, et les villageois leur offraient, des bananes, des oeufs et des poulets. La différence est appréciable et vaut la peine d'être remarquée, n'est-ce pas?". Ces lignes n'ont pas été écrites par un communiste, mais par un jésuite ravi de l'attitude des chrétiens qui pensaient de leur devoir d'être collaborateurs parce qu'ils étaient catholiques (F. Rouvier, *Loin du pays*, Paris 1896 p.103-104).

Sử liệu 2:

Sử gia Đào Trinh Nhất trong cuốn *Phan Đình Phùng, nhà lãnh đạo 10 năm kháng chiến 1886-1895 ở Nghệ Tĩnh*, Tân Việt xuất bản, 31-1-1957, Nam phần Việt Nam, trang 19 và 20 tường thuật như sau:

“Bởi vậy, khi làm Tri phủ Yên Khánh ở Ninh Bình, thấy một ông cố đạo bản xứ hay ý thể tôn giáo, hà hiếp lương dân, cụ Phan (tức là Phan Đình Phùng, BK) không kiên nhẫn ngại gì, cứ việc hô lính đề cổ giáo sĩ đó xuống hỏi tội và đánh thẳng tay.

Giáo sĩ bị trận đòn ấy là cụ Trần Lục, tục gọi là cụ Sáu, **mấy năm sau nhờ thế lực Pháp mà được triều đình phong làm Tuyên phủ sứ có oai quyền lừng lẫy một lúc ở vùng Phát Diệm Ninh Bình, ai cũng phải sợ. Người ta nói ông có cái đức giết người như rạ, không kém gì Tôn Thất Thuyết.**

Cụ Phan đánh một ông cố đạo là đánh kẻ có tội hà hiếp người, chứ không phải bày tỏ thâm ý ghét đạo Thiên Chúa”.

Sử liệu 3:

Lăng Nhân Phùng Tất Đắc là một nhà văn hóa hiện sống tại Luân Đôn, trong cuốn *Những Trận Đánh Pháp, từ Hàm Nghi đến Nguyễn Thái Học*. Bản in lại tại Houston, Texas, Hoa Kỳ 1987, trang 20 viết như sau:

“Phan (Phan Đình Phùng, BK) đỗ cử nhân khoa Bính Tý (1876), năm 33 tuổi; năm sau, đỗ tiến sĩ đình nguyên (khoa Đinh Sửu, Tự Đức 30, 1877). Sơ bổ tri phủ Yên Khánh, Ninh Bình, ở đây, ông thấy linh mục Trần Lục hay **ý thể hiếp dân**, nên nhân một vụ lộng quyền, ông cho lính nọc linh mục ra đánh. Vì thế phải gọi về kinh. Tự Đức 31 (1878) ông được sung chức ngự

sử Đô Sát Viện”.

Cũng cuốn sách này trang 42 tường thuật:

“Đạo quân đánh Ba Đình gần 50 viên tướng Pháp và 2.250 quân. Đại tá Brissaud đứng tổng chỉ huy lập đại bản doanh ở Thuận Đào, dưới trướng có tham mưu D'Amade, Masson, đại tá Diguet chỉ huy quân Lê Dương, đại tá Steltz chỉ huy pháo binh, có đại úy Puts trợ lực. Mặt Bắc đại tá Doods đóng tại Nghi Vinh, mặt Nam đại tá Metzinger đóng tại Xa Liễn, đại úy Joffre (Joffre sau này làm thống chế), chỉ huy Công binh, phó quân lương Chaumont giữ việc quản trị, bác sĩ Velledary và Perrin đứng đầu y tế. Trên mặt sông, xung quanh thành, 4 chiến hạm chực sẵn do trung úy Thusnine, Surcouf, le Prieur và Dantin chỉ huy. Các giáo đoàn Phát Diệm, Kẻ Sở, Điền Hộ, Bồ Xuyên cung cho quân Pháp 5.000 giáo dân để đào hầm vận lương” (Cha xứ Phát Diệm lúc này là linh mục Trần Lục, BK).

Sử liệu 4:

Trong cuốn *Đại Nam thực lục chính biên, bằng chữ Hán*, 38 tập: Đây là các văn bản của Triều Nguyễn được đúc kết do Thượng Thư Bộ Học làm chủ biên, Viện Sử học Hà Nội dịch ra tiếng Việt (Hà Nội: 1962-1978). Trong tập 36:43 và tập 36:90 có những chi tiết tóm lược sau đây:

“Độ (Nguyễn Hữu Độ, Tổng Đốc Hà Nội là nhạc phụ của vua Đồng Khánh, BK) cũng giữ liên hệ chặt chẽ với các giáo mục bản xứ, đặc biệt là Trần Lục (Trần Hữu Triêm), người cai quản giáo phận Phát Diệm, nằm giữa ranh giới hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hóa. Từ năm 1883, Trần Lục công khai ngả theo Pháp. Theo sử quan nhà Nguyễn: Y mộ nhiều giáo dân và hàng ngàn tên vô lại, nhiều lần ra chặn bắt dịch phu để cướp lấy công văn. Các quan trú quân đều phải qua đường Phủ Nho quan mà đệ công văn về (Huế)” (VI 36:43) *“Trần Lục cũng hàng lui tới dinh sứ Pháp kêu xin tư xét”* việc truy đánh dân đạo Kitô ở

Thanh Hóa, khiến tháng 2 năm Giáp Tuất (3.1884) nhóm Tổng đốc Thanh Hóa Tôn Thất Tường và Tri phủ Thiệu Hóa là Nguyễn Đình bị cách chức, thuộc hạ bị giết. Tháng 3 năm Bình Tuất (4-1884) Độ còn đề cử Trần Lục làm Tuyên phủ sứ Thanh Hóa, hàm Tham tri Bộ Lễ, lo việc đánh dẹp quân Cần Vương vì họ đạo của Lục nằm giữa ranh giới Ninh Bình và Thanh Hóa” (VI, 37:143). (Vũ Ngự Chiêu, trong cuốn *Các vua cuối nhà Nguyễn 1883-1945*). Tập I: *Đại Nam mất tự chủ, 1858-1884*, Văn hóa xuất bản, Houston, 1999, trang 343 và 361).

Sử liệu 5:

Trong cuốn *Le Tonkin de 1872 à 1886, histoire et politique*, Paris 1910, trang 203, 209-14, Jean Dupuis, tường thuật chi tiết sau đây:

Ngày 5-12-1873 linh mục Trần Lục hướng dẫn Chuẩn úy Hautefeuille chiếm thành Ninh Bình không tốn một viên đạn. Trần Lục còn tuyển mộ thêm được 150 lính để giúp ông Chuẩn úy này bảo vệ an ninh (Vũ Ngự Chiêu, sđd, trang 225).

Sử liệu 6:

Trong cuốn *Histoire d'un Prêtre Tonkinois: Le baron de Phat Diem*, tác giả là giám mục Olichon, Paris, Bloud et Gay, 1931, trang 140, viết như sau:

“Ở Bắc Việt, linh mục Triêm (Nguyễn Hữu Triêm: Trần Lục, BK) tổ chức miền Công giáo Phát Diệm và cộng tác với chính quyền bảo hộ” (Pháp). (Dẫn theo Nguyễn Thế Anh, Thạc sĩ Sử học, Trưởng ban Sử học Đại học Văn Khoa Sài Gòn, trong cuốn *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, Lửa Thiêng xuất bản, Sài Gòn, 1970, trang 121).

Qua sáu sử liệu trích dẫn ở trên chúng ta thấy cụ sáu Trần Lục một “Anh Tài, một Vĩ Nhân” của giáo hội Công Giáo có các hành động như sau:

Dẫn năm ngàn giáo dân đi giúp quân thực dân Pháp. Có cái đức giết người nhiều như rạ. Một nhiều giáo dân và hàng ngàn tên vô lại nhiều lần đón đường cướp công văn của triều đình để dâng cho Pháp. Giúp Chuẩn úy Pháp chiếm thành Ninh Bình Bắc Việt. Lạm quyền và hà hiếp dân chúng. Cộng tác với thực dân Pháp.

Các sử liệu liệt kê tội trạng của linh mục Trần Lục nêu trên có đáng tin cậy hay không? Hay do những người khác tin ngưỡng hoặc ganh tị bịa đặt để gán cho “Đức” cha Trần Lục?

Có lẽ quý độc giả đều đồng ý rằng các tài liệu trên không những chính xác mà còn thiếu quá nhiều, vì công lao của “bậc vĩ nhân” Trần Lục phục vụ cho thực dân Pháp không phải chỉ có giản dị và thô thiển như thế mà được đế quốc Pháp tặng thưởng! Thật vậy, trong lúc hăng say ca tụng bậc “anh tài” Trần Lục, đức ông Trần Ngọc Thụ (ở La Mã) cho biết chính phủ Pháp đã tặng cho ông linh mục Trần Lục “*Ngũ Đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh*” của Pháp năm 1884, và “*Tứ Đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh* năm 1899” (theo cuốn *Trần Lục* đã dẫn, trang 18).

Công lao to lớn của linh mục Trần Lục đối với thực dân Pháp cũng được Pháp ghi nhận trong buổi lễ tại nhà thờ Phát Diệm năm 1940. Theo cuốn *Autour des Fetes du 3 Decembre 1940 à Phát Diệm* (Chung quanh đại lễ ngày 3.12.1940 ở Phát Diệm). Tập sách có hai phần chữ Pháp và chữ Việt, mang số M1040 của Tổng Thư viện Quốc Gia nói về đại lễ tấn phong giám mục Phan Đình Phùng (trùng tên với nhà ái quốc kháng chiến Phan Đình Phùng, BK) và lễ gán Ngũ Đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh cho **giám mục Nguyễn Bá Tòng**. Sách do nhà in Ngô Tử Hạ ấn hành và do Chánh phó giám mục, linh mục và các giáo dân địa phận Phát Diệm chủ trương. Trong đó có đoạn mô tả như sau:

“Một phút yên lặng: quan toàn quyền kính điều một vị anh

hùng, một vị quốc công vang danh bốn bể (Trần Lục, BK) quan Toàn quyền Decoux cảm xúc ái tình. Ngài cảm động hơn nữa khi nghĩ tới cụ Trần Lục là vị phúc tinh đã đem lại sự hòa bình thân thiện cho dân tộc Pháp - Nam...

... Quan Toàn quyền đưa cặp mắt đầy cảm động ngó xung quanh lũ con dân chẳng chịt như nê-m cỏi, bao nhiêu con mắt đổ dồn về ngài...

... Đức cha Nguyễn Bá Tòng đọc diễn văn bày tỏ lòng cảm ơn chính phủ, tỏ lòng trung thành con dân Việt Nam đối với Mẫu Quốc. (Dẫn theo Toàn Ảnh trong cuốn Hội hè đình đám).

Đọc đoạn văn trên chúng ta thấy mấy điểm:

* Lũ con dân chẳng chịt vô số kẻ như nê-m cỏi đổ mắt sung sướng nhìn về tên thực dân Decoux vì được làm con dân hiếu thảo của nó, của Petain và của thực dân Pháp.

* Linh mục Trần Lục là một vị phúc tinh, một vị anh hùng của Decoux và của nước Pháp nên đại diện chính phủ Pháp kính cẩn nghiêng mình trước mộ của Trần Lục.

* Cha Nguyễn Bá Tòng đọc diễn văn bày tỏ lòng biết ơn chính phủ thực dân Pháp, tỏ lòng trung thành con dân Công giáo Việt Nam đối với Mẫu Quốc (Pháp).

Thế là đã quá rõ, nếu không có công lao cung cấp cho Pháp 5 ngàn giáo dân, công giết quá nhiều người Việt Nam yêu nước chống thực dân Pháp, không có công to lớn giúp Pháp chiếm Bắc Kỳ, giúp Pháp bình định các nơi chiếm đóng v.v... thì vô cớ mà chính phủ thực dân Pháp tặng, không những chỉ một mà đến hai huy chương thuộc loại cao cấp nhất của Pháp. Và Toàn quyền Decoux thay mặt thống chế Petain của Pháp và thay mặt nước Pháp kính cẩn nghiêng mình trước ngôi mộ của linh mục Trần Lục.

Đoạn trích dẫn ở trước, đức ông Trần Ngọc Thụ cũng cho biết **“với sự chấp thuận của giám mục địa phận”** nên Trần Lục mới nhận chức Tráp An của vua Tự Đức. Giám mục địa phận lúc đó là Puginier, một tên thực dân cuồng nhiệt và có nhiều sáng kiến độc ác. Như thế, rõ ràng quan thầy của cụ Trần Lục là Puginier; thầy sao thì trò phải vậy.

8. Lý do phong chức

Một người hung hãn như thế, nhưng tại sao bốn đời vua nhà Nguyễn lại phong phẩm hàm chức tước cao cấp cho linh mục Trần Lục?

Theo sử gia Đào Trinh Nhất trong sử liệu 2 dẫn ở trên chúng ta thấy *“Trần Lục tục gọi là cụ Sáu, mấy năm sau, nhờ thế lực Pháp mà được triều đình phong làm Tuyên Phủ Sứ có oai quyền lừng lẫy một lúc ở Phát Diệm - Ninh Bình, ai cũng phải sợ”*.

Tài liệu 3 của nhà văn hóa Lãng Nhân Phùng Tất Đắc cho biết linh mục Trần Lục bị Cụ Phan đánh vào khoảng **năm 1878**. Từ đó, chúng ta có thể biết là triều đình vua Tự Đức vì áp lực của Pháp mà phong cho Trần Lục làm “Tuyên Phủ Sứ” vào thời gian sau khi Pháp đánh Đà Nẵng **năm 1858**, chiếm toàn bộ Nam Kỳ **năm 1867**, chiếm Bắc Kỳ **năm 1874**. Do đó, vua Tự Đức, trong cái thế không thể làm khác, không những bị áp lực của Pháp để phải cho Trần Lục chức tước mà còn phải nhượng bộ nhiều vấn đề trọng đại khác, gây tai hại cho quốc gia nhiều hơn nữa. Nhưng biết làm thế nào khác hơn trước thế lực của kẻ mạnh. Còn thời vua Đồng Khánh, Thành Thái và Khải Định thì chủ quyền quốc gia không còn thể thống gì nữa, chính quyền thực dân Pháp và các cố đạo muốn làm gì muốn chức gì và bao nhiêu chẳng được. Thật vậy, đọc lại đoạn sử liệu của tiến sĩ Nguyễn Xuân Thọ và sử gia Nguyễn Sinh Duy ở phía trước chúng ta thấy Đồng Khánh thân hành đến dinh của tướng De

Courcy ở tả ngạn sông Hương, đề xin được làm vua. De Courcy còn cất đặt linh mục Nguyễn Hoàng kèm sát ông vua tay sai này để lấy tin tức và qua Nguyễn Hoàng De Courcy ra lệnh cho Đồng Khánh phải làm những gì mà Pháp muốn. Chúng ta cũng nên biết thêm rằng chính linh mục Nguyễn Hoàng, Nguyễn Điều và Nguyễn Tường Tộ cùng đi với giám mục tỉnh báo Gauthier (cha Hậu) đến đón quân Pháp tại cửa Mành Đà Nẵng năm 1858.

Nguyễn Hoàng cũng được ông vua bù nhìn Đồng Khánh cho chức Hường Lô Tự Khanh kiêm Tham Biện Viện Cơ Mật thay vì bị xử án vì đến đón giặc tại Đà Nẵng năm 1858.

Theo tài liệu 4, dẫn ở trên, thì Nguyễn Hữu Độ, Tổng đốc Hà Nội, là nhạc phụ của Đồng Khánh, đã liên kết với các giáo mục bản xứ, đặc biệt là Trần Lục và đề nghị cho ông linh mục này làm Tuyên phủ sứ Thanh Hóa hàm Tham tri Bộ lễ, lo việc đánh dẹp quân Cần Vương.

Như thế, qua sử liệu cho thấy, cuối đời Tự Đức, Việt Nam đã mất chủ quyền hoàn toàn. Cuối triều Nguyễn chỉ có vua Tự Đức (một phần nào), vua Hàm Nghi và vua Duy Tân được dân tộc Việt Nam mến mộ còn Đồng Khánh thì đi xin tướng De Courcy để làm vua. Thành Thái lúc làm vua mới có 10 tuổi, quyền hành do Nguyễn Hữu Độ nắm giữ. Năm 1914 Thành Thái viết thư tay gởi cho Toàn quyền Đông Dương có đoạn *“trăm lạy quan lớn xin quan lớn làm cái ơn mọn này cho tôi với...”* (1). Còn Khải Định bị Cụ Phan Chu Trinh trách cứ: *“Tôn bậy quân quyền, lạm hành thưởng phạt...”* (2). Hoàn cảnh vua Tự Đức như vậy, tư cách Đồng Khánh, Thành Thái, Khải Định như thế, thì việc linh mục Trần Lục có chức tước, phẩm hàm do ba ông vua bù nhìn tay sai cho Pháp trao tặng, có một giá trị nào để khoe chẳng?

Bậc thức giả và những ai cảm thấy nhục quốc thể cũng là cái nhục của chính mình, có nên hãnh diện và khoe khoang một

cách đặc ý về các ân huệ do tay sai, bù nhìn và thực dân Pháp trao tặng cho Trần Lục?

9. Công trình xây dựng nhà thờ và văn hóa

Các bài báo và một số sách của người Công giáo còn ca tụng linh mục Trần Lục với công trình kiến trúc quần thể nhà thờ Phát Diệm. Hình như hầu hết các nhà thờ của đạo Cơ đốc ở Việt Nam đều xây theo lối thẳng đứng như nòng súng và nhọn hoắt như thanh gươm, đứng lạc lõng kiêu ngạo giữa một nền văn hóa hài hòa khác biệt của Á Đông. Nhưng nhìn bức hình chụp Phương đình và các tháp nhà thờ in trong mấy trang đầu của cuốn *Trần Lục*, tôi đồng ý rằng lối kiến trúc nhà thờ Phát Diệm kiểu Á Đông với mái cong hình long phụng quả thật là một sáng kiến đáng ca ngợi, là một điểm son mà linh mục Trần Lục nên được sử sách đề cao. Tuy nhiên, chúng ta cũng lấy làm thắc mắc rằng đất của quần thể nhà thờ Phát Diệm có được tậu mãi hợp pháp không? Hay là dựa vào khí giới thực dân để chiếm đoạt đất đai của con dân Việt Nam mà làm nhà thờ? Phí tổn xây cất trong 34 năm để hoàn thành là bao nhiêu? Còn dân tại Phát Diệm quá nghèo tiền đâu mà đóng góp? Ai đài thọ? Với mục đích gì? Phải chăng đây cũng là một phần trong kế hoạch mà giám mục Gauthier và giám mục Puginier chủ trương: *“Tôi quả quyết rằng khi nào Bắc Kỳ trở thành Công giáo, thì nó cũng trở thành một nước Pháp nhỏ ở Viễn Đông”* (J'affirme que du moment où le Tonkin deviendra chretien, il deviendra aussi la petite France de l'Extrême Orient).

Như thế, nhà thờ Phát Diệm, cũng như bao nhiêu nhà thờ xây cất trên đất nước Việt Nam thời bấy giờ (tôi nhấn mạnh là thời bấy giờ), là nơi để biến người Việt Nam thành người Công giáo nghĩa là trở thành người Pháp. Đó là chưa kể các nhà thờ lúc ấy cũng là căn cứ của những giáo sĩ làm gián điệp cho quân xâm lăng núp bóng dưới chiêu bài tôn giáo. Thật vậy, nhà thờ Kim Long Huế là chỗ ở của giám mục tỉnh báo Croc, nhà thờ

Phát Diệm một thời là chỗ trú ngụ của ông giám mục gián điệp Gauthier (thầy của Nguyễn Trường Tộ) ở đề đến họp mật với ông trung tá hải quân Senez được phái ra Bắc năm 1872, để nghiên cứu tình hình và lấy tin tức cho một cuộc chiếm cứ Bắc Việt.

Công trình văn hóa: Còn các “tác phẩm”, các bài ca về của ông, tôi xin nhường sự phê phán cho các nhà thơ. Riêng ông Nguyễn Chấn (Charlie Nguyễn) một trí thức lâu đời theo Công giáo nhận định như sau:

*“... Huấn Tự Ca của cha Trần Lục vùng quê tôi gọi là “vê cụ Sáu”. Cha Trần Lục là người có công xây dựng một kỳ công kiến trúc là nhà thờ bằng đá ở Phát Diệm, nhưng đồng thời Ngài cũng là người giúp quân Pháp tiêu diệt những người Việt Nam yêu nước. Thi ca của cha Trần Lục rất nổi tiếng trong miền quê tôi nhưng tôi ngạc nhiên không thấy văn học sử nhắc tới. Có lẽ vì nó thuộc loại quá rẻ tiền không đáng bàn”. (Nguyễn Chấn, “Sau nhiều năm khủng hoảng Đức Tin”, in trong cuốn *Tại sao không theo đạo Chúa*, tập 2, Houston, Texas Hoa Kỳ, 1998, trang 4).*

10. Tóm lược

Trong thời kỳ đất nước ngả nghiêng bị thực dân Pháp đô hộ, toàn dân chống Pháp để giành độc lập cho nước nhà thì linh mục Trần Lục trong giai đoạn này vào độ tuổi trên 30, đã không đóng góp gì cho công cuộc giải phóng quê hương. Trái lại ông đi tu làm linh mục. Trong giai đoạn này, những linh mục sẽ rất có lợi cho chủ nghĩa thực dân và đế quốc Pháp vì người Pháp mà không có tín đồ Công giáo thì cũng như con “cua bị bẻ gãy hết càng” như giám mục Puginier đã nói.

Vì thế qua các sử liệu chính xác như trên, linh mục Trần

Lục có các tội đối với dân tộc Việt như sau:

1.- Dẫn 5.000 (năm ngàn) giáo dân đi ủng hộ Pháp để đánh phá căn cứ Ba Đình của nhà anh hùng yêu nước Đinh Công Tráng.

2.- Giúp Chuẩn úy Hautefeuille chiếm thành Ninh Bình.

3.- Có cái “Đức” giết người như rạ, ý quyền thế để hà hiếp dân nên bị Cụ Phan Đình Phùng cho lính nọc xuống đất để đánh.

4.- Tuyển mộ giáo dân và các tên vô lại đón đường cướp công văn của triều đình để dâng cho Pháp.

5.- Giúp các linh mục và giám mục người Pháp đặc biệt là giám mục Gauthier và Puginier để biến Bắc Kỳ thành một nước Pháp nhỏ và biến dân Việt Nam trở thành người Pháp.

6.- Cộng tác với chính quyền thực dân Pháp để cai trị và đô hộ nước ta.

7.- Xây dựng nhà thờ Phát Diệm thời bấy giờ, ngoài vấn đề tín ngưỡng còn dùng để làm trụ sở cho việc biến dân Việt Nam trở thành người Pháp và là chỗ trú ẩn của các chức sắc Công giáo làm gián điệp. Do đó, trước cổng nhà thờ Phát Diệm có cái tượng người lính Pháp làm bằng đá đứng gác cổng. [Theo cuốn *Hà Nội Today*, tác giả Virginia Gift, Ebory Inc. Maryland, USA, 1993] (3).

Bằng những đóng góp quá lớn lao cho chính phủ thực dân như thế, nên linh mục Trần Lục được chính phủ Pháp trao tặng hai Bắc Đẩu Bội Tinh loại cao cấp và được Toàn quyền Decoux đại diện bộ máy thực dân đế quốc Pháp kính cẩn nghiêng mình trước mộ Trần Lục năm 1940.

Nhằm tăng cường thêm khả năng và sức mạnh cho linh mục Trần Lục trong chương trình chống lại các phong trào kháng Pháp và đồng hóa dân tộc Việt, chính phủ Pháp ép buộc

(và) các ông vua bù nhìn cuối thời nhà Nguyễn trao tặng chức tước và phẩm hàm cao cấp cho linh mục Trần Lục.

Có thể nói, chỉ cần dẫn một trong những sử liệu nêu trên, hoặc xem hành động Decoux “*Kính cẩn nghiêng mình trước mộ Trần Lục*”, hoặc việc chính phủ thực dân Pháp tặng Bảo Quốc Huân Chương cho Trần Lục cũng đủ chứng cứ để nói dứt khoát rằng linh mục Trần Lục là người có tội rất lớn với quốc gia dân tộc. Thế mà những người trí thức và Giáo hội Công giáo Việt Nam gọi ông là một “Anh Tài”, một “Vĩ Nhân” không những của Giáo hội mà còn đối với dân tộc chúng ta và cả nhân loại nữa. Phải chăng đây là một sự lộng ngôn quá đáng? Tôi xin nhường sự phê phán này cho các độc giả và sử gia.

Bùi Kha

8-8-1999

oOo

* <<http://tongiaovadantoc.com/c1036/20120328085712533/linh-muc-tran-luc-la-mot-anh-tai-mot-vi-nhan-bui-kha.htm>>

* <<http://sachhiemnoi.net/linh-muc-tran-luc-thuc-chat-con-nguoi-va-su-nghiep/>> (dạng CD)

Chú thích :

(1) THƯ CỦA BỮU LÂN GỎI TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG

(Chúng tôi ghi lại nguyên văn, thư viết tay của Bưu Luân, không sửa lỗi chính tả)

Cap, le 17 Novembre 1914

Quan TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG

Hainoi

Bẩm Quan lớn

Nguyên hồi 2 nhà nước bảo tôi vô đất Nam kỳ, thì monsieur le Resident Supérieur en Annam noi cùng tôi rằng, Hải gần mà tuân lệnh 2 nhà nước đặng vô xứ Nam kỳ tránh tiến ít lúc đã, làm chi lâu ngay thì 2 nhà nước cũng suy nghĩ lại mà cho về Huế làm chức Hoàn phụ vậy.

Từ ngày ấy đến nay kể đã có tám năm rồi, khi đời monsieur Klobuvoski thì tôi có kêu nài một lần rồi, mà ông nói rằng để thông thả đã kéo nay còn ít ngày lắm cho chưa được, từ hồi đó tới nay cũng đã có 5 năm rồi, nên nay tôi dám xin kêu nài một lần nữa, xin nhờ quan lớn xu cho Tôi cùng đức giám quát ra ơn cho tôi trở về xứ tôi làm một Prince như các ông Prince khat vậy chớ tôi kg dám ước ao chuyện gì hết cho khỏi đau đớn kéo tôi ở xứ nam Kỳ hay đau đớn cực khổ lắm, vả lại sa Monjesté Duy Tân cũng thường buồn rầu than khóc với tôi hoài nói rằng con một đườn cha một ngã khôn khổ lắm, vậy xin Đức giám quát ra lòng công bình nhưn đức tha tội cho tôi đặng về xứ sở của tôi kéo tôi bị đầy biệt xứ đã tám năm rồi mà tôi vẫn dữ phép tắc luôn luôn trung với mẫu quốc luôn luôn, trăm lạy quan lớn xin quan lớn làm cái ơn mọn này cho tôi với thì tôi cam đức

quan lớn cho tới cùng.

Theo đây tôi cũng có nhờ quan lớn làm phước trao dùm cái phong thơ chữ nhu mà tôi gửi cho Triều đình annam đặng tôi xin về Huế. trăm lạy quan lớn xin tha tội mà nhận lời xin của tôi:

Nay muôn Kính

Prince Bửu Lân

Ghi chú: Vua thành Thái (Bửu Lân) lúc viết thư này cũng còn thuộc loại “ăn chưa no lo chưa tới” văn hóa kém, không có ai cố vấn, chữ Quốc ngữ lúc bấy giờ vẫn còn thô sơ (BK).

Sau đây là bản sao lá thư hai trang. Bấm vào để thấy to hơn.

27-12-17 November 1914

Quan Toàn quyền Đông dương
Hà Nội

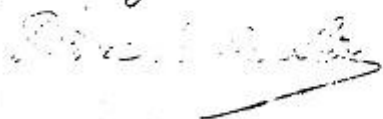
Bãi Quan Binh

Ngay hôm 2 nhà nước bảo tôi về đất Nam
Kỳ, thì Montieu & Résident Supérieur en
Annam nói cùng tôi rằng, Hải quân mà
tuần lễ 2 nhà nước dân về xứ Nam
Kỳ tránh tiến ít lúc đã, làm chi lâu
ngay thì 2 nhà nước cùng suy nghĩ lại
cho mà về Huế làm chức Hoàn Phu
vậy.

Cứ ngay ấy đến nay kể đã có
tám năm rồi, khi đó Montieu & Ho-
browski thì tôi có kêu nại một lần
rồi, mà ông nói rằng để thông thư
đã kể nay còn ít ngày làm cho
quá đỗi; từ hồi đó tới nay cũng
đã có 5 năm rồi, rồi nay tôi dân
xin kêu nại một lần nữa, xin nhờ
quan lớn xem cho làm cũng được giảm
quá ra ơn cho tôi báo về xứ tôi
làm một Prince như các ông Prince khác
vậy cho tôi có dân dõng cho được.

nói rằng con một đườn cha một ngựa khôn khéo
lắm, vậy xin Đức dân quật sa lòng Công bìn
nhón đức tha tội cho tôi: đản về xứ sở tôi
kéo tôi bị đày biết xin đả taim năm
rồi mà tôi vẫn đư phet tất luôn luôn
trung với mẫu quật luôn luôn, trảm lạy
quan lớn xin quan lớn làm cái ơn mơn mả
cho tôi với thi tôi cam đức quan lớn cho tôi
cung.

Theo đay tôi cũng có như quan
lớn làm phước trao đm cái phong thơ chủ
như mà tôi gởi cho thiều đình anuam đản
tôi xin về Hye. trảm lạy quan lớn xin
tha tội mà nhảm lời xin của tôi.
may muôn phúc



Trích từ trang 681-682, Chương 19, sách “*Thực Chất Của Giáo Hội La Mã – Quyển Hai*” (Tacoma, WA: TXB., 1999) của tác giả Nguyễn Mạnh Quang.

(2) THƯ THẤT-ĐIỀU ĐÓN GIÁ NHƯ TÂY...

Mất con, cụ Phan Chu tuy có buồn song vẫn buộc mình trong nhiệm-vụ để sống cho trọn nghĩa với non nước đồng-bào.

Từ ra khám Santé, cụ vẫn ở tại Paris sinh sống bằng nghề rửa hình.

Đến năm Nhâm-tuất (1922), ở pháp có cuộc đấu-xảo quốc-tế. Vua nước ta bấy giờ là đức Khải-định có sang pháp dự cuộc. Nhà vua đã làm thế nào, mà sau đó cụ Phan Chu Trinh có lẽ đã nóng ruột vì những điều trông thấy mà đau-đón lòng, bèn gửi đến nhà vua một bức thư thông – trách, lời lẽ rất mực nghiêm-chính.

Dưới đây ta hãy xem một vài đoạn đại-khái, trích trong bản dịch của ông Nguyễn Kim Đính, tác-giả. “*Giương chỉ sĩ*”

“Trinh này sống gặp lúc nước nhà điên-nguy, mắt trông thấy côi đòi cái gì cũng đổi mới cả, ham mền cái văn minh dân chủ, giận cái chuyên chế quân quyền, quan lại thì tham tàn, nhân dân thì thảm khổ, thấy như thế tôi đau lòng quá, không còn tiếc gì đến thân mình, muốn kéo cái nguy cuộc lại. Năm 1907, tôi đã đưa thư cho Chính-phủ Bảo-hộ, đòi phải sửa-sang một chính-sách mới, những điều tôi yêu-cầu như lập trường học, mở hội làm ruộng, đi buôn, thay cách ăn bận theo lối Âu-Mỹ, tương cũng chẳng có tội gì. Vậy mà chính phủ Nam-Triều lâu nay quen cái thói chuyên-chế, chỉ mong sao cho vinh-thân phì gia lấy một mình, thấy ai nói đến cải-cách thì ghét như cừu-thù, coi nhân dân như cỏ-rác, ấy chính là những cái mầm cách-mạng nổi lên.

Năm 1908 xảy ra việc dân-biến, những người bị giết bị tù

chết hàng mấy nghìn; Trinh này cũng bị buộc vào tội chết, đầy đi hoang đảo. Ôi ! Nước nam đứng dưới quyền Bảo-hộ của nước pháp cũng đã lâu, thế mà những các chính-sách hủ-bại ấy không thấy cải-cách, cái nọc độc chuyên-chế đến thế, tưởng nói ra thế- giới ai cũng lấy làm lạ lùng ! Trong khi ấy, nếu không có những bậc chí-sĩ nhân-nhân nước pháp, thế cái nghĩa bình-đẳng bác ái ghé vai gánh vác cho Trinh, thì cái thân già này còn đâu có đến ngày nay; Trinh sở dĩ còn được chút sống thừa, đều là nhờ ở cái văn-minh của nước Pháp cả. Năm 1910, Trinh được ra khỏi ngục; năm 1911 Trinh qua ngụ bên nước Pháp khảo-cứu học-thuật; 12 năm trôi ở-ăn trên cái nước dân-chủ, hít thở cái không-khí tự-do, vì vậy mà biết đặng cái công-lý ở cõi đời, đặng cái nghĩa-vụ làm dân, liệu coi thời-thế nước nhà ngày nay nếu không mau mau kêu gọi quốc-dân dậy, cùng nhau hiệp-lực đồng-tâm cùng với bọn bạo quan ô lại kia quyết liệt một phen, đem cái ma-lực chuyên-chế của quân-chủ đã mấy nghìn năm nay mà nhổ cho tận gốc, lấp cho đầy nguồn, ra tay quét sạch sành-sanh, thì quốc-dân ta quyết không có ngày nào còn được trông thấy ánh-sáng mặt trời nữa. Tới khi nghe tin bệ hạ lên ngôi, đã được 7 năm nay mà tuyệt nhiên chưa được nghe có cái chính-sách gì hay, biết bao những điều ngang trái tai hại. Xét coi cái chính-thể văn-minh lập-hiến ở các nước bên Âu-Á, mỗi khi nhà vua có phạm điều gì, quốc-dân được phép hỏi tội; dẫu nước ta bây giờ dân-quyền chưa có, hiến-pháp chưa lập, nhà vua còn nắm cái quyền độc-đoán, nhân-dân chưa được nghị-luận tự-do, nếu theo lấy cái đại-nghĩa ấy mà làm, thì bệ-hạ tất phải chịu những búa rìu của quốc-dân gia vào. Nói ra khôn xiết, song bây giờ hãy đem 7 tội mà bệ-hạ đã phạm với quốc-dân, kể cho rõ-ràng, khi bệ-hạ nhận được bức thư này, hãy nên tỉnh-ngộ lại mà tự-xử lấy mình.

7 điều mà cụ Phan Chu trách-cứ một ông vua, ấy là:

1. Tôn bậy quân-quyền.

2. Lạm hành thưởng-phạt.
3. Thích-chuộng những sự quỳ lạy.
4. Xa-xỉ quá độ.
5. Ăn-bận không phải lối.
6. Chơi-bời vô độ
7. Chuyển này đi Tây có một sự ám-muội.

Và cụ đã kết bức thư bằng những lời danh-thếp:

... Trình này viết đến đây thì bút đã cùn rồi, tay đã mỏi rồi, giấy đã hết mực rồi, mực đã cạn rồi, mà còn muốn nói chưa dứt lời. Những điều của Trình bày-tỏ ra đó, chẳng phải công-kích riêng một mình bệ-hạ đâu, chính là công-kích những bậc làm vua hôn-muội đó. Ông Mạnh-tử có nói rằng: Tôi có muốn nói nhiều đâu, cực-chẳng đã nên phải nói đó thôi! Ấy là cái tâm-sự của Trình này cũng như thế đó. Bệ-hạ nếu còn một chút thiên-lương mà biết hối-ngộ ra, tin rằng quân-quyền không có thể cậy được, dân-quyền không có thể đoạt được, mau mau quay đầu lại mà thoái-vị đi, đem chính-quyền giao trả lại cho quốc-dân, để quốc-dân được trực-tiếp ngay với Chính-phủ Pháp mà làm công việc, để mưu sự ích-lợi sau này, vậy thì may ra quốc-dân còn thương cái lòng mà tha cái tội đi, ấy là cái kế-sách của bệ-hạ ngày nay, không còn gì hơn nữa. Chứ ví bằng thói cũ không chữa, choán cái ngôi chí-tôn, ra cái oai chuyên-chế, hãm-chìm quốc-dân xuống cái vực sâu, hang thẳm kiếp-kiếp đời-đời, thì Trình này sẽ bỏ-cáo với quốc-dân và thương thuyết với Chính-phủ Pháp, lĩnh mạng hai mươi lăm triệu đồng-bào Việt-nam, cùng với bệ-hạ tuyên-chiến một trận kịch-liệt; hễ cái ngày nào đầu Trình này rớt xuống đất tức là cái ngày quân-quyền của bệ-hạ chìm xuống đáy sâu, kéo lại trách rằng Trình không báo trước.

Bức thư này một bản viết bằng Hán-văn gửi cho bệ-hạ, ngoài ra còn dịch ra Pháp-văn để đăng lên các báo, và phát đơn ra để cầu người Pháp công-đoán.

Một là vì Trinh này đối cùng bệ-hạ đã đoạn tuyệt hẳn, không còn một chút quan-hệ gì, chỉ đứng vào cái địa-vị đối-đãi mà thôi, cho nên bức thư này không phải “dâng lên” cho bệ-hạ, mà chính là “gửi cho” bệ-hạ; hai chữ “bệ-hạ” mà tôi dùng đây, chẳng qua là cái tiếng xưng-hô đã quen trong Hán-văn đó mà thôi.

Một là Trinh, vì là người theo Khổng-giáo, nên không theo cái lễ-phép chuyên-chế đặt ra từ đời Tần Thi-hoàng trở về sau, cái tên húy của vua không dám nói động đến; nước Tàu nước Nhật bỏ đã lâu rồi, chỉ còn nước Nam đó mà thôi, ngày nay Trinh này đề thư cứ gửi ngay cho Ông Bửu “Đạo” là cái tên húy của bệ-hạ, để tỏ ý phản-đối.

(Vua Thi-hoàng nhà Tần đốt sách chôn học-trò, Khổng-giáo mới tuyệt. Thầy Châu-tử noi cái học của người Tuân khanh, Lý Tư, nên quân-quyền càng lùng-lấy thêm.- Lời chú của dịch-giả: Nguyễn Kim Đính).

Marseille, le 15 Juillet 1922

PHAN CHU TRINH

Bức thư của cụ Phan Chu được tuyên-bố ra, quốc-dân đều hay, tiếng vang-dội chẳng khác nào sấm nổ, khiến người người nghe thấy phải bùng tai; mà người nhận thư thì sau này về nước chẳng được bao lâu thì chết...

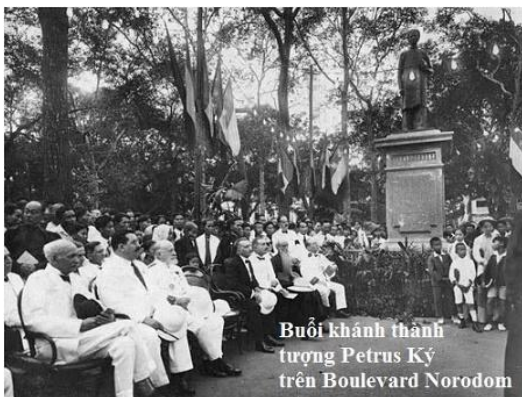
(Trích trong cuốn “Phan Chu Trinh” của Thế Anh; Tân Việt xuất bản, Saigon, 1956, trang 42-48).

Bài 7

TRƯƠNG VĨNH KÝ PHẢN BỘI TỔ QUỐC, SAO GỌI LÀ YÊU NƯỚC ? *

(www.tongiaovadantoc.com)

Bùi Kha



Buổi khánh thành
tượng Petrus Ký
trên Boulevard Norodom

Duyên khởi: *Mới đây, ông Trần Hữu Tá đăng bài trên trang boxite, ngoài việc tâng bốc sai lầm về Nguyễn Trường Tộ, ông còn vinh danh Trương Vĩnh Ký cầu thả vô trách nhiệm, nên tôi kèm theo dưới đây bài viết về Trương Vĩnh Ký, năm 2003 để rộng đường dư luận (Bùi Kha, 12.12. 2011).*

Nhiều thập niên qua, tên tuổi của cựu giáo sĩ Pétrus Trương Vĩnh Ký đã đi vào lịch sử. Dưới thời Pháp thuộc và VNCH, người ta vinh danh ông bằng cách đặt tên đường, tên trường. Vì áp lực chính trị hoặc vì tình cảm địa phương hay vì cảm tình tôn giáo hoặc thiếu sử liệu nên tên tuổi của Sĩ-Tải Bao-ti-xi-ta Pétrus Trương Vĩnh Ký đã được đánh giá thiếu căn

trọng.

Trong bài viết này, tôi sẽ cố gắng vượt ra ngoài các phạm trù chính trị, địa phương và tôn giáo để, góp phần vào việc trả lại cho Trương Vĩnh Ký cái giá trị đúng như tư duy và hành động của ông trong thời kỳ Pháp đô hộ nước ta.



Để việc định vị công (nếu có) và tội của họ Trương được chính xác, tôi sử dụng các tài liệu do chính Trương đã viết cho các viên chức cao cấp của thực dân Pháp dưới hình thức những lá thư, và tài liệu của chính nhân viên trong chính phủ thuộc địa Pháp tại Việt Nam thời bấy giờ. **Các tài liệu này được tìm thấy trong cuốn sách có tựa đề *Cuốn sổ bình sinh của Trương Vĩnh Ký* từ trang 93-143 bis và từ trang 251-285. Tác giả là Nguyễn Sinh Duy, NXB Nam Sơn, Sài Gòn in và phát hành**

tháng 3, 1975 (1).

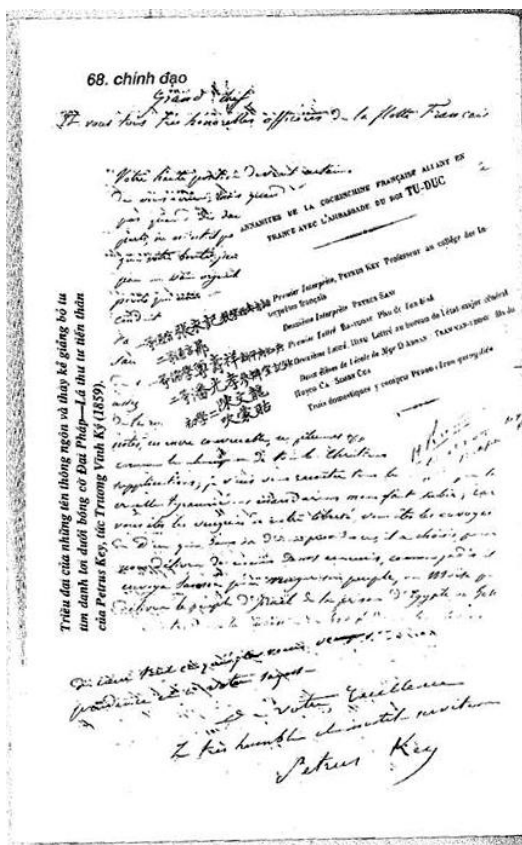
Công hoặc tội của Bao-ti-xi-ta Trương Vĩnh Ký, tổng quát, cần được xét trên hai phương diện: Quan điểm chính trị, và những đóng góp văn học của ông nhằm mục đích gì? Trong phần kết luận chúng ta sẽ tìm hiểu tại sao họ Trương lại có những tư duy và hành động đi ngược với quyền lợi của tổ quốc.

A. Quan điểm chính trị của Trương Vĩnh Ký (1837 - 1898)

Ngày 1.9.1858, đô đốc thực dân Pháp Rigault de Genouilly đánh Đà Nẵng. Quân dân Việt Nam nhất tề chống Pháp xâm lược. Với sự phản ứng kiên trì của Việt Nam cộng thêm khí hậu khắc nghiệt tại Đà Nẵng lúc bấy giờ, quân Pháp đã phải rút khỏi Đà Nẵng để vào Nam chiếm thành Gia Định ngày 17.2.1859. Sau một thời gian ngắn, trung tá hải quân Jean Bernard Jaureguiberry và 800 lính ở lại giữ thành Gia Định, còn de Genouilly thì trở ra Đà Nẵng đánh phá lần thứ nhì.

1. Trước cảnh nước mất nhà tan, Trương Vĩnh Ký đã không tham gia phong trào đánh đuổi thực dân như bao nhiêu người khác. Trái lại ông còn viết thư cho viên trung tá thực dân nói trên, yêu cầu giúp đỡ để tiêu diệt quân dân Việt Nam mà họ Trương gọi đó là kẻ thù. Thư nói trên viết tay vào cuối tháng 3.1859, lúc Trương 22 tuổi, trong đó có đoạn như sau:

“... Nhưng tôi nhân danh là người đại diện cho tín hữu Kitô kính dâng lên Ngài lời cầu xin của chúng tôi... nỗi thống khổ mà chúng tôi hằng gánh chịu dưới bạo quyền của các quan lại triều đình gây ra... Tất cả chúng tôi chắc sẽ chịu chết nếu Ngài không kịp đánh đuổi kẻ thù của chúng ta...”* (Văn khố Hải quân Pháp, Paris: SUM Vincennes. Vũ Ngự Chiêu sưu tập).



Nhằm giảm số trang, tôi chỉ cắt một đoạn thư viết tay của họ Trương và vài đoạn tài liệu khác như trên.

[**Nguồn:** “*Hồ Chí Minh, con người và huyền thoại*”, Chánh Đạo, Tập I (1892-1924), *in lần thứ hai*. Văn Hóa, Hoa Kỳ].

Đọc đến đoạn này, có người sẽ nghĩ rằng vì vua quan nhà Nguyễn quá tàn ác với giáo dân Công giáo nên Trương Vĩnh Ký phải kêu gọi thực dân giải cứu. Thực tế không phải như vậy. Sau đây là lời phát biểu của đô đốc Page, một tên thực dân cao cấp, đã viết thư cho Bộ trưởng Hải quân Pháp ngày 15.12.1859 như

sau:

"Những năm đầu mới lên ngôi, vua Tự Đức có một thái độ đối xử khá ân cần với họ (các giáo dân, BK). Nhà vua đã ra lệnh cho các quan lại địa phương có thái độ khoan dung, rộng rãi với họ trong những chuyện làm trái pháp luật, những vụ phạm pháp nhỏ. Nhưng rồi các giáo dân, do các giáo sĩ lãnh đạo ngày càng xác xược ngạo mạn đến mức độ họ không thèm biết đến cả chính quyền địa phương. Họ công khai nổi loạn, họ tuyên bố người Công giáo không thể vâng lời những kẻ theo một tôn giáo khác..." (Nguyễn Xuân Thọ, *Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống Thuộc địa Pháp ở Việt Nam - 1858-1897*, tác giả xuất bản Hoa Kỳ 1995, trang 86. Phần tiếng Pháp có thể tìm thấy trong thư khố Pháp, tài liệu Hải Quân số hiệu BB4-77).



Hình: Sài gòn bị chiếm ngày 17/2/1859

Giả sử nếu triều đình có những lúc đối xử cứng rắn với các giáo dân thì đó là điều dễ hiểu và không thể tránh được. Nếu chúng ta ở vào hoàn cảnh đó; và muốn cho quốc gia được độc lập và có chủ quyền thì cũng không thể làm khác hơn. Dưới đây là lời phát biểu của một đô đốc thực dân khác, người chỉ huy tấn công Đà Nẵng. Thư đề ngày 29.1.1859 (Hai tháng trước thư của Trương Vĩnh Ký), Genouilly viết:

"Không một nền cai trị nào, dù là phục vụ đạo Công giáo, lại có thể dung thứ cho sự xâm phạm thường xuyên và ngu xuẩn vào các vấn đề chính trị, dân sự và quân sự vốn không được và không phải thuộc quyền hạn của họ (các giáo sĩ - BK).

Nếu cũng vì những yếu tố phạm pháp ấy mà giám mục Pellerin bị nhà cầm quyền Annam trục xuất, thì báo chí của người truyền giáo lại kêu la om sòm là họ bị bạo hành.

(Fut-elle au service de l'intérêt chrétien, ne pouvait tolérer leur intrusion permanente et insolente dans les affaires politiques, civiles et militaires qui se sont et ne doivent pas être de leur ressorts. Si l'expulsion du Mgr Pellerin avait été prononcée pour les mêmes chefs d'accusation, par un autorité Vietnamien, la press des missionnaires aurait crié partout persécution." [(Dépêche du 29.1.1859, Archives Nationales Fonds Marine BB4, 769, P.113). CHT, *Christianisme et Colonialisme au Vietnam - 1867-1914*].

Sau đây, tôi sẽ dẫn chứng một số văn thư khác do chính Bao-ti-xi-ta Trương Vĩnh Ký chứ không phải ai khác, viết cho các viên chức thực dân, để thấy tâm lòng của họ Trương đối với quốc gia dân tộc như thế nào.

2. Thư đề ngày 28.4.1876, gởi cho tướng Pháp, quyền thống đốc, để trình bày công tác đi Bắc Kỳ. Có những đoạn họ Trương viết mà đọc kỹ sẽ thấy náo trạng của ông ta. Trương mô tả sai về tình trạng xã hội và phóng đại một nhu cầu cần cải cách

để cố vấn cho thực dân Pháp nên chiếm và cai trị toàn xứ Bắc Kỳ:

“... Và trong khi đó thì quảng đại quần chúng vô danh, những thợ thuyền, nhà nông đang rên siết trong sự nghèo đói cùng cực, từng trải qua những ngày dài không gạo và không việc làm. Và phải chăng sự khốn cùng đang bao trùm trong dân chúng, và phải chăng khắp nơi người ta đang nghe đòi hỏi những sự thay đổi và một nền cai trị hữu hiệu để duy trì trật tự, ban cho dân chúng một ngày mai, đảm bảo tài sản, cho công nghệ và thương mại có được sự an ninh và sinh hoạt cần thiết cho sự sống còn của họ, nói tóm lại, từ trong cái đói và bần cùng giải thoát một dân tộc đang cảm thấy suy vong”.

Sợ Pháp do dự không chịu chiếm, Bao-ti-xi-ta còn đem miếng mồi kinh tế béo bở của xứ Bắc Kỳ ra để khơi động lòng tham của thực dân Pháp:

“Và tất nhiên, xứ sở chẳng thiếu tài nguyên, đất đai mà tôi dám quyết rằng có thể sánh với thổ nhưỡng của nước Pháp, ít ra là đối với Algérie, chất chứa nhiều của cải đủ để làm nên tài sản cho một quốc gia. Đất này tiện lợi cho những vụ trồng trọt các mùa thay đổi khác nhau. Những cuộc thí nghiệm trồng nho và gieo lúa mì cho thấy những kỳ vọng chắc chắn. Tôi từng thấy lúa mì mọc trong đất, cây trông đẹp, bông đầy và lớn hạt. Tôi chưa nói tới ở đây những tài nguyên khoáng chất, người ta bảo là bao la, và tôi xin được phép nói rằng dân của xứ này đã chết đói trên một chiếc giường đầy vàng”.

Trương lại còn cố vấn cụ thể cho thực dân Pháp phương cách bá đạo, nhưng hữu hiệu, để kết nạp các thành phần bất mãn với triều đình Việt Nam, hầu tạo nội chiến làm cho dân chúng chán chiến tranh để rồi họ mơ tưởng một cuộc sống "bình yên" như xứ bảo hộ Nam-kỳ:

“Tôi tìm ra sự giải thích theo đó, các ảnh hưởng của lòng

tham lam và tảo bạo dễ dàng thu dụng đồ đảng, kết nạp thành đoàn và cổ vũ chiến tranh phe phái v.v... và như vậy dân chúng khát khao một cuộc sống lành mạnh hơn là luôn luôn phải thất vọng, với hy vọng cuối cùng tìm thấy sự che chở để khỏi sự đói khát. Hơn thế, không thể không có một cái nhìn ham muốn, một đôi khi họ đã so sánh thân phận của họ với cuộc sống của những người dân Nam-kỳ".

Cũng trong thư này, họ Trương còn báo cáo lại cho quan chức Pháp một cuộc đối đáp giữa Trương với các quan lại triều đình. Trong cuộc đối đáp đó, Trương đã đứng hẳn về phía thực dân để chỉ trích và hăm dọa hầu thuyết phục các viên chức triều đình:

- *"Làm thế nào cư xử đối với người Pháp để khả dĩ thu hoạch thắng lợi hoàn toàn?" Người ta lại hỏi tôi như vậy.*

- *"Thưa quý vị, tôi đáp, tất cả quý vị đều phải thấy rằng nếu nhà cầm quyền Pháp có ý xâm chiếm xứ này, họ đã có thể làm việc ấy từ lâu, một cách dễ dàng không cần phải bàn cãi gì cả. Quý vị phải hiểu rằng quý vị là những kẻ yếu, thật sự quá yếu, cần sự giúp đỡ của một ai đó để gượng dậy. Và tốt hơn, chỉ bằng quý vị chỉ nên tin tưởng vào những bạn đồng minh tiếng tăm của quý vị và phải dựa vào họ một cách thành thật để đứng lên, nhưng phải thẳng thắn, phải không hậu ý, phải không mưu tính kín đáo, dang cả hai tay ra với họ, chứ không phải một cái chìa ra còn bàn tay kia thì giữ lại. Bằng ngược lại, một trí vì những do dự của quý vị, nước Pháp buộc lòng phải ngưng che chở và bỏ mặc quý vị với số phận.*

Nói rõ hơn, đây là hình ảnh tương tự tôi dùng để ví: nếu một bàn tay quý vị tựa vào cánh tay của một người, còn bàn tay kia quý vị dùng để cù họ, tức nhiên cánh tay của người đó tự nó phải tuột ra; quý vị sẽ phải đón nhận một sức phản động nào đó, quý vị sẽ rơi xuống rất thấp và hầu như mãi mãi không có cơ

giường dậy được nữa.

Đó là những nét nổi bật hơn cả trong các cuộc đàm thoại, nhưng tất cả những lần trò chuyện, chi tiết tôi rút ra được rằng, nói chung các quan lại, nhất là những người có thành kiến, họ không đòi hỏi gì hơn là mong theo những tư tưởng mới. Thế nhưng các truyền thống vẫn còn ngự trị mạnh mẽ, và họ ngại phô bày những tư tưởng mới vì nó mất duyên cớ chính đáng đang vây bọc quanh những truyền thống đó. Tổng quát, tất cả đều tin chắc rằng không thể chống lại người Pháp và nếu nước Pháp muốn lấy xứ này, có thể làm mà không phải mất nhiều khó khăn và tốn kém" [Phản tiếng Pháp ở cuối bài này (2)].

3. Giống như linh mục Nguyễn Hoàng, Trương Vĩnh Ký cũng là một người Pháp tay trong, được gài bên cạnh vua Đồng Khánh để lấy tin tức và khuynh loát ông vua bù nhìn này nhằm thực hiện các kế hoạch có lợi cho thực dân Pháp. Từ Huế, ngày 10.5.1886, Pétrus Trương Vĩnh Ký gửi thư cho viên thượng thư Paul Bert, trong đó có đoạn đáng lưu ý:

“Tôi cũng đang lo tiếp xúc để cung cấp cho ngài những tin tức chính trị hữu ích. Tôi hết lòng tán đồng dự án hoàn mỹ của ông Pène về công cuộc bình định thi hành bởi những yếu nhân bản xứ và, ở đây, tôi đang bám sát nhà vua cùng Viện Cơ Mật. Như sứ giả tiên khu của Chúa, tôi tìm cách dọn đường cho ngài; tôi tán dương cái uy danh mà tôi ra sức vây bọc quanh con người cũng như tên tuổi của ngài”.*

4. Việc họ Trương lèo lái ông vua bù nhìn Đồng Khánh và thao túng Cơ Mật Viện của triều đình Việt Nam đã có kết quả tốt cho Pháp, đến nỗi Paul Bert trong một thư gửi Thiệu tướng thực dân Thống đốc Nam-kỳ, ngày 20.5.1886, có đoạn:

“Tôi nhận thấy ở Huế, ông Trương Vĩnh Ký đã tận lực làm tròn sứ mạng công việc trong triều đình và ít nhiều ảnh hưởng trên nhà vua.

Trong những điều kiện đó, tôi tin rằng sẽ có lợi cho người Pháp hiện thời nếu giữ ông ta ở lại Huế trong một thời gian tôi không dám xác định, nhưng chắc chắn cũng khá lâu...”

5. Hơn một tháng sau, vào ngày 17.6.1886, Trương Vĩnh Ký lại viết thư tiếp cho Paul Bert để thông báo công tác quan trọng của ông:

“Tôi sẽ trấn áp tất cả các hành thần và bao vây nhà vua, tôi sẽ kiếm những người thật sự có khả năng cho Viện Cơ Mật”.

Một đoạn khác trong lá thư này, Pétrus Trương Vĩnh Ký cũng có ý kiến như Nguyễn Trường Tộ hơn 15 năm trước đó là, chính phủ Việt Nam phải thỏa hiệp với nước Pháp hầu như đó là một định luật tất yếu không thể chống lại được:

“Tôi vừa minh chứng xong cho các nho sĩ thấy rằng nước An Nam không thể không cần đến nước Pháp, càng không thể chống lại nó được, phải tay trong tay cùng đi, không hậu ý và chúng ta nên chụp ngay lấy những hảo ý nảy nở trong chúng ta, của một người như ngài chẳng hạn”.

6. Gần 4 tháng sau, trong một bức thư ngày 5.10.1886 gửi cho quan Thượng thư Pháp, Pétrus Ký tận dụng những kiến thức quân sự, trong sở học của mình để, cố vấn cho thực dân phương pháp tiêu diệt các phong trào Cần Vương và các lực lượng vũ trang của dân Việt Nam đang hy sinh chống Pháp cứu nước:

“Vậy hãy nhanh chóng thành lập các đoàn lập binh và võ trang cho họ; ngài không có điều gì phải quan ngại dù các nhà quân sự đã nói về việc đó, bởi vì, những quân khí do ngài cung cấp, cho mượn hoặc bán, đều thuộc trách nhiệm trực tiếp của nhà vua và chính quyền An Nam, sau cuộc bạo hành ngày 5 tháng 7, nay chỉ còn cách thần phục nước Pháp.

Xứ Trung-kỳ mà ngài vừa ban cho nền tự trị sẽ phải bắt buộc ở dưới sự giám hộ của Người Bảo hộ nó và với hai thế

đứng của Pháp tại Bắc và Nam-kỳ, những nghĩa cử rồi ra sẽ được củng cố và hiệu nghiệm hơn lên. Tôi hiểu những tình ý thật sự của người An Nam mà tôi dám khẳng định với ngài rằng chính sách ấy là tốt hơn cả, bởi vì, một mặt ngài có cái lợi đem lại cho nước Pháp sự mến mộ và lòng tin tưởng đã bị đánh mất từ bao năm qua, và mặt khác, ngài sẽ tìm thấy những nguồn lợi không kém phần thực tế cho các đồng bang của ngài trong cái xứ Bắc-kỳ giàu có...”

Cựu giáo sĩ Bao-ti-xi-ta Trương Vĩnh Ký còn nguy biến và xuyên tạc để thực dân Pháp biết động cơ nào mà các phong trào kháng Pháp nổi lên. Và họ Trương còn gọi các phong trào yêu nước này là quân phiến loạn:

“Tôi thiết tưởng có bốn phận, cũng nhân dịp này, cống hiến cho ngài: Tư tưởng của những người phiến loạn An Nam mà tôi đã có thể tìm hiểu trên những nơi có tàu đi qua.

Những kẻ phiến loạn, như tôi đã từng nhiều dịp trình với ngài, họ có lý do cho chủ nghĩa ái quốc của họ: Sự hận thù đối với các con chiên (Công giáo) mà họ cáo buộc là những hàng ngũ bên cạnh người Pháp, được dùng như những kẻ đưa đường chỉ lối”.

Sợ thực dân Pháp còn phân vân và không đủ quyết tâm, Pétrus Trương Vĩnh Ký đã khuyên Pháp không nên sợ vì nghĩa quân Việt Nam, mà họ Trương cũng gọi là bọn phiến loạn, chỉ có những khí giới thô sơ:

“Bọn phiến loạn không đáng sợ; họ chỉ có những khí giới cổ lỗ của chính quyền An Nam và vài vũ khí mới mua lại được của bọn buôn lậu Trung Hoa. Cái chứng cứ phơi bày ra ở Quảng Trị và Quảng Bình, họ đã không thể cắt được, dù chỉ một lần, đường dây điện thoại. Họ rất dễ bị tiêu mòn và trở lại ngoan ngoãn...”

Trương Vĩnh Ký lúc nào cũng tỏ ra sốt sắng gần bó và tận tâm với thực dân Pháp. Ông cố gắng lèo lái thuyết phục triều đình Việt Nam nên chấp nhận hiệp ước đánh dẹp các phong trào kháng Pháp cứu quốc của dân tộc Việt. Họ Trương tỏ ra đặc lực với thực dân hơn là một người Pháp chính hiệu. Cũng trong thư nói trên, ông viết:

“Tuy nhiên, tất cả những điều đó thúc đẩy tôi nhất quyết lo liệu cho cái hiệp ước mà ngài muốn chính phủ An Nam sớm chính thức đưa ra để mình định ngõ hầu chấm dứt sự trằng và quyết định chính sách sau này phải theo. Vì thế tôi xin nhắc lại ngài cái dự án bình định với những phương tiện hành động đã được mật ước, để tiến tới thành quả mà chúng ta có thể phô trương. Về phần tôi, ngài có thể luôn luôn cậy vào sự giúp sức nhỏ yếu của tôi, vì dù sao những cảm tình của giờ phút đầu tiên đã trở thành một mối nhiệt tâm chân thành đối với ngài.

7. Trong một thư khác gởi cho viên giám đốc thực dân ngày 19.1.1887, Pétrus Ký cho biết vai trò gián điệp và thuyết khách của ông lúc vào làm việc trong Cơ Mật Viện của triều đình bù nhìn Đồng Khánh:

“... Về phần tôi, xâm nhập vào Cơ Mật Viện của nhà vua, vai trò của tôi là làm cho nhà vua và triều thần hiểu được các ý tốt của chính phủ Pháp cũng như điều động chính sách của chính phủ An Nam đi gần với chính sách của nước Pháp”.

8. Công tác chính trị của Trương Vĩnh Ký trong nhiệm vụ yểm trợ thực dân Pháp sớm ổn định chính sách cai trị dân tộc ta. Và để làm tròn nhiệm vụ gián điệp đó, Pétrus Trương Vĩnh Ký đã phải hy sinh ước mơ được vào quốc tịch Pháp. Ông tự thú như sau trong thư đề ngày 15.9.1888, gởi cho một linh mục là ông Pène Siefert, Trương Vĩnh Ký cho biết ông không muốn vào quốc tịch Pháp vì sợ bị nghi ngờ, khó làm việc:

“... lúc đã gia nhập quốc tịch Pháp, tôi sẽ mất hết uy tín,

mất thế lực, chẳng còn được vua, triều đình và dân chúng An Nam tín nhiệm nữa”.

Trên đây là một số chứng cứ được trích dẫn từ tám trong nhiều bức thư do chính Trương Vĩnh Ký viết [**vui lòng xem trong sách *Cuốn sổ bình sinh của Trương Vĩnh Ký, như đã trình bày ở phần đầu của bài này***] đã cho thấy tư duy và hành trạng của ông, một trong những Việt gian đặc lực và nguy hiểm nhất trong thời Pháp đô hộ nước ta. Có người châm chế cho Trương Vĩnh Ký và phát biểu rằng “*chỉ thuần túy về phương diện văn hóa không mà thôi, ông đã biên soạn và dịch thuật nhiều tác phẩm mà những tác phẩm đó giúp ích cho nền văn hóa nước nhà*”. Đó là một nhận định hoàn toàn sai lầm. Dưới đây, chúng ta sẽ tìm hiểu về dụng tâm của các tác phẩm có tính văn hóa của họ Trương.

B. Mục Đích Công Tác Văn Hóa Của Họ Trương.

1. Mục đích dịch thuật, sáng tác, làm tự điển của Bao-ti-xi-ta Trương Vĩnh Ký được ông nói rõ trong thư gửi “Các Vị trong Ban Duyệt Xét Bản Thảo”*:

“Tôi hân hạnh được gửi tới quý vị vài dòng dưới đây để giải thích mục đích mà tôi theo đuổi khi làm những việc trước tác mà tôi đệ trình xin các vị thẩm định. Có thể xét những tác phẩm này theo hai phương diện khác nhau tùy theo hai chủ đích của chúng: thu xếp ổn định thời hiện tại và gắn liền dĩ vãng với tương lai xir sở. Đó là mục đích của tôi”.

“Thu xếp ổn định thời hiện tại” tức là dẹp yên các phong trào Cần Vương và các cuộc nổi dậy chống Pháp cứu nước. Họ Trương viết tiếp:

“Về phương diện chính trị và kinh tế, người Pháp là kẻ đi đồng hóa, còn người An Nam là kẻ chịu đồng hóa. Người yếu cần dựa vào người mạnh để đưa mình lên bằng người khỏe.”* Đó

chính là mục đích cần phải theo đuổi và đạt tới. Bằng cách nào? Bằng cách đồng hóa. Và đồng hóa chỉ có thể thực hiện được bằng giáo dục và học vấn. Từ đó mới nảy sinh mối thiện cảm giữa kẻ chinh phục và người bị chinh phục, mối thiện cảm do quyền lợi chung mà có. Quyền lợi chung này lại chỉ được tạo ra nhờ những quan hệ hỗ trợ và trực tiếp. Những quan hệ này chỉ được thiết lập giữa họ qua sự hiểu biết tiếng nói của nhau. Người Pháp với tư cách là chủ, cần biết tiếng An Nam để giảng dạy người An Nam là học trò những tư tưởng và khái niệm cần thiết cho việc cải tạo và phục sinh của người An Nam”.

2. Ngày 3.9.1868, Trương Vĩnh Ký gửi thư cho ông Giám đốc Nội trị để xin từ chức. Trong đó có những câu cho thấy họ Trương không còn là người Việt nữa:

“Khi trở lại đời sống tư, lòng tôi luôn luôn thuộc về nước Pháp, và những công việc phục vụ nhỏ mọn của tôi cũng thuộc về nước Pháp... Người bề tôi tận tâm và vâng lời”.

3. Thư đề ngày 12.1.1882, từ Chợ Quán “Kính gửi các vị trong Hội Đồng Thuộc Địa”, Bao-ti-xi-ta Trương Vĩnh Ký viết rõ hơn về mục đích các tác phẩm của ông:

“Thưa quý vị,

Tôi hân hạnh gửi đến quý vị một bản trình bày từng tác phẩm xuất bản mà tôi đã biên soạn.

Làm như vậy, ý định của tôi là để chứng tỏ với quý vị rằng trong 13 cuốn sách tôi đã xuất bản cho đến nay do tiền tôi bỏ ra, tôi chưa bao giờ đi lệch mục tiêu chính và trực tiếp mà tôi đã trình bày trước đây trong các thư tôi viết vừa cho nhà cầm quyền, vừa cho Ủy ban Phụ trách Cứu xét những tác phẩm của tôi. Mục tiêu đó là sự biến đổi và đồng hóa dân tộc An Nam” (chữ đậm là của Bùi Kha muốn nhấn mạnh).

4. Trương Vĩnh Ký rất nóng lòng muốn Pháp đồng hóa

dân tộc Việt Nam nhanh hơn và toàn diện hơn, bên cạnh đó ông cũng sẽ kiếm được lợi nhuận do việc chính phủ thực dân Pháp bỏ tiền tài trợ và mua sách. Ông cũng nói rõ là nếu Pháp hỗ trợ bằng cách mua sách, ông sẽ phấn khởi và hăng hái hơn trong việc viết thêm các tác phẩm khác trong tương lai cho mục đích (đồng hóa) nói trên. Lời của chính họ Trương về chiến lược đồng hóa:

“Đệ trình với quý vị những tác phẩm này, tôi khẩn xin quý vị thẩm định mục đích mà tôi đã đề ra khi soạn thảo, và nếu quý vị nghĩ rằng những tác phẩm đó có thể là một lợi khí của tiến bộ và là một phương tiện thích hợp để tạo ra trong lúc này, sự thay đổi và đồng hóa mà nhà cầm quyền đang tìm cách thực hiện ở xứ này có lợi cho những kẻ thân phục mới của nhà cầm quyền, tôi mong rằng quý vị sẽ góp phần vào việc xuất bản những sách này. Sự chấp thuận và hơn nữa, sự xưng tụng mà quý vị dành cho những tác phẩm của tôi sẽ là phần thưởng êm dịu nhất cho những công trình tôi đã làm và là khích lệ lớn lao hơn cả cho tôi trong tương lai”.

Qua số văn thư vừa trích dẫn do chính Trương Vĩnh Ký viết, chúng ta đã thấy rõ tâm chất của ông. Một điều khác đáng chú ý là trong các văn thư ấy luôn luôn có các câu: *“Bề tôi rất khiêm tốn và tận tụy”* hoặc *“Bề tôi tận tâm và vâng lời”*. Điều đó cho thấy mặc dầu họ Trương còn mang thân xác Việt Nam nhưng tâm hồn đã khác.

5. Sự tận tâm và đặc lực của họ Trương trong nhiệm vụ giúp thực dân Pháp dễ dàng thi hành chính sách thống trị và đồng hóa dân tộc Việt, được ông Luro, Thanh tra và Giám đốc Trường Sư phạm Thuộc địa Pháp tại Việt Nam, trong một bản nhận xét đề ngày 16.6.1875, có đoạn nói rõ:

“Ông Pétrus Ký làm việc rất nhiều... Rút cục, đó là người

An Nam Pháp hóa duy nhất mà chúng ta có, và gương mẫu. Sự trợ giúp của ông thật đã rất ích lợi cho ảnh hưởng của chúng ta và cho nền học chính nói chung”.

Nhờ công lao phục vụ thực dân đặc lực và tận tụy nên ngày 20.5.1886, ông Paul Bert gửi thư cho Ngoại trưởng Pháp đề tán đồng đề nghị của Thống đốc Nam-kỳ, ban thưởng huy chương cao cấp cho Trương Vĩnh Ký: *Đệ Ngũ Đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh*.

6. Trong thư gửi cho một bác sĩ người Pháp, Alexis Chavanne, đề ngày 6.8.1887, cho thấy cái tâm của họ Trương đến nỗi chính phủ thực dân xem ông như một đứa con nuôi đầy tin tưởng. Trương viết:

“Tôi càng tỏ ra biết ơn nước Cộng Hòa (Pháp) không những đã công nhận tôi là con nuôi mà còn cho tôi nhiều vinh dự và nhất là rất tin tưởng tôi”.

Các chứng liệu không thể chối cãi nêu trên chúng ta có nên kết luận Trương Vĩnh Ký là một đại Việt gian phản quốc nguy hiểm nhất hay không? Người làm tay sai cho giặc hữu hiệu nhất trong lịch sử Việt Nam ta thời Pháp thuộc?

C. Lý do nào khiến Trương Vĩnh Ký phản quốc?

Tại sao một người có tài, thông minh, biết nhiều thứ tiếng lại trở thành một tên đại Việt gian như thế? Đáp số của câu hỏi này có lẽ là do hoàn cảnh và nền giáo dục mà Trương hấp thụ.

1. Họ Trương được sinh ra và nuôi dưỡng trong một gia đình có đạo, và “thành người” trong chính sách giáo dục của thực dân đế quốc nhằm biến đổi con người trong các xứ thuộc địa trở thành công dân của kẻ đi chinh phục.

2. Nhiều tín đồ Công giáo thời bấy giờ được hiểu là *“những người Pháp tay trong, lưng mềm dễ uốn, chạy theo chủ*

mới”. Nói như giám mục Puginier: “*Không có các giáo sĩ và giáo dân thì người Pháp như cua bị bẻ gãy hết càng*”. (Sans les missionnaires et les chrétiens, écrit Mgr. Puginier, les Français seraient comme les crabes auxquels on aurait cassé toutes les pattes). Hiềm họa nội thù này càng làm cho triều đình Việt Nam thêm có lý do để “cấm đạo”, và Trương Vĩnh Ký, một con chiên ngoan đạo, cũng càng có thêm lý do để ngã về Tây.

3. Thêm vào đó, Trương Vĩnh Ký là con của một gia đình đạo dòng, lại được một giáo sĩ thực dân nhận làm con nuôi, đưa vào đào tạo tại chủng viện Pinhalu (Nam Vang) rồi chủng viện Pénang (Mã Lai). Tại những nơi này, mà phần lớn do các cố đạo thực dân Pháp điều khiển, chương trình đào tạo nhắm vào hai mục tiêu chính: đào tạo cho Pháp một tập đoàn làm thông ngôn, làm thơ ký tại những vùng đã chiếm đóng để thực hiện chương trình đồng hóa và dễ dàng đi chiếm thêm những vùng còn lại. Mục đích thứ hai của nền giáo dục này là để đào tạo những người Việt Nam Công giáo, chứ không phải đào tạo những người Công giáo Việt Nam.

Một viên chức thực dân người Pháp, đô đốc Page, cũng cho biết thêm:

“Ngoài ra không một người Việt Nam nào theo Công giáo lại ngần ngại xin gia nhập làm lính dưới cờ Pháp, ông vua Việt Nam không theo đạo, không phải là vua của họ. Chắc bây giờ Ngài (Bộ trưởng) đã hiểu tại sao vua, quan đã coi các nhà truyền giáo là kẻ thù?”.

(Du reste, pas un Vietnamien catholique n'hésita à demander à s'enrôler comme soldat sous le drapeau français, le roi payen du Vietnam n'était point leur roi. "Votre Excellence comprendra sans doute maintenant comment le Roi et les mandarins regardent les missionnaires catholiques comme des ennemis?" (Depêche de l'Amiral Page, du 14-12 et 25-12-1859.

Archives Nationales, Fonds, Marine BB4-777. Cité par CHT, p. 129).

Một người Pháp khác, đại tá Bernard cũng nhận xét:

“Bị săn đuổi ra khỏi làng vì tội phạm hoặc sự khốn cùng, những kẻ lang thang đã đến đây với một lưng mềm dễ uốn, tham sống sợ chết; họ hoàn toàn hững hờ với cuộc đấu tranh của dân tộc, sẵn sàng phụng sự bất cứ ông chủ nào... Chính trong bọn này mà người ta sẽ tuyển dụng, trong số họ, tất cả những nhân viên hành chính cần thiết cho nhà nước, hoặc những người giúp việc gia đình: làm đầy tớ, phu khuân vác, làm người chạy giấy, và cả những tên thông ngôn, hoặc những người ghi chép, được đào tạo thô sơ qua các nhà trường của Hội Truyền giáo. Chính qua sự tiếp xúc với những kẻ khốn nạn này mà đoàn thực dân và công chức vừa mới đổ bộ, đã làm quen được với dân tộc Việt Nam...”

(Les vagabonds", écrit le colonel Bernard, "chassés de leur village par la misère ou le crime, arrivaient, l'échine souple; pris de l'âpre désir de vivre, insoucieux de la lutte nationale, prêts à servir tous les maîtres. C'est parmi eux que l'on recrute tout le personnel nécessaire à l'administration ou aux besognes domestiques: boys, coolies, plantons, et aussi des interprètes et des copistes, grossièrement formés dans les écoles de la mission. C'est au contact de ces misérables que les colons ou les fonctionnaires fraîchement débarqués firent connaissance avec le peuple d'Annam... Dẫn theo Nguyễn Xuân Thọ, trong *Histoire de La Penetration Francaise au Vietnam, 1858-1897*, p. 126-127).

4. Mặc dầu Trương Vĩnh Ký thông minh biết nhiều thứ tiếng, nhưng vì quá cuồng tín, bị các giáo sĩ thực dân tuyên truyền nên cứ nghĩ rằng việc Pháp chinh phục Viễn Đông, trong đó có Việt Nam, là do ý của Thượng Đế sai phái nước Pháp làm

như vậy. Trong thư gửi ông Koenfen, giám đốc Viện Mỹ Thuật Paris, họ Trương viết:

“Các xứ Viễn Đông... già cỗi đủ thứ nên đã đến lúc phải làm cho chúng tái sinh và cải cách chúng: song ai được giao phó cho cái quyền ủy nhiệm cao quý đó? Ấy chính là nước Pháp được Thượng Đế tín cẩn giao cho...”

Trong thư gửi bác sĩ A. Chavanne, nói ở một đoạn trên, cựu giáo sĩ Trương Vĩnh Ký cũng viết:

“... cái vương quốc An Nam khổ sở này mà chính phủ Pháp sẽ làm giám hộ, là có một sự biến thuộc về Thiên ý kêu gọi đến...”

Đáng tội nghiệp cho Trương Vĩnh Ký, quá ngây thơ để không biết được rằng mục đích của các đế quốc Tây phương là lợi dụng tôn giáo và dùng cuốn Thiên chúa giáo như một lợi khí; để đi chiếm thuộc địa và xâm thực văn hóa bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào mà họ thấy có thể. Bởi vậy, một người Phi châu, giám mục Anh giáo Desmond Tutu, được giải thưởng Nobel hòa bình năm 1984, đã cay đắng phát biểu:

“Khi người da trắng đến, họ có cuốn Kinh Thánh, chúng tôi có đất đai.

Chúng tôi tin tưởng họ, nhắm mắt cầu nguyện với cuốn Kinh Thánh trong tay.

Lúc mở mắt ra, chúng tôi có cuốn Kinh Thánh còn họ có tất cả đất đai lãnh thổ của chúng tôi”.

(We have our lands and they came with their Bible.

We believe in them and we pray with the Bible in our hands and our eyes closed.

When we open our eyes, we have the Bible and they have

our lands).

5. Việc Trương Vĩnh Ký công lưng làm tay sai cho Pháp cũng không loại bỏ một động cơ khác là vì danh và lợi. Danh, được chính phủ thực dân ban tặng huy chương Đế Ngũ Đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh, và được chính phủ thuộc địa bỏ tiền mua sách của họ Trương và cấp cho Trương bổng lộc hậu hĩ. Lương mỗi năm của Trương là 13.800 quan, kể cả tiền dạy học, trong lúc lương của ông Thống đốc Nam-kỳ cũng chỉ có 18.000 quan. Lương ông Tổng thư ký là 15.000 quan. Như vậy lương họ Trương đứng hàng thứ ba sau hai viên chức cao cấp nhất người Pháp.

Kết luận

Với những chứng cứ quá rõ ràng qua các văn thư do chính Trương Vĩnh Ký và các viên chức cao cấp thực dân Pháp viết, chúng ta có thể kết luận dứt khoát rằng Trương Vĩnh Ký là một người phản bội tổ quốc. Ông không có một mảy may công lao nào đối với dân tộc, ngược lại, ông hoàn toàn là kẻ có tội. Từ những ý đồ và hành động chính trị, cho đến các công trình mang tính văn hóa nói chung của họ Trương, tất cả chỉ xoay vào một mục đích duy nhất là phục vụ cho chính sách thực dân Pháp để nô lệ và đồng hóa dân tộc ta.

Do đó, những tên đường, tên trường, tên các hội ái hữu được dùng để vinh danh Trương Vĩnh Ký có cần được tháo gỡ và hủy bỏ hẳn để tránh bị lịch sử phê phán hay không?

Thái độ nghiêm túc, dứt khoát và đúng đắn với Trương Vĩnh Ký cũng cần được áp dụng cho những tên tay sai và gián điệp khác như Nguyễn Trường Tộ, Alexandre de Rhodes (cha Đắc Lộ), Trần Lục, Nguyễn Bá Tòng, Ngô Đình Diệm... để hậu thế xem đó như một bài học cần thiết cho việc vun bồi lòng yêu nước.

Dẫu ai vì lý do nào đó mà vẫn còn vinh danh ông, nhưng những hành động Việt gian và gián điệp văn hóa cho thực dân Pháp của họ Trương có thể tẩy xóa ra khỏi lịch sử được không? nhất là những dữ kiện lịch sử ấy lại do chính họ Trương viết.

Bùi Kha

2003

* <<http://sachhiem.net/index.php?content=showrecipe&id=1125>>

*<<http://trancharlie.blogspot.com/2014/08/truong-vinh-ky-phan-boi-to-quoc-sao-lai.html>>

oOo

(1) *Nguyễn Sinh Duy*: Trương Vĩnh Ký, Cuốn sổ bình sanh do Nhà xuất bản Văn học và Trung tâm nghiên cứu Quốc học tái bản năm 2004, được bổ sung nhiều tài liệu và hình ảnh mới. Giáo sư Trần Thanh Đạm viết lời tựa.

* *Pène Siefert* là một linh mục người Pháp.

* *Thư không thấy đề ngày. Còn Ban Duyệt Xét là Hội Đồng Thuộc Địa của thực dân Pháp ở Nam-kỳ.*

* *Người yếu (An Nam) cần dựa vào người mạnh (Pháp) đưa mình lên bằng người khỏe. Còn lâu bọn thực dân mới để cho người Việt bằng với người Pháp.*

(2) Toàn bộ bức thư này được Giáo sư P. J. Honey ở School of Oriental and African Studies, University of London, công bố trong tác phẩm *Voyage to Tonking in the Year of Ất Hợi (1876)*.

357552

VOYAGE
TO TONKING
IN THE YEAR
ẤT-HỢI (1876)

BY
P. J. B. TRƯƠNG-VĨNH-KÝ

Translated and Edited by

P. J. HONEY
*Reader in Vietnamese Studies
in the University of London*

SCHOOL OF ORIENTAL AND AFRICAN STUDIES
UNIVERSITY OF LONDON
Malet Street, London WC1E 7HP
1982

Nội các trang: 123, 124 & 125.

Saigon, le 28 Avril 1876

RAPPORT A L'AMIRAL, par l'entremise de M. Regnault de Premesnil, Chef d'Etat-Major.

Monsieur le Chef d'Etat-Major,

J'ai l'honneur de vous adresser le rapport que vous avez bien voulu me demander sur l'état politique du Tonkin que je viens de visiter. Vous voudrez bien me permettre d'abord le récit rapide de mon itinéraire. Parti de Saigon le 15 janvier sur le croiseur *Duchapaud*, nous touchâmes Tourane pour y déposer deux fonctionnaires annamites; quelques jours après nous arrivions à Haiphong où je quittai le bord. Je fus présenter mes devoirs à M. le Consul de France qui me délivra un passeport avec lequel je partis le lendemain pour Haiduong où je fus reçu avec beaucoup d'égards par Pham-phu-Thu et Nguyen-tan-Doan, le premier gouverneur et le second vice-gouverneur de la province. Ces hauts fonctionnaires me firent en quelque sorte violence pour me retenir auprès d'eux pendant les premiers jours de l'année. J'ai été comblé de politesse. De Haiduong je me dirigeai en palanquin sous la protection d'une escorte vers Hanoi (Ke-Cho). Là j'engageai les ouvriers en incrustation que l'administration m'avait donné la mission de ramener, puis je visitai la ville, les pagodes renommées et les environs, après quoi je me remis en route pour retourner à Haiphong et de là repartir pour Saigon.

A Haiphong, je trouvai le steamer de la maison Landstein, le Whashi, sur lequel je devais prendre passage avec les gens que je ramenais, mais comme le navire devait attendre longtemps encore des marchandises de l'intérieur, je renonçai à suivre la voie de Hongkong qui aurait occasionné des dépenses considérables et, après en avoir prévenu M. le Consul de France, je partis pour Namdinh, chef-lieu de la province de ce nom, d'où je me rendis à Phat-diêm, petit port de mer. Je trouvai là un prêtre indigène qui m'a paru être un homme de valeur, aux idées nettes et fermes et qui, pendant ces derniers événements, a eu assez d'ascendant sur toute la population pour maintenir dans l'ordre la province de Ninh-binh, tandis que l'autorité locale était impuissante. Cu Sau (c'est le nom de ce prêtre) me fit accompagner par mer jusqu'à la rivière de Thanh-hoa et à la citadelle de ce nom. Le long de la rivière je visitai différentes grottes intéressantes.

La province de Thanh-hoa est le berceau de la dynastie actuelle et de celle qui l'a précédée. Après avoir visité rapidement les abords de la ville, je me dirigeai sur la province de Ninh-binh, en franchissant les 3 chaînes de montagne appelées Tam-diép, qui courent parallèlement du Laos à la mer. Ces trois grandes ondulations du sol sont très rapprochées les unes des autres; elles sont à peine séparées à leurs pieds par une plaine d'une centaine de mètres environ, il m'a fallu à peu près une heure et demie pour franchir chacune d'elles. On assure que ces montagnes renferment du zinc dans la voisinage du passage que j'ai suivi. Je ne séjournai que 24 heures environ dans la citadelle de Ninh-binh. Je me rendis de là à Ke-So, résidence épiscopale de Monseigneur Puginier. D'où je partis pour Hanoi et puis à Haiphong où je parvins deux jours trop tard pour profiter du départ de l'Indre. Je fus obligé d'attendre pendant 22 jours à Haiphong le départ du Surcouf à bord duquel j'ai pris passage et qui me débarqua à Saigon le 20 Avril, ramenant avec moi en outre des 2 annamites, qui m'avaient accompagné:

— 5 ouvriers en incrustation dont un ébéniste, 1 apprenti Trang, neveu de Thomas Hon, mon compagnon de voyage.

— 1 jeune homme qui m'a été confié par le clergé indigène pour être mis au collège indigène de Saigon pour y apprendre le français et lui servir plus tard d'interprète. En tout sept personnes.

* * *

Bình luận(8) [Bình luận của độc giả mạng tongiaovadantoc.com]

1. Càng đọc lịch sử về đạo Thiên Chúa, tôi càng thấy có nghe vụ giáo dân Con Cuông. Hỡi ôi! Đạo Thiên Chúa... Xin hỏi các bạn: đạo nào rước giặc phản quốc,

đạo nào làm tay sai cho giặc, đạo nào bùng nổ cho vatican, đạo nào bỏ thờ cúng ông bà tổ tiên-đi thờ 1 thằng Do Thái không rõ nguồn gốc, đạo nào xem thường phong tục cổ truyền Việt Nam, đạo nào có 7 núi tội ác, đạo nào nhồi sọ con nít, đạo nào cưỡng ép cải đạo qua hôn nhân, đạo nào tổ chức can thiệp chính trị, đạo nào “thà mất nước không thà mất Chúa”, đạo nào “nhục nhĩ khi cầm cái hộ chiếu Việt Nam”, đạo nào “theo đạo có gạo mà ăn”, đạo nào phản khoa học, đạo nào “phúc cho ai không thấy mà tin”, đạo nào “tòa thánh đánh rắm cũng thơm”, đạo nào mua chuộc-lừa bịp-dụ dỗ-lôi kéo tín đồ?

CHUNG TỬ ĐƠN (12/08/2012 02:29:28)

2. Tại sao tôi có cảm giác bài viết này chủ yếu đả kích đạo Công giáo vậy? Phần lý do tại sao TVK phản quốc hết 4 ý là xuyên xia Công giáo rồi. Mọi người nên xét lại ý đồ của họ Bùi.

Hà Trần Hà (26/12/2011 13:06:17)

3. Cuối năm những độc giả như tôi có vài món quà rất lý thú là được đọc một loạt 4 bài liên tiếp của Bùi Kha về Nguyễn Trường Tộ và Trương Vĩnh Ký. Chúng tôi chưa thấy ai phản biện các luận điểm mà tôi cho là có cơ sở của Bùi Kha. Viết đến đâu kèm theo bằng chứng đến đó. Thật đáng phục. Nhưng những vấn đề này có nên xem là nhạy cảm hay tế nhị không? Những tên Việt gian bán nước mà cũng được vinh danh như những anh hùng dân tộc, chúng ta cảm thấy có tội với những anh hùng liệt nữ không? Bộ Văn hóa Giáo dục

và Viện Sử học nên lên tiếng đúng sai thế nào? Trước đây tôi có đọc vài bài của tác giả Bùi Kha về cha Đắc Lộ và chữ Quốc ngữ trên Tạp chí *Hồn Việt* do Trung tâm Nghiên cứu Quốc học ấn hành. Ông Bùi Kha có thể gởi cho mạng tongiaovadantoc để độc giả chúng tôi có thêm tài liệu không? Kính tri ân và chúc ông sức khỏe dồi dào, và đừng bao giờ lùi bước trước sự thật. Đất nước cần những người dám nói và nói đúng như ông. Ai thấy BK nói sai nên lên tiếng phản biện. Mai Văn Thế, NT

Mai Văn Thế, Nha Trang (17/12/2011 06:23:24)

4. Tôi nghĩ là các cơ quan chức năng liên hệ nên đặt lại vấn đề đã vinh danh nhằm một số người mà trước đây vì chúng ta thiếu sử liệu. Nếu không thì trắng đen giống nhau. Việt gian mà cùng được vinh danh bằng việc đặt tên trường như một trường Trung học tại Bình Dương, một trường khác tại TP. HCM mang tên ông Việt gian Trương Vĩnh Ký. Hóa ra chúng ta khuyến học sinh noi gương Việt gian sao?

Nguyễn Hùng Cường, TP. HCM (15/12/2011 22:35:16)

Giới sử học phải có tiếng nói rõ ràng, và liêm chính, không phải sợ mang tiếng. Giáo dân cũng có người yêu nước. Đưa những tên Việt gian đặt tên đường, tên trường,... phải nhanh chóng trả lại sự thật cho lịch sử!

Tiến Lên Chánh Việt (15/12/2011 22:05:32)

-
5. Thật là nguy hiểm nếu những nhận định sai trái của cái gọi là các nhà sử học, đặc biệt "các nhà sử học" có dòng máu của CHIÊN, các thế hệ mai sau của con cháu chúng ta sẽ đi lầm đường, không biết đâu mà lần.

Mong Nhà nước mình, ngoài những đầu sách giá trị của Bùi Kha vừa xuất bản, có thêm nhiều đầu sách cùng thể loại, để người dân có dịp tiếp cận với sự thật, dần dà loại trừ cái ngừ sai lầm NHẬN KẼ BÁN NƯỚC LÀM ANH HÙNG! Khủng khiếp quá!

Hai Ho (15/12/2011 20:57:10)

-
6. Ông Bùi Kha và ông Trương Vĩnh Ký ai yêu nước hơn ai? bạn đọc tự suy xét, nhưng tôi nghĩ rằng ông Ký yêu nước hơn ông Bùi Kha, ông yêu nước Pháp, ông phục vụ Pháp, và ông yêu tôn giáo của ông, ông coi dân tộc là cái gì xa lạ,... sao ông Bùi Kha tính lắm cảm hay soi xét kỹ càng thế? Lâu nay, chúng tôi cứ tưởng ông Ký yêu nước mà!

Tuấn Thanh (15/12/2011 15:41:53)

7. Ông Bùi Kha là ai, mà dám viết vậy? Sao giới sử học nước nhà không lên tiếng phản biện, chúng tôi là bạn đọc, rất mong nhận được tiếng nói chính thức của giới sử học

Bùi Long (15/12/2011 15:37:22)

Bài 8

NGÔ ĐÌNH DIỆM, BẦY NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI *

Bùi Kha



Sinh ra trong một gia đình theo đạo Công giáo nhiều đời và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước bị ngoại xâm, hai yếu tố cơ bản và then chốt đó đã tác động sâu đậm lên con người và cuộc đời của Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Làm quan dưới thời Nguyễn mạt, Ngô Đình Diệm thất bại trong việc tranh giành ảnh hưởng với Phạm Quỳnh nên từ chức Thượng Thư Bộ Lại năm 1933. Từ đó ông có một cuộc sống không cố định mà phần nhiều là ở ngoại quốc.

Từ sau nửa năm 1950, ông Diệm đi Nhật Bản gặp Kỳ

Ngoại Hầu Cường Để là một chuyện phụ nhưng thực ra là đề gặp một cựu sĩ quan tình báo Mỹ là ông Wesley Fishel, rồi đến Vatican yết kiến Giáo hoàng Pius XII, người nổi tiếng vì đã từng thúc đẩy chính phủ Hoa Kỳ thả tù 1 đến 6 quả bom nguyên tử xuống Bắc Việt để giải cứu quân Pháp bị quân Việt Minh bao vây tại Điện Biên Phủ năm 1954. Sau đó ông Diệm đến Hoa Kỳ rồi đi Thụy Sĩ, Bỉ, Pháp, đến Vatican lần thứ hai, và trạm cuối là trở lại và ngừng chân lâu dài tại Mỹ từ năm 1951. Trong khoảng thời gian hai năm, ông sống trong hai tu viện Maryknoll, vùng Lakewood, bang New Jersey và Ossining, bang New York. Nhờ sự giới thiệu của người anh ruột là giám mục Ngô Đình Thục, ông Diệm được Hồng y Spellman tiếp nhận, nâng đỡ và tạo cơ hội giao tiếp với dư luận địa phương qua các buổi nói chuyện tại một vài đại học cũng như tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, rồi cuối cùng được lọt vào mắt xanh của một vài chính khách thời đó như Thượng Nghị sĩ Mike Mansfield, John Kennedy, Dân biểu Walter Judd, Chánh án Williams Douglas.... Tháng 5 năm 1953, ông qua Bỉ và sống trong tu viện Beneditine de St. André-les-Purges, năm sau qua Pháp chờ thời trong khi quân Pháp đang bị bại trận tại Điện Biên Phủ.

Pháp thất bại tại Điện Biên Phủ năm 1954, chính sách thuộc địa của Pháp tại Đông Dương qua bao năm xương máu đã đến hồi chung cuộc. Thay chân Pháp, Hoa Kỳ tiếp tục con đường chính trị mới ở Đông Dương mà điểm nóng và then chốt là Việt Nam. Với áp lực của chính phủ Mỹ, nhờ sự can thiệp tích cực của Hồng-y Spellman mà đằng sau là Vatican cùng với sức ép của Phong trào Cộng hòa Bình dân thân Vatican, chính phủ Pháp và Quốc trưởng Bảo Đại buộc lòng phải cử Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng trên nửa phần đất phía Nam bằng sắc lệnh 38 / QT do Bảo Đại ký ngày 16.6.1954.

Điểm lại một vài dấu tích trên hoạn lộ chính trị của Ngô Đình Diệm, chúng ta sẽ thấy hoạn lộ đó nổi bật hai điểm đã

quyết định cuộc đời chính trị thăng trầm của ông. Thứ nhất, Ngô Đình Diệm là một con chiên ngoan ngoãn của Vatican. Thứ hai, Ngô Đình Diệm là con người được lựa chọn để thừa hành chương trình của Mỹ ở Đông Dương sau khi Pháp thất bại.

Bài viết này chỉ giới hạn trong phạm vi truy tầm một số nguyên nhân đưa đến sự thất bại của cố Tổng thống Ngô Đình Diệm. Bài nghiên cứu này cũng không nhằm so sánh Tổng thống Diệm với Chủ tịch Hồ Chí Minh vì tính bất cân xứng và những dị biệt lớn giữa hai nhân vật. Nhưng vì muốn làm sáng tỏ luận điểm **Tại Sao Ngô Đình Diệm Thất Bại**, chúng tôi không thể tránh khỏi một vài đối chiếu lúc nghiên cứu.

Bảy nguyên nhân căn bản đưa đến sự thất bại của Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

MỘT : Tính Truyền Thống

Đối với phong tục và tập quán Việt Nam, một người xuất thân từ một gia đình có truyền thống cách mạng hay một gia đình thuộc giai cấp “thế gia vọng tộc” thì dễ được xã hội chấp nhận và dễ thành công hơn là những người xuất thân từ một gia đình gốc gác mù mờ. Ngô Đình Diệm (1901-1963) xuất thân từ một gia đình Việt gian. Bức thư (viết tay) được tìm thấy trong thư khố Pháp, do giám mục Ngô Đình Thục, anh ruột của Ngô Đình Diệm gửi cho Toàn quyền Decoux cho chúng ta biết gia thế của ông như sau:

(Bản tiếng Việt)

Tòa Truyền giáo Vĩnh Long ngày 21/8/1944

Thưa Đô Đốc,

Một linh mục từ bốn Tòa được phái đi Sài Gòn để lo việc cho chủng viện vừa cho tôi biết rằng hai người em của tôi đang bị truy tố tại Huế. Vì đã lâu không nhận được tin tức gì từ Huế,

tôi không biết là điều tôi vừa được báo cáo có đúng sự thực hay không.

Tuy nhiên, nghĩ đến nỗi đau đớn và sự bất nhẫn rất đúng mà chắc là Đô Đốc đã cảm thấy – nếu sự truy tố các em tôi là có thật, tôi vội viết thư này để bày tỏ với Đô Đốc nỗi đau đớn lớn lao của tôi về việc này.

Nếu hoạt động của hai em tôi được chứng tỏ là có hại cho quyền lợi nước Pháp thì – với tư cách của một giám mục, của một người An-nam, và với tư cách là người con của **một gia đình mà thân phụ tôi đã phục vụ nước Pháp ngay từ khi Pháp mới đến An-nam, và đã nhiều lần đưa mạng sống cho nước Pháp trong các cuộc hành quân mà cha tôi cầm đầu, dưới quyền Nguyễn Thân, chống lại các kẻ nổi loạn do Phan Đình Phùng chỉ huy, tại Nghệ-an và Hà tĩnh**– tôi, tự đáy lòng, không chấp nhận [hoạt động của các em tôi].

Thưa Đô Đốc, tôi tuyên bố như vậy không phải với mục đích bảo toàn địa vị cá nhân của tôi: bởi vì nếu xét rằng cá nhân hèn mọn của tôi có thể phương hại đến quyền lợi của đạo [Thiên Chúa], tôi sẽ vui vẻ rời khỏi Tòa Giám mục này ngay.

Lời tuyên bố của tôi chỉ có mục đích là tỏ cho Đô Đốc thấy rằng lòng tin tưởng triu mến của Đô Đốc [đối với tôi] đã không bị đặt vào một kẻ bất xứng hay vô ơn.

Thưa Đô Đốc, tôi chưa bao giờ tiếc là đã xa Huế như thế này. Giá có mặt ở đây thì tôi đã có thể khuyên răn các em tôi tốt hơn, và khi chuyện xảy đến tôi đã có thể chống lại các chủ đích của các em tôi, nếu quả thật các em tôi có nghĩ đến những dự định có thể gây hại cho quyền lợi nước Pháp.

Có thể tôi lầm, tuy nhiên, thưa Đô Đốc, tôi xin thú thực là **không tin** – cho đến khi được chứng minh ngược lại – rằng các em tôi đã phản lại **truyền thống của gia đình chúng tôi đến**

như thế, một gia đình đã tự mình gắn liền với nước Pháp từ lúc ban đầu, trong khi ông cha của những quan lại bấy giờ hầu hết đều chống lại Pháp và chỉ quyết định thiên về Pháp khi thấy có lợi.

Ngay chính các em tôi đã từng liên tục đưa mạng sống ra vì nước Pháp, trong cuộc nổi loạn của Cộng Sản. Diệm, người em kế tôi, suýt đã phải ngã gục dưới những phát súng của một Hoa kiều Chợ Lớn được phái đến Phan-rang với mục đích hại Diệm, Phan-rang là nơi mà Diệm đã mãnh liệt chống giữ lối xâm nhập vào An-nam của các cán bộ Cộng Sản từ Nam Kỳ phái đến.

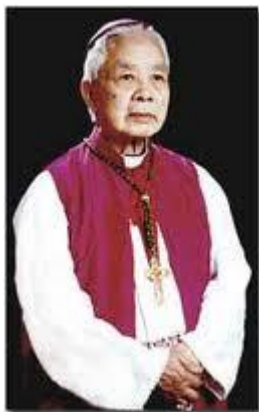
*Lẽ tất nhiên, sự tận tụy của các em tôi trong quá khứ không phải là điều nêu ra để làm cơ mà biện hộ cho hoạt động bất cần của họ ngày hôm nay, nếu sự bất cần này được chứng tỏ là điều đã gây nên tội. Tuy nhiên, tôi không nghĩ là tôi đã làm chuyện vô ích khi kêu gọi đến sự khoan hồng đầy xót thương của Đô Đốc hầu xét với hảo ý trường hợp các em tôi. Đô Đốc không phải là người chỉ xét đến hiện tại mà lại bỏ quên đi quá khứ. Tôi nêu ra điều này khi xét thấy rằng **thân phụ tôi là Ngô Đình Khả đã từng được vinh dự phục vụ nước Pháp dù sinh mạng bị hiểm nguy**, và khi xét đến quá trình lâu dài của các em tôi, một quá trình được hình thành bằng lòng tận tụy vô bờ của các em tôi đối với nước Pháp, mà không sợ phải hy sinh mạng sống của mình cho nước Pháp.*

Thưa Đô Đốc, một lần nữa bày tỏ với Đô Đốc tất cả niềm đau đớn của tôi trong vụ này, tôi xin Đô Đốc vui lòng nhận nơi đây lời kính chào trân trọng nhất của tôi”.

NGÔ ĐÌNH THỰC

(Trích từ: Tạp chí “Lên Đường”, số Ra mắt, Houston, 1989)

Thư viết tay bằng tiếng Pháp của Ngô Đình Thực, gởi cho Jean Decoux, Toàn quyền Đông Dương:



Giám mục Ngô Đình Thực

VICARIAT APOSTOLIQUE
DE
VINH LONG
APPOINCEMENT

Vinh Long, le 21 Août 1944

Amical,

Je viens d'apprendre par un archevêque de son Excellence
envoyé à Saigon pour les affaires de l'Université, que
vous êtes parti pour le Japon et que vous serez
absent de l'Indochine. Je regrette de ne pas vous
voir avant votre départ, mais je ne suis pas en mesure
de le faire, étant occupé par les affaires de mon
diocèse.

Mais, en attendant à la fin de mon voyage et de la
fin de mon séjour à Saigon, je vous envoie de
mon cœur les meilleures pensées et les vœux les plus
sincères pour votre voyage et pour votre retour.

A l'heure présente que deux années à peine nous
séparent de la France, il est difficile de vous
voir, car vous êtes si occupé par les affaires de
votre diocèse, que vous ne pouvez pas vous
occuper de la France. Mais je suis sûr que vous
n'oubliez pas la France et que vous continuerez
de lui envoyer de vos pensées et de vos vœux.



Cette lettre, n'a pas pour but, d'exprimer la
détresse que j'ai éprouvée, mais de vous
montrer que je suis toujours avec vous, et que
je suis toujours avec vous, et que je suis toujours
avec vous.

Je suis sûr que vous n'oubliez pas la France
et que vous continuerez de lui envoyer de vos
pensées et de vos vœux.

Je suis sûr que vous n'oubliez pas la France
et que vous continuerez de lui envoyer de vos
pensées et de vos vœux.

Je suis sûr que vous n'oubliez pas la France
et que vous continuerez de lui envoyer de vos
pensées et de vos vœux.

Je suis sûr que vous n'oubliez pas la France
et que vous continuerez de lui envoyer de vos
pensées et de vos vœux.

Je suis sûr que vous n'oubliez pas la France
et que vous continuerez de lui envoyer de vos
pensées et de vos vœux.

Je suis sûr que vous n'oubliez pas la France
et que vous continuerez de lui envoyer de vos
pensées et de vos vœux.

Je suis sûr que vous n'oubliez pas la France
et que vous continuerez de lui envoyer de vos
pensées et de vos vœux.

(Vũ Ngọc Chiêu sưu tập)

Vicariat Apostolique de Vinh Long (Cochinchine)

“ Vinh Long, le 21 Aout 1944

Amiral,

Je viens d'apprendre par un prêtre de ma Mission, envoyé à Saigon pour les affaires du séminaire, que deux de mes frères ont été l'objet de poursuites judiciaires à Hué. N'ayant reçu de Hué depuis longtemps aucune nouvelle, je ne sais si ce qu'on m'a rapporté correspondait à la vérité.

Mais, en pensant à la peine immense et à la juste indignation que vous avez éprouvée, si ce qu'on leur imposait était fondé, je m'empresse de vous écrire, pour vous exprimer, Amiral, ma grande douleur en l'occurrence.

S'il était prouvé que leur activité a pu nuire aux intérêts de la France, je la désapprouve du fond du coeur, comme évêque, comme annamite, et comme membre d'une famille dont le père a servi la France dès sa première venue en Annam et a exposé maintes fois sa vie pour elle dans les expéditions menées, comme lieutenant de Nguyễn Thân, contre les rebelles commandés par Phan Đình Phùng à Nghệ An et Hà Tĩnh.

Cette déclaration n'a pas pour but, Amiral, de sauvegarder ma situation personnelle: car ce sera avec joie que je quitterai mon évêché si tôt qu'il sera constaté que mon humble personne pourrait porter préjudice aux intérêts de la Religion.

Elle n'a pour objet que de vous montrer que vous n'avez pas accordé votre bienveillante confiance à un indigne ou à un ingrat. Amiral, je n'ai jamais tant regretté mon éloignement de Hué. Là j'aurais pu mieux conseiller mes frères et, à l'occasion, m'opposer à leur desseins, si vraiment ils en ont conçu de nuisibles aux intérêts de la France.

Je puis hélas me tromper, mais je vous confesse, Amiral, que je ne puis croire, jusqu'à preuve du contraire, qu'ils se sont montrés si rebelles aux traditions de notre famille, qui s'était

attachée à la France dès le début, tandis que les aïeux et les pères des mandarins actuels, presque tous, combattaient contre elle, et ne s'étaient décidés pour elle que lorsqu'il n'avait plus que profit à le faire.

Mes frères eux-mêmes ont exposé leur vie continuellement pour la France lors de la révolte communiste. Mon cadet Diệm a failli tomber sous les coups de révolver d'un chinois de Cholon envoyé à cet effet à Phan Rang où Diệm défendait énergiquement l'entrée de l'Annam aux émissaires communistes envoyés de la Cochinchine.

Certes, leur dévouement dans le passé n'est pas l'excuse de leur imprudences actuelles; s'il est prouvé qu'elle est coupable. Mais je crois ne pas faire en vain appel à votre miséricordieuse clémence en leur faveur, qui juge du présent sans pourtant oublier le passé. Celà en considération des services que mon père Ngô Đình Khả a eu l'honneur de rendre à la France au péril de sa vie, et de la longue conduite de mes frères faite d'un dévouement sans bornes à la France, sans peur de sacrifier leur vie pour elle.

En vous exprimant de nouveau, Amiral, toute la douleur que je ressens dans cette affaire, je vous prie d'agréer mes hommages les plus respectueux.

NGO DINH THUC”

Trong bài viết cầu thả vô căn cứ với tựa đề “*Ông Ngô Đình Diệm Dưới Nhân Quan Của Tinh Thần Nho Học*” đăng trên báo *Người Việt* ngày 22. 8. 2003, mục “*Ông Ngô Đình Diệm Người Thừa Hưởng Tiếng Tăm Của Gia Đình*”, tác giả Nguyễn Lý Tưởng viết:

“Người ta nói rằng vua Thành Thái có tư tưởng chống

Pháp một phần chịu ảnh hưởng của ông Ngô Đình Khả vì ông là thầy dạy và là Thượng Thư, rất gần vua... Tất cả các quan trong triều đình trong đó có người là bà con ruột thịt của vua đều ngoan ngoãn đặt bút ký, ngoại trừ ông Ngô Đình Khả, vị Thượng Thư duy nhất và là người Công giáo duy nhất trong nội các đã không chịu ký tên đồng ý đày vua”.

Đoạn văn của ông Nguyễn Lý Tường cho thấy 2 điểm sai. Như thư viết tay của Ngô đình Thực nêu trên đã cho thấy, ông Ngô Đình Khả không bao giờ có tư tưởng chống Pháp như ông Nguyễn Lý Tường nhận bừa mà thật sự đã là một tên Việt-gian tận tụy: ***“đã phục vụ nước Pháp ngay từ khi Pháp mới đến Annam và đã nhiều lần đưa mạng sống vì nước Pháp”***. Thật ra thì chính ông Khả đã tình nguyện để cho thực dân Pháp gài vào **dạy**, cho **làm Thượng Thư**, và **rất gần vua** nên mới biết tư tưởng chống Pháp của nhà vua, sau đó thông báo cho Pháp. Pháp tránh tiếng, nên bắt buộc mấy ông Thượng Thư không thân cận vua ký giấy đày, còn Ngô Đình Khả, một người Pháp tay trong, phải giả vờ phản đối để che giấu việc làm nội gián của mình, nhưng thực sự ông đóng vai chính trong việc đày vua Thành Thái.

Cũng vì muốn đánh bóng, nhưng sử liệu thì tuyệt nhiên không bao giờ có, nên ông Nguyễn Lý Tường đã sơ hở làm lộ thêm một chi tiết quan trọng khác: chức Thượng Thư của Ngô Đình Diệm là do thực dân Pháp ban phát: *“Pháp muốn trả ghế Thượng Thư lại cho gia đình họ Ngô nên đưa ông Ngô Đình Diệm vào Nội Các”* (tr. B6). Là một gia đình Việt-gian, công lưng xin chức và quì gối nhận quyền nên dân chúng thời bấy giờ tóm lược hành động bán nước đó bằng hai câu thơ khinh miệt:

***“Vây cánh Ngô Đình ghê gớm thật
Mềm lưng dõ gối chống lên cao”.***

Một điểm khác cần nói là ông Ngô Đình Khả, một giáo sĩ

tu xuất đã từng được huấn luyện ở Pénang (Mã Lai) để làm linh mục nhưng hoàn tục, ông ta **chưa bao giờ** “là người đã đưa ra chương trình xây dựng trường Quốc Học ở Huế vào năm 1896” và **chưa bao giờ** “là hiệu trưởng” trường này, mong ông Nguyễn Lý Tường nên thận trọng lúc viết, và báo *Người Việt* cũng nên dè dặt khi đăng những bài không có sử liệu.

Trong lúc đó, đối chính của Tổng thống Ngô Đình Diệm (1901-1963) là Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1969) thì xuất thân từ một gia đình hàn Nho, khoa bảng. Thân phụ là Nguyễn Sinh Sắc đỗ Phó Bảng (Secondary Ph.D) năm 1901, làm tri huyện một thời gian, sau bị cách chức vì tuyên truyền chủ nghĩa quốc gia và từ chối không chịu học tiếng Pháp.

Năm 21 tuổi, ông Hồ Chí Minh làm bồi bếp, giúp nấu ăn hay phụ thợ máy trên tàu buôn Latouche Treville của Pháp để trốn khỏi Việt Nam năm 1911. Ông đến Pháp, rồi đến các thương cảng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Địa Trung Hải, Bắc Phi, Congo và Nữ Ước. Lúc sống ở Paris, ông xuất bản tờ báo *Le Paria* nhằm vạch rõ chính sách bóc lột và dã man của thực dân và chủ nghĩa Đế Quốc Pháp (French Imperialism), và kêu gọi các dân tộc bị trị nổi dậy. Năm 1945-1946, thất bại trong nỗ lực yêu cầu Hoa Kỳ và Liên Hiệp Quốc giúp để đuổi thực dân Pháp ra khỏi nước, ông gia nhập Đảng Cộng Sản Quốc Tế. Tháng 9, 1945 ông tuyên bố Việt Nam độc lập, và sau đó lại vào rừng tiếp tục công cuộc kháng chiến chống Pháp.

Năm 1954, Pháp bại trận tại Điện Biên Phủ, và hiệp định Genève chia đôi đất nước, ông làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ vĩ tuyến 17 trở ra, còn ông Ngô Đình Diệm thì từ vĩ tuyến 17 trở vào.

HAI: Chính Nghĩa

Sau khi bại trận tại Điện Biên Phủ, theo thỏa ước Genève, Pháp phải rút về nước, trao trả chủ quyền và độc lập cho Việt

Nam. Mỹ thay chân Pháp với sách lược “*chặn đứng làn sóng xâm lăng của Cộng Sản quốc tế*” mà đứng đầu là Nga Xô. Ông Diệm được Mỹ đưa về làm Thủ tướng rồi Tổng thống một nửa nước Việt Nam với quốc hiệu Việt Nam Cộng Hòa. Dầu biện minh hoặc giải thích thế nào chăng nữa, nhưng đối với tâm cảm và truyền thống của người dân Việt bình thường, thì người Mỹ lại chỉ là một loại thực dân mới trên quê hương của dòng giống Việt không khác gì người Pháp, người Nhật, người Tàu trước đó. Miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chính phủ ông cũng nhận viện trợ của Trung Quốc và Nga để đánh Pháp rồi đánh Mỹ, nhưng thành phần nhân sự của hai quốc gia này không hiện diện trên đất Bắc, nên bộ máy tuyên truyền của miền Bắc đã tiến hành được một đòn tâm lý chiến vô cùng lợi hại cho việc vận động nhân dân tham gia cuộc chiến gọi là “*Chống Mỹ Ngụy cứu nước*”.

BA: Lực Lượng Chủ Chốt Của Cách Mạng

Thời kỳ Pháp chiếm và đô hộ Việt Nam, hầu hết những người Công giáo đều hỗ trợ đắc lực cho thực dân Pháp. Câu nói thời danh của giám mục Puginier, mà tôi lặp lại nhiều lần, sau đây đã mô tả trọn vẹn tâm chất và hành động của một thành phần người Pháp tay trong: “*Không có giáo sĩ và giáo dân, thì người Pháp cũng như của bị bể gãy hết cẳng*” (Sans les missionnaires et les chrétiens, écrit Mgr. Puginier, les Français seraient comme les crabes auxquels on aurait cassé toutes les pattes).

Cũng trong cái nhìn “của phải có cẳng”, viên tình báo cao cấp của Hoa Kỳ là Đại tá Edward G. Lansdale đã vận dụng các kế hoạch nhằm di cư trên bảy trăm ngàn giáo dân từ Bắc vào Nam năm 1954, để cùng với số giáo dân sống ở miền Nam, hậu thuẫn và làm lực lượng nòng cốt cho ông Diệm.

Hầu hết các chức vụ quan trọng trong chính phủ như bộ

trưởng, tỉnh trưởng, quận trưởng và các tướng lĩnh, các chức trọng yếu trong quân đội, Tổng thống Diệm đều sử dụng người Công giáo. Nếu không thể kiếm được người Công giáo ông mới sử dụng đến thành phần các tôn giáo khác, nhưng sau đó đem **bã** công danh vật chất dụ họ cải đạo như Nguyễn Văn Thiệu là một trường hợp điển hình.

Đề gia tăng số lượng tín đồ, mà mục tiêu chính là để làm hậu thuẫn cho chế độ và bành trướng nước Chúa; mở mang biên cương cho Vatican, ông Diệm và chính phủ ông còn dùng các linh mục và bà sơ dụ người vào đạo qua các chương trình giáo dục, cô nhi, ký nhi, và từ thiện.

Tóm lại, lực lượng chủ chốt trong việc đối đầu với miền Bắc là thành phần Công giáo, chiếm 7% dân số miền Nam. Ngoại trừ một số rất ít thuộc thành phần các tôn giáo khác, còn số người Công giáo làm nòng cốt cho Tổng thống Ngô Đình Diệm là thuộc thành phần đã từng theo hay cộng tác đặc lực với Pháp, nay Pháp thua bỏ về nước, họ theo chân Mỹ chạy vào Nam dưới sự hướng dẫn của Đại tá tình báo Lansdale với khẩu hiệu “**Đức Mẹ đã vào Nam**”.

Trong lúc đó, tại miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức lực lượng cách mạng trong mối tương quan của giai cấp nông dân và thợ thuyền khởi đi từ bản tuyên ngôn của Karl Marx (và Engels) năm 1848. Trong đó, lực lượng chủ chốt của cách mạng là thợ thuyền vì Âu châu thời bấy giờ kỹ nghệ đang phát triển. Lúc đến Trung Quốc là một nước nông nghiệp chiếm đa số, và kỹ nghệ còn thô sơ, lại trọng nam khinh nữ, nên khẩu hiệu của Mao Trạch Đông là “**nông dân và thợ thuyền là chủ chốt của cách mạng**”, nhưng đã không nhắc gì đến vai trò phụ nữ trong xã hội.

Tại Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định rằng Việt Nam vẫn còn là một quốc gia nông nghiệp lạc hậu, nhưng số

nhân công thợ thuyền trong các đồn điền cao su, trong các hãng dệt, biến chế... cũng đóng một vai trò quan trọng trong cuộc cách mạng. Và đặc biệt hơn, là trong xã hội số lượng người đàn bà chiếm 50 % dân số. Đàn bà có thể vận tải lương thực, súng đạn, đào hầm... Như thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt qua tầm nhận thức của Mao Trạch Đông về lực lượng cách mạng, ông viết **“không có nông dân, không có thợ thuyền thì không có cách mạng. Từ bỏ nông dân, từ bỏ thợ thuyền là từ bỏ cách mạng. Và từ bỏ nữ giới là từ bỏ nửa công trình cách mạng”**. Còn lực lượng cách mạng của Tổng thống Ngô Đình Diệm là 7 % người Công giáo, như đã nói ở trên thì làm sao tránh khỏi sự thất bại?

BỐN : Gia Đình Trị

Ngô Đình Diệm làm Tổng thống nhưng hoàn toàn thiếu thực quyền. Ông lại tâm đắc với quan niệm *“Cái dù che cái cán”* hay *“Một người làm quan cả họ được nhờ”*. Vì thế, ông **Ngô Đình Khôi**, anh ruột ông Diệm, bị Việt Minh giết vì cộng tác với chính phủ bảo hộ thân Pháp thổi nát và bù nhìn, thế mà Tổng thống Diệm bắt dân miền Nam xem ông như một người ái quốc đã hi sinh vì nước, tang lễ lại nâng lên hàng quốc táng.

Giám mục Ngô Đình Thục, anh ông Diệm và là người con trai thứ nhì trong gia đình, lợi dụng chức quyền của người em làm Tổng thống để bắt các sĩ quan, quận trưởng, tỉnh trưởng và bộ trưởng đi học các lớp nhân vị tổ chức tại Tòa Giám mục Vĩnh Long. Lễ Ngân Khánh ngày 29. 6. 1963 (kỷ niệm 25 năm làm giám mục) được tổ chức như quốc lễ. Các bộ hạ thân tín của giám mục Thục thành lập một Ủy Ban mừng lễ Ngân Khánh gồm các nhân vật như Trương Vĩnh Lễ, chủ tịch Quốc hội kiêm chủ tịch lễ Ngân Khánh, Bộ trưởng Nội vụ Bùi Văn Lương, Bộ trưởng Giáo dục Nguyễn Quang Trình, Viện trưởng Viện Đại học Sài Gòn Lê Văn Thới, Viện trưởng Viện Đại học Huế Cao Văn Luận, và tỉnh trưởng các nơi dĩ nhiên là phải tham gia. Tại

các Bộ, các nha, ty, sở, đại học, quân nhân, công, tư chức khắp 43 tỉnh và thị xã toàn miền Nam đều thành lập các tiểu ban để bán vé, và ép công chức và quân nhân cấp úy trở lên mua vé “Mừng Lễ Ngân Khánh”. (Vũ Văn Mẫu *Sáu tháng pháp nạn* 1963, tr.9, và Hoành Linh Đỗ Mậu *Việt Nam máu lửa quê hương tôi*, California, Hoa Kỳ 1986, tr. 512 & 513).

Giám mục, và em là Ngô Đình Nhu, độc quyền khai thác gỗ quý vùng Long Khánh và dọc đường từ Định Quán đến Lâm Đồng, làm chủ đại thương xá Tax đường Nguyễn Huệ, nhà sách Xuân Thu đồ sộ trên đường Tự Do, cư xá cho thuê ở đường Trần Hưng Đạo, biệt thự sang trọng trên bờ sông Thị Nghè... Từ thượng vàng đến hạ cám, giám mục Ngô Đình Thục đã không từ bỏ bất cứ một cơ hội nào để làm tiền. Lấy ngân sách quốc gia để xây cất Trung tâm Nhân Vị Vĩnh Long, cất nhà cho thuê, xây dựng quán ăn, tiệm giải khát chung quanh trung tâm này để kiếm lợi nhuận. Lợi dụng cơ hội trùng tu nhà thờ La Vang để hốt bạc. Ngô Đình Nhu. “*Tại Sài Gòn, vợ chồng Ngô Đình Nhu có hai biệt thự đồ sộ, một ở đường Phùng Khắc Khoan và một ở góc Pasteur và Hiến Vương. Hai biệt thự này thuộc loại sang trọng nhất nhì Sài Gòn. Tại Đà Lạt, biệt thự nghỉ mát của vợ chồng bà Nhu nguy nga đồ sộ hơn*”, (Tran Van Don, *Our Endless War*, Presidio Press, San Rafael, Ca. 1978, p. 64).

“Ngoài ra, cùng với người anh là Ngô Đình Thục, vợ chồng ông Nhu khai thác rừng gỗ quý ở Định Quán và dọc đường Định Quán – Đà Lạt. Khai thác nước suối Vĩnh Hảo, lông vịt ở Chợ Lớn, phân chim ở các đảo Trường Sa, Hoàng Sa, nhà thuốc Tây O.V.P. Đó là chưa kể thủ lợi qua các chương trình viện trợ của Mỹ, tổ chức các sòng bạc kín và vĩ đại, buôn bán thuốc phiện”.

Trong cuốn *Chính trị thuốc phiện tại Đông Nam Á*: The Politics Of Heroin In Southeast Asia, tiến sĩ **Alfred W. McCoy**, một chuyên viên bài trừ buôn lậu thế giới và đã từng là cố vấn

tại Nha Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An miền Nam Việt Nam, **viết như sau dưới** tiêu mục:

“Triều Đại Diệm và Đảng Cướp Nhu

“Sau khi băng đảng Bình Xuyên bị đuổi khỏi Sài Gòn vào tháng 5. 1955, Tổng thống Diệm, một người Công giáo rất mộ đạo, nhất quyết bài trừ nạn thuốc phiện bằng chiến dịch công khai đốt các bàn đèn, và đóng cửa các tiệm bán thuốc phiện... Nhưng chỉ ba năm sau, chính phủ Diệm đột nhiên thay đổi chủ trương lành mạnh xã hội này bằng việc cho buôn bán thuốc phiện trở lại. Ông Ngô Đình Nhu, em ông Diệm và là giám đốc ngành mật vụ viện cố thiếu tiền trang trải cho các chương trình tình báo. Mặc dù, gần ba năm qua, chương trình viện trợ của Hoa Kỳ và CIA đã cung cấp nhiều tiền cho các hoạt động tình báo của ông, nhưng vì trở ngại về nhân sự và các khó khăn nội bộ nên tòa Đại sứ Hoa Kỳ chỉ từ chối khoản tăng viện do ông Nhu yêu cầu mà thôi.

Nhưng ông Nhu vẫn quyết định cho các Bang Trưởng người Hoa Chợ Lớn mở lại các tiệm bán thuốc phiện và các bàn đèn đã bị đập tắt trong ba năm qua... rồi thành lập đường dây chuyên chở thuốc phiện từ Lào về. Cho nhân viên rải khắp nước Lào để mua thuốc phiện sống và dùng hệ thống hàng không quân sự để chở nhân viên và thuốc phiện đi lại giữa Việt Nam và Lào.

Trong khi Nhu trực tiếp giao thiệp với nhóm Corsicans, thì những điệp vụ tình báo khác được điều khiển bởi trưởng phòng mật vụ, Bác Sĩ Trần Kim Tuyến...” (sách đã dẫn ở trên, tr.159-161).

(Diem's Dynasty and Nhu Bandits

Shortly after Binh Xuyen gangsters were driving out of Saigon in May 1955, President Diem, a rigidly pious Catholic,

kicked off a determined antiopium campaign by burning opium-smoking paraphernalia in a dramatic public ceremony. Opium dens were shut down...However, only three years later, the government suddenly abandoned its moralistic crusade and took step to revive the illicit opium traffic...Ngo Dinh Nhu, President Diem's brother and head of the secret police, that he needed more money to expand the scope of his intelligence work and political repression. Although the CIA and the foreign aid division of the State Department had provided generous funding for those activities over the previous three years, personnel problems and internal difficulties forced the U.S. Embassy to deny his request for increase aid.

But Nhu was determined to go ahead, and decided to revive the opium traffic to provide the necessary funding. Although most of Saigon's opium dens had been shut for three years...Nhu used his contacts with powerful Cholon Chinese syndicate leaders to reopen the dens and set up a distribution network for smuggled opium...

To keep these outlets supplied, Nhu established two pipelines from the Laotian poppy field to South Vietnam...

Nhu supplemented these shipments by dispatching intelligence agents to Laos with orders to send back raw opium on Vietnamese Air Force transports that shuttled back and forth carrying agents and supplies.

While Nhu seems to have dealt with the Corsicans personally, the intelligence missions to Laos were managed by the head of his secret police apparatus, Dr. Tran Kim Tuyen... (p.160-161).

Trong cuốn **Lửa trong hồ**, tác giả Frances Fitzgerald viết:
“Ngô Đình Cần và vợ chồng Ngô Đình Nhu tự hiềm ghì

nhau canh giữ các nguồn lợi - nhân viên của hai phía thường có những cuộc chém giết lẫn nhau vượt khỏi lần mức thù hận truyền kiếp. Tánh hay lo xa, nên bà Nhu đã chuyển tài sản sang các nước Âu châu. Ngoài ra, bà còn là chủ Nhà Hát trên đường Champs Elysees (Paris), một dịch vụ đầu tư lẽ cho những kẻ tự quảng cáo mình là người Công giáo”.

(The two brothers jealously guarded their sources of revenue from each other – their agents occasionally killing each other in an excess of zeal...she owned a large theatre on the Champs Elysées – an odd investment for this most self-advertised of Catholics (**Frances Fitzgerald**, “Fire In The Lake”, NY. 1972, pp. 169 & 170).

Cuốn *Kẻ thù xấu nhất của chúng ta* (Our own worst ennemy), tác giả William J. Lederer viết:

“Các mật báo người Hoa và Thụy Sĩ của tôi cho biết, khoảng 18 tỉ Mỹ Kim do một số tư nhân người Việt gửi vào các chương mục ngân hàng ngoại quốc từ năm 1956. Gần đây một người cộng tác kín cho biết bà Nhu đã mua đứt bằng tiền mặt một ngân hàng lớn thứ nhì tại Paris” (trang 139). Như thế, số tiền 18 tỉ Mỹ Kim ắt hẳn là của vợ chồng bà Nhu, hoặc tiền chung của anh em ông Diệm (Dẫn theo VNMLQHT, tr. 519 & 520).

Cũng nằm trong chiều hướng chạy tội cho nhau, gần đây, cuốn *Những sự thật chiến tranh Việt Nam 1954-1975*, không thấy ghi ngày tháng và năm xuất bản, nhưng được biết sách ra đời vào mùa Hè 2003 tại Nam California, Hoa Kỳ. Tác giả “**chính**” là Tiến sĩ Nguyễn Văn. Tác phẩm này cũng thuộc loại viết cầu thả vô trách nhiệm trong việc đánh bóng cho Ngô Đình Diệm. Tôi sẽ phê bình trong một dịp khác.

Ở miền Trung, **Ngô Đình Cẩn**, em út của ông Diệm, là một lãnh chúa. Vì ít học nên sự tham nhũng và tàn bạo của ông

Cần thuộc loại ngoại hạng. Ông Cần cho người ném lựu đạn vào tiệm thuốc Tây của dược sĩ Nguyễn Cao Thăng đường Trần Hưng Đạo, Huế, để lấy 200 ngàn đồng (bằng 200 triệu thời ông Thiệu). Ông cùng với bà Cả Lễ (chị ruột ông Cần) buôn bán gạo với chính phủ miền Bắc. Dưới trướng có các đảng viên Cần Lao Công Giáo và Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bừa ra khắp nơi nên Ngô Đình Cần tha hồ kinh tài, buôn lậu và nắm trọn vẹn nền kinh tế quốc gia trên toàn lãnh thổ miền Trung và Cao Nguyên. Ông Cần còn cho tay chân thân tín đứng đầu thầu các công trình xây cất lớn như khách sạn, cầu cống, phi trường. Ông làm chủ nhiều khách sạn ở các thành phố lớn và các nơi du lịch như Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Sài Gòn, có nhà bào chế thuốc Tây, có hãng kỹ nghệ bông vải lớn nhất miền Nam, Vinatexco. Ngoài ra, ông còn buôn bán thuốc phiện từ Lào về. Không có một dịch vụ nào kiếm ra tiền mà ông Cần bỏ qua. Từ việc giết những người giàu có để cướp của, vu khống bắt giam và tra tấn cho đến lúc nào nạn nhân dưng hết tài sản cho ông mới được tha mạng (Theo VNMLQHT, tr. 526-530).

Phác họa lại một vài nét tiêu biểu về chính sách gia đình trị của Tổng thống Ngô Đình Diệm, chúng ta thấy rằng anh em ông Diệm, từ ông giám mục đến mấy người em, đã chia nhau quyền hành và quyền lợi để bòn rút tài sản và lũng đoạn quốc gia. Họ không bỏ lỡ bất cứ một cơ hội nào để có được nhiều tiền, không do dự bất cứ một tội ác nào kể cả giết người để làm giàu.

Trái lại, về phía miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh không có thân nhân bà con bên cạnh, không có xe hơi, nhà lầu, không có cửa chìm cửa nổi. Lối sống ấy dễ gây được cảm tình của toàn dân, dễ lôi cuốn những người khác hy sinh cho nghĩa vụ cho chương trình cách mạng của ông.

NĂM: Diệt Các Đảng Phái Và Giáo Phái

Ông Diệm người Quảng Bình, được xem như là người miền Bắc (vì ở bên kia vĩ tuyến 17) vào làm “vua” miền Nam. Với óc địa phương “Nam Kỳ Quốc”, nhiều người miền Nam không ưa. Đã thế, chính phủ Ngô Đình Diệm lại có chính sách đàn áp và tiêu diệt các đảng phái quốc gia, tiêu diệt Cao Đài, Hòa Hảo vốn là hai giáo phái mạnh và được nhiều người miền Nam mến mộ. Tướng Trịnh Minh Thế của Cao Đài bị giết mờ ám, tướng Ba Cụt Lê Quang Vinh của Hòa Hảo bị lừa rồi bị hành quyết, giáo chủ Phạm Công Tắc bị bôi bẩn để triệt tiêu, phải chạy trốn sang Nam Vang. Hành động thiếu sáng suốt biến bạn thành thù đã tạo thành những thế lực chống đối nhà Ngô lúc ngầm ngầm, lúc công khai âm ỉ làm lung lay gốc rễ của chế độ.

Trong lúc đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có chủ trương tôn giáo khôn khéo. Năm 1946 tại Paris, ông đề nghị chương trình **Tam Tự** với các bà con người Công giáo: **Tự Dưỡng, Tự Quản** và **Tự Truyền**; tách rời khỏi sự khống chế quá mức của Vatican. Tại miền Bắc, ông mời giám mục Lê Hữu Từ làm cố vấn, Nguyễn Mạnh Hà (người Công giáo) làm Bộ trưởng Kinh tế trong chính phủ VNDCCH đầu tiên.

SÁU: Kỳ Thị Tôn Giáo Để Bành Trướng Nước Chúa

Ngô Đình Diệm là một con người có đến hai nhiệm vụ. Là một chính khách do Mỹ đưa về, ông phải thỏa mãn đường lối của chủ. Là một tín đồ ngoan đạo, ông có bổn phận bành trướng nước Chúa. Đây là lý do chính để giải thích tại sao ông Diệm và anh em ông ta kỳ thị và đàn áp Phật giáo, một tôn giáo có gốc rễ lâu đời và có số lượng tín đồ đông nhất Việt Nam.

Không riêng gì ở Việt Nam, mà hầu hết bất cứ quốc gia nào, nhất là các nước kém mở mang, lúc trở thành một tín đồ của đạo thờ ngài Giê-Su thì họ có khuynh hướng vọng ngoại, trọng ngoại và thường muốn ly khai với tổ quốc của chính họ. Gần Hoa Kỳ thì có nước **Mễ Tây Cơ**. Gần Việt Nam, nước **Phi**

Luật Tân bị người Bồ Đào Nha chiếm từ thế kỷ 15, cưỡng bách dân Phi trên 80% cải đạo qua Công giáo. Vua Philip của Tây Ban Nha lấy tên mình đặt tên cho quốc gia này là Philippines, có nghĩa là những hòn đảo của vua Philip.

Trong kế hoạch cưỡng bách đổi đạo, các chính quyền Công giáo đã không từ bỏ bất cứ một hành động tàn ác nào. Chính phủ Ustashi của Ante Pavelic là một thí dụ. Quốc gia Nam Tư (Yugoslavia) nằm trên bán đảo Balkan thuộc khối Đông Âu phía nam giáp nước Ý. Nam Tư có đến 6 bộ tộc khác nhau. Chung tộc Serbia có khoảng 8,5 triệu dân, theo Chính Thống giáo. Bộ tộc Croatia có khoảng 4,5 triệu, theo Công giáo La Mã. Bốn bộ tộc còn lại dân số khoảng 7.5 triệu theo Hồi giáo. Tháng 4.1941, Hitler chiếm Nam Tư rồi biến bộ tộc Croatia thành một quốc gia riêng biệt, lập chính phủ mới có tên là Ustashi do một giáo dân cuồng nhiệt, Ante Pavelic, làm Tổng thống với sự hỗ trợ của giáo hội Vatican La Mã. Quân đội Đức Quốc Xã và những đội quân của các linh mục chỉ huy đi lùng bắt và khủng bố để cưỡng bách tín đồ Chính Thống giáo đổi đạo. Chỉ một thời gian khoảng 8 tháng mà có đến 30% dân Serbia bị đổi đạo, và khoảng 1,2 triệu bị giết vì không chịu theo Công giáo La Mã.

Ngô Đình Diệm, một con chiên Việt Nam ngoan đạo, và dòng họ ông ta, không còn nằm trong thành phần vọng ngoại và trọng ngoại nữa mà đã biến thành những người Việt-gian đặc lực.

Cũng vậy, hai thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa, người dân miền Nam Việt Nam không có tự do dân chủ, họ không có quyền chọn lựa người đại diện họ. Hai Tổng thống đều là người Công giáo trong số dân mà họ chỉ có 7%. Đây cũng là một trong những lý do làm cho dân chúng bất mãn chế độ.

Như đã trình bày ở phần đầu, những chức vụ quan trọng

trong quân đội, trong các bộ các ngành, tỉnh trưởng, quận trưởng, viện trưởng, giám đốc, trưởng phòng v.v... đều do người Công giáo nắm giữ. Nếu thiếu không kiếm được người cùng tôn giáo mới bổ nhiệm người các tôn giáo khác. Sau đó, ông Diệm dùng miếng mồi thăng chức, thăng quyền nhanh chóng cho những ai bằng lòng cải đạo. Thí dụ: Ông Trần Văn Lắm cũng nhờ đổi đạo mà giữ được chức Đại biểu Chính phủ tại Nam Phần, về sau làm đại sứ. Nhờ theo Thiên Chúa giáo mà Nguyễn Đình Thuần từ chức Đồng lý Văn phòng Bộ Quốc phòng được thăng lên chức Bộ trưởng Phủ Tổng thống. Đại tá Nguyễn Văn Y nhờ rửa tội nên được bổ nhiệm chức Tổng Giám đốc Nha Cảnh Sát Công An. Nguyễn Văn Thiệu cũng nhờ rửa tội mà lên cấp tá dưới thời ông Diệm, và về sau được Mỹ cho làm Tổng thống Đệ Nhị Cộng Hòa (*Sáu tháng pháp nạn 1963*, Vũ Văn Mẫu, Giao Điểm 2003, trang 53).

Tại các thôn làng, các vùng kinh tế mới, Ấp Chiến Lược, công an mật vụ của ông Diệm, Nhu và Cẩn vu khống, chụp mũ Cộng sản lên đầu dân lành rồi bắt họ bỏ tù. Sau đó, các bà sơ và linh mục, giám mục tìm cách móc nối với gia đình nạn nhân và khuyên họ cải đạo để được thả về còn không thì bị tù rục xương. Có nhiều người thà chết không chịu bỏ đạo nên bị chết trong tù do thương tích tra tấn, hoặc do đổ nước lạnh hay nước xà bông vào miệng, sau đó cai tù đứng lên bụng đập cho nước tràn ra, và tiếp tục làm như vậy cho đến lúc nạn nhân chỉ còn thoi thóp chờ chết.

Đối với toàn thể dân chúng miền Nam, trong 9 năm cai trị, chính quyền Ngô Đình Diệm đã giết và tù đầy dân chúng như thế nào? Trang 89 trong cuốn *Tại sao chúng ta đến đó?*, “Chuyện bàng hoàng về vai trò của Giáo hội Công giáo trong việc gây chiến tranh Việt Nam”, ông **Avro Manhattan**, một cựu bình luận gia chính trị của đài BBC Luân Đôn, người đã viết nhiều cuốn sách thuộc loại bán chạy nhất, tường thuật về chế độ

Ngô Đình Diệm như sau:

“... Từ năm 1955-1960 ít nhất có 24 ngàn người bị thương tích, 80 ngàn bị xử tử hay bị giết, 275 ngàn bị giam giữ, điều tra hoặc tra tấn, và khoảng 500 ngàn bị đưa vào trại tập trung hay trại giam”.

(... From 1955-1960 at least 24,000 were wounded, 80,000 were excuted or otherwise murdered, 275,000 had been detained, interrogated with or without physical torture, and about 500,000 were sent to concentration or detention camps.

Avro Manhattan, Vietnam Why Did We Go? The Shocking Story of the Catholic “Church” Role in Starting the Vietnam War, Chino, Ca. 1984, p. 89). Các con số trên còn cao hơn nữa nếu tính đến ngày chế độ nhà Ngô sụp đổ năm 1963. Và danh từ trại tập trung hay trại giam nói trên, có lẽ là nói đến các vùng rừng thiêng nước độc mệnh danh là Khu Dinh Điền và Ấp Chiến Lược.

BÁY: Không Đáp Ứng Nhu Cầu và Quyền Lợi Của Ngoại Bang

Những ai có sống trên đất Mỹ nhiều năm hoặc có tìm hiểu về chính sách của chính phủ Hoa Kỳ thì sẽ thấy rằng, họ không có bạn cũng chẳng có thù nhưng chỉ vì quyền lợi mà thôi. Thực vậy, lúc cần phải bang giao với Việt Nam, (một quốc gia thù địch số một vì trong suốt chiều dài lịch sử của Mỹ họ chưa bao giờ thua trận tại một nước nào ngoại trừ Việt Nam), thì mặc cho cộng đồng người Việt nước ngoài (nhất là tại Hoa Kỳ) vận động, biểu tình, chống đối, gửi kiến nghị, dâng thỉnh nguyện thư, nhưng chính phủ Hoa Kỳ sau khi bỏ lệnh phong tỏa kinh tế họ lại ký giao thương với chính phủ Việt Nam, họ có bao giờ quan tâm đến những thành phần mang thù hận ngút ngàn hoặc những kẻ Việt Nam vong bản tha hương!

Ông Ngô Đình Diệm sau bao năm hết đến Vatican thì trở lại Mỹ, thôi ở tu viện này lại đến trú tại tu viện khác. Lúc tình

hình chín mươi vì Pháp đã bại trận sau gần 100 năm đô hộ Việt Nam, ông Diệm được Hoa Kỳ đưa về và cho làm Thủ tướng rồi Tổng thống trên một phần đất có hơn 80 % dân chúng khác tín ngưỡng với ông. Nhưng lúc ông Diệm vụng về và lộ liễu trong vấn đề kỳ thị tôn giáo làm cho chính phủ Hoa Kỳ khó ăn nói với thế giới, và nhất là lúc họ biết được ông liên lạc với miền Bắc để kiếm một thể đứng khác, thì chính phủ Hoa Kỳ bỏ rơi ông. Do đó, biến cố Phật giáo năm 1963 chỉ là một phụ lực đẩy thêm cái cánh cửa mục nát đã sứt hết bản lề. Đây cũng là một bài học mà những người làm chính trị cần lưu ý.

Lúc chính phủ Pháp bại trận tại Điện Biên Phủ cũng có nghĩa là lúc Chủ nghĩa Thực dân và phong trào đi chiếm thuộc địa toàn thế giới bị cáo chung. Và sự chiến thắng của quân đội Việt Minh tại Điện Biên Phủ ở miền Bắc Việt Nam cũng có nghĩa là sự thắng lợi của chủ nghĩa Cộng Sản quốc tế. Vì thế, Hoa kỳ thay chân Pháp mà một trong những mục đích chính là chặn đứng sự bành trướng của Cộng Sản quốc tế ở vùng Đông Nam Á, nếu không thì thế ngoại giao của Hoa Kỳ trên chính trường quốc tế bị thu hẹp, các đồng minh khinh thường hoặc dần dần xa lánh, và thị trường của Mỹ sẽ bị giới hạn. Điều đó cũng có nghĩa là quyền lợi của giới tư bản trong chính quyền Hoa Kỳ bị thương tổn, kéo theo sự lung lay thị trường chứng khoán thế giới mà các cổ phần của giới tư bản và cổ phần của các tổ chức tôn giáo Tây phương cũng bị ảnh hưởng theo.

Thực vậy, mặc dầu nói là dân chủ tự do, nhưng không giàu thì không thể trở thành Tổng thống hay nghị sĩ dân biểu trên đất Hoa Kỳ. Bằng chứng là Bộ trưởng Quốc phòng McNamara từng là giám đốc công ty hãng xe hơi Ford, và ngoại trưởng Dean Rusk từng là giám đốc công ty khí giới.

Được đặc cử mà không phục vụ quyền lợi của giới tư bản thì cũng khó sống. Cái giá đó nhiều khi phải trả bằng chính mạng sống của mình như trường hợp Tổng thống Kennedy,

người có dự định rút quân ra khỏi Việt Nam sau khi tái đắc cử nhiệm kỳ 2, trong lúc số khí giới và các sản vật cung ứng cho Thế Chiến Thứ 2 còn tồn đọng quá nhiều chưa có cơ hội tiêu thụ hết để thu lợi nhuận.

Cũng thế, Giáo hoàng Pius XII vận động và đề nghị chính phủ Hoa Kỳ thả từ 1 đến 6 quả bom nguyên tử bậc trung xuống Bắc Việt để giải cứu cho quân đội Pháp bị bao vây tại trận Điện Biên Phủ, cũng nhắm đến hai mục đích chính: Một là Vatican có rất nhiều cổ phần trong tất cả các công ty sản xuất khí giới chiến tranh, mà **khí giới chiến tranh chỉ có thể tiêu thụ bằng chiến tranh khí giới**. Do đó, nếu cuộc chiến Việt Nam chấm dứt thì Vatican và các nhà tư bản có nhiều cổ phần trong các công ty dĩ nhiên là không muốn. Lý do thứ hai là **cần** cuộc chiến và **mượn** tay thực dân để quốc để biến dân Việt Nam thành một quốc gia toàn tông Công giáo (và sau này có thêm Tin Lành) để dễ thông trị: Hình ảnh con **cua gãy càng** là một thí dụ rất chính xác của giám mục Puginier mà chúng ta nên nhớ làm lòng để giữ gìn quốc gia xứ sở.

Ngô Đình Diệm không thể sống vì ông là một người làm công không đáp ứng được quyền lợi của chủ. Nói như thế không có nghĩa là tôi chê bai ông Diệm, mà nếu giả sử chúng ta là ông Diệm thì cũng bị giết chết nếu chúng ta không chuẩn bị cho mình cái thể dân tộc và nhân dân hậu thuẫn từ ban đầu. Nhưng rất tiếc, vì cái thể dân tộc, nếu có, của Ngô Đình Diệm là tập đoàn giáo sĩ và hơn một triệu con chiên thì làm sao đứng vững được? Lý do khác mà người ta bỏ ông Diệm vào hòm cũng chẳng phải vì ông Diệm có tinh thần quốc gia dân tộc và độc lập tự cường như một số người bên vực nhằm, nhưng vì ông Diệm quên rằng khi người ta dẫn ông về thì ông phải biết cái mà người ta **thích** và phải làm cái mà người ta **muốn**. Điều đó tổ tiên đã dạy rất kỹ nhưng chúng ta có lẽ vì học quá thuộc nên quên chẳng: “*Ta về ta tắm ao ta*”.

Thêm vào đó, ông Diệm lại ngằm liên lạc với Chủ tịch Hồ Chí Minh để được “bảo đảm” cái ghế “*Thủ Trưởng Miền Nam trong Liên Bang Việt Nam sau này*”, chứ cũng chẳng phải ông Diệm muốn hai miền thống nhất để tiết kiệm xương máu của nhân dân như một vài tay chân bộ hạ bênh vực thiếu cơ sở. Có người lại không biết sự hứa hẹn cái ghế “Thủ Trưởng Miền Nam” nên lớn tiếng nói rằng “Cụ Còn Thi Miền Nam Không Rơi Vào Tay Cộng Sản”. Để làm sáng rõ vấn đề này và tránh bị chụp mũ “Cộng Sản”, tôi trích một đoạn của giáo sư Tôn Thất Thiện, Tiến sĩ Chính trị học, từng là Bộ trưởng Thông tin chính phủ Việt Nam Cộng Hòa trước 1975, và cũng là một trong những người bênh vực ông Diệm hết mình và chống Cộng “chết bỏ” ở hải ngoại, đăng trên nhật báo *Người Việt*, một tờ báo cũng thuộc loại chống Cộng hung hãn. Báo *Người Việt*, mục Dẫn Đán, California ngày 19. 8. 2003, bài viết có tựa đề “Một Quan Điểm Mới Về Vụ Đảo Chánh Tháng 11, 1963”, giáo sư Tôn Thất Thiện viết:

“Nhìn từ một khía cạnh Á-đông, “thảm kịch Việt Nam” được thấy như sau. Ông Ngô Đình Diệm đã thực hiện được một kỳ công lớn: ông đã dành được một danh vị mà tất cả những người Việt có nguyện vọng làm lãnh tụ quốc gia đều mơ mộng: được công nhận ngang hàng với Hồ Chí Minh. Điều này rõ ràng khi Hồ Chí Minh nói với ký giả cộng sản trứ danh Úc Wilfred Burchett, rằng: “Ông Diệm là một nhà ái quốc theo kiểu của Ông ấy”, và “khi nào anh gặp Ông ấy, anh bắt tay Ông ấy hộ tôi”.

“Nhân dịp Tết, ông Hồ nhờ Ủy Hội Quốc Tế chuyển cho Ông Diệm một cành đào nở hoa. Ông Diệm cho trưng cành đào này trong phòng khách dinh Gia Long cho ngoại giao đoàn thấy. Các nhà ngoại giao lấy việc này làm lạ, vì họ không hiểu rằng dữ kiện này có một ý nghĩa biểu tượng: đó là một biểu lộ sự tôn kính của Hồ Chí Minh đối với ông Ngô Đình Diệm! (Tôi

cho xuống dòng, BK).

“Thêm nữa, qua trung gian Ông M. Maneli, đại diện Poland ở UHQT, Ông Hồ nhắn Ông Diệm rằng, trong liên bang Việt Nam sau này, địa vị thủ trưởng Miền Nam của ông sẽ được tôn trọng”. (Các chữ **ông** trong đoạn trích ở trên có chỗ viết hoa, chỗ không, tôi ghi lại nguyên văn. Và những chữ in đậm là tôi muốn nhấn mạnh, BK).

Nhận xét

Mặc dầu thuộc thành phần chống cộng chết bỏ, nhưng giáo sư Tôn Thất Thiện cũng xác nhận **danh vị** của Hồ Chí Minh là *“một danh vị mà tất cả những người Việt có nguyện vọng làm lãnh tụ quốc gia đều mơ mộng”*. Nhưng rất tiếc là một người có học vị tiến sĩ chính trị, kinh nghiệm trường đời và trên 70 tuổi lại không biết lời ca ngợi Tổng thống Ngô Đình Diệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn này là nhằm mục đích gì? Và phải chăng đó là một sự ca ngợi thật, hay là một đòn tâm lý sâu sắc của một chính khách lão luyện lúc thấy ông Diệm đã đổi chiều?

Đoạn 2, trong lúc biết được ông Ngô Đình Diệm, Tổng thống miền Nam, đang muốn về với **“ta”** nên Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng cho một cành hoa là để gây cảm tình thêm và dụ về cho nhanh, chứ chưa hẳn là người tặng tỏ ra có sự kính trọng người được tặng như giáo sư Tôn Thất Thiện hiểu lầm. Một cành đào mà có thể tiết kiệm được sức lực và xương máu của nhân dân, thì thật là tuyệt chiêu.

Đoạn 3, cho thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh hứa tôn trọng (hứa cho thì đúng hơn, BK) **“chức thủ trưởng Miền Nam”** của Tổng thống Ngô Đình Diệm **“trong liên bang Việt Nam sau này”**.

Giáo sư Tôn Thất Thiện, trong lúc cặm cụi đánh bóng, đã

phơi bày sự giả dối của ông Diệm, và làm cho những ai đã từng ca tụng ông vô cùng thất vọng và choáng váng mặt mày vì lời lẽ và ý tứ, trong đoạn 2 và đoạn 3 nêu trên. Vì bài viết của ông Tôn Thất Thiện đã tố cáo ông Ngô Đình Diệm như sau:

NÓ đang ở bụi này, mặt mũi NÓ là thế đó. NÓ cổ xúy quân dân hi sinh xương máu chống miền Bắc để nó và anh em nó lấy tiền viện trợ chống cộng của Mỹ! Nhưng thực tế, NÓ đã đi đêm với Bắc Việt từ lâu!

Những thành phần cổ xuyên tạc lịch sử, chống Cộng hung hãn trả lời thế nào về chiến dịch chụp mũ và vu khống các giáo phái, đảng phái, các thương gia, nhà văn, nhà báo, nhà giáo, công tư chức... và Phật tử là Cộng sản để tra tấn, bỏ tù hay thủ tiêu họ dưới thời Ngô Đình Diệm? Hành động ông Diệm đi đêm với cộng sản để kiểm cái chức Thủ Trưởng, một lần nữa đã được xác nhận bởi ông Tôn Thất Thiện, một người có học vị cao và liên tục suốt đời không ngớt viết bài ca tụng Ngô Đình Diệm và được các báo chống Cộng và các báo có khuynh hướng Công giáo hơn hờ đảng tải. Chúng ta cũng nên nhớ thêm rằng, hành động đi đêm với miền Bắc của ông Diệm là vì cái chức thủ trưởng Miền Nam chứ không phải vì muốn thống nhất đất nước và tiết kiệm xương máu của nhân dân.

Về hành động đi đêm của Diệm, tuần báo *Newsweek* ngày 24.12. 2001 cũng viết: “*Năm 1963, Chính phủ Kennedy nhận thấy Ngô Đình Diệm Tổng thống miền Nam Việt Nam như là một công cụ của cộng sản và quyết định ‘Diệm phải ra đi’.* Nhân viên tình báo Hoa Kỳ phối trí nỗ lực đảo chánh và đưa đến cái chết của ông ta vào tháng 11”. (1963 The Kennedy Administration begins to see South Vietnamese President Ngô Đình Diệm as a communist tool and decides that “Diem must go”. The CIA engineers coup attempt that eventually lead to his assassination in November.”

Đoạn cuối bài viết nói trên, giáo sư Tôn Thất Thiện tiếp

tục:

“Đáng lẽ người Mỹ phải cho rằng họ may mắn được một người đồng minh cỡ lớn như Ông Diệm, đem lại được hòa bình cho Việt Nam mà đồng thời duy trì được một quốc gia miền Nam Việt Nam riêng biệt và không cộng sản – và như vậy Hoa Kỳ có thể hãnh diện tuyên bố là họ đã “làm trọn sứ mạng” và rút lui trong danh dự. Đáng lẽ họ phải tuyên dương Ông Diệm là anh hùng và cứu tinh của họ. Thay vì vậy, họ đã chủ mưu lật đổ và ám sát Ông. “Thảm kịch Việt Nam” là ở đó”.

Vì ơn mưa móc, nên giáo sư Tôn Thất Thiện dùng những lời rất đẹp để ca tụng Ngô Đình Diệm nhưng hoàn toàn không có chứng cứ. Sau đây là thêm một số dẫn chứng:

Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ (The Pentagon Papers) bản in năm 1971, từ trang 8 đến trang 26 viết:

“Năm 1948 và 1949, mối quan tâm càng được gia tăng tại Hoa Kỳ về sự bành trướng của Liên Bang Xô Viết tại Đông Âu chính phủ Hoa Thịnh Đốn trở nên lo âu việc liên hệ của Hồ Chí Minh với Cộng Sản. Tuy nhiên, một bản điều tra của cơ quan Tình Báo và Nghiên Cứu của Bộ Ngoại giao vào mùa Thu 1948 kết luận rằng cơ quan này đã không tìm được một chứng cứ chắc chắn nào cho thấy Hồ Chí Minh thực sự làm theo chỉ thị của Mác Cơ Va”(In 1948 and 1949, as concern about the Soviet Union’s expansion in Eastern Europe grew in the United States, Washington became increasingly anxious about Ho Chi Minh’s Communist affiliations. Nevertheless, the account disclosed, a survey by the State Department Office of Intelligence and Research in the Fall of 1948 concluded that it could not find any hard evidence that Ho Chi Minh actually took his orders from Moscow) có nghĩa là cho đến năm mùa Thu năm 1948, Hồ Chí Minh chưa hẳn là Cộng Sản. Tài Liệu Mật cho biết thêm:

“Từ tháng 10. 1945, đến tháng 2 năm sau, Hồ Chí Minh

viết ít nhất là tám bức thư gửi cho Tổng thống Truman hoặc cho Bộ Ngoại giao, kêu gọi Hoa Kỳ và Liên Hiệp Quốc can thiệp chống lại chủ nghĩa thực dân.

Tài liệu cho thấy, tất cả các bức thư đó không được trả lời”. (From October, 1945, until the following February, the account continue, Ho Chi Minh wrote at least eight letters to President Truman or to the Secretary of State, formally appealing for United States and United Nations intervention against French colonialism.

There is no record, the analyst says, that any appealings were answered. P. 8).

Nội dung của 2 trong 8 bức thư đó có mấy điểm chính, Hồ Chí Minh kêu gọi:

“(1) Hoa Kỳ ủng hộ Việt Nam gia nhập Liên Hiệp Quốc, (2) giúp Việt Nam độc lập như mẫu Phi Luật Tân, (3) thừa nhận chính phủ lâm thời Việt Nam, (4) có những hành động cần thiết để duy trì hòa bình thế giới, nền hòa bình này đang bị nguy hiểm vì các nỗ lực của Pháp để chiếm lại Đông Dương”.

(In 2 letters, Ho Chi Minh request USA as one of United Nations to support idea of Annameese independence according to Philippines example, to examine the case of the Annameese, and to take steps necessary to maintenance of world peace which is being endangered by French efforts to reconquer Indochina, P. 26).

Tài liệu mật nêu trên mới thật sự cho chúng ta thấy cái “Thảm kịch Việt Nam” chứ không phải “Thảm kịch” là vì Mỹ giết ông Diệm như giáo sư Tôn Thất Thiện nhận lầm. Thật vậy, như tôi đã nói trong một đoạn trước, “Hoa Kỳ không có bạn, không có thù mà chỉ vì quyền lợi mà thôi”. Tài liệu cho thấy, cho đến mùa Thu 1948, Hồ Chí Minh chưa hẳn là cộng sản, mà

Hoa Kỳ là một quốc gia chống Cộng nhưng đâu có ủng hộ các đề nghị chính đáng của Hồ Chí Minh. Vì sao vậy? Vì họ không thể không biết rằng người có tinh thần ái quốc và không thể sai bảo như Hồ Chí Minh thì làm sao mà chính phủ Truman ủng hộ được. Vì vậy mà Hoa Thịnh Đốn và ngay cả Liên Hiệp Quốc do các cường quốc khống chế cũng không trả lời thư của Hồ Chí Minh. Thực tế, nói thẳng thì mất lòng nhưng rất đúng, vấn đề mấu chốt nằm trong câu nói thời danh của giám mục Puginier nhưng cần phải được bổ túc thêm để có được tính phổ quát: *“Không có giáo sĩ, mục sư và giáo dân thì người Pháp rồi đến người Mỹ... như của bị bẻ gãy hết càng”*. Vì thế, chúng ta không lấy làm lạ, Đại Tá Lansdale được chỉ thị phải đem gần 1 triệu người Công giáo từ Bắc di cư vào Nam để làm hậu thuẫn cho ông Diệm, và hai thời kỳ Đệ Nhất, Đệ Nhị Cộng Hòa tại miền Nam Việt Nam, tổng thống là người Công giáo vì dễ sai dễ bảo. Và lúc không vừa lòng thì cũng bị giết. Do đó, mới thấy chúng ta vẫn còn ngây thơ chưa tiêu hóa được câu tổ tiên dạy *“Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn”*. Một điểm then chốt khác, giáo sư Tôn Thất Thiện có học vị Tiến sĩ Chính trị lại tin rằng ông Ngô Đình Diệm có khả năng “đem lại được hòa bình cho Việt Nam mà đồng thời duy trì được một quốc gia miền Nam Việt Nam riêng biệt và không cộng sản” là thêm một nhận định rất sai lầm khác.

Đúng thế, Ngô Đình Diệm xuất thân từ một gia đình ba đời làm Việt gian, phụ tá nòng cốt là mấy anh em tham nhũng trong gia đình, cậy chức cậy quyền, lực lượng chính qui là giáo hội Công giáo Việt Nam và trên một triệu con chiên vừa di cư ngoài Bắc vào, cộng với thành phần đã mai phục sẵn trong Nam. 80 % dân chúng miền Nam còn lại bị đặt trong tình trạng bảo động thường trực vì họ không cùng một tín ngưỡng và lưng không mềm như người đồng đạo của ông Diệm. Thành phần đông đảo này bị chính phủ ông kỳ thị, dụ dỗ rửa tội hoặc vu

không chụp mũ, bỏ tù, tra tấn, giết chết thì lấy ai làm nòng cốt để có được “Một quốc gia miền Nam riêng biệt không cộng sản”. Hơn nữa, lúc Hồ Chí Minh chưa là cộng sản, mà Hoa Kỳ là quốc gia lãnh đạo chống cộng nhưng có ủng hộ ông Hồ không? Và sau 1975, Việt Nam theo chủ nghĩa nào thì chúng ta đều đã biết. Nhưng người Mỹ có bang giao và bắt tay với họ để làm ăn không? Chúng ta cũng đã thấy. Do đó, xin đừng ngây thơ. Họ theo quyền lợi của họ, ta nên tắm nước ao ta. Nói như vậy không có nghĩa là tôi chống hay chỉ trích ai mà chỉ muốn nói rằng không nên ngây thơ, trọng ngoại và vọng ngoại. Vì bất cứ chính phủ nào cũng phải vì quyền lợi quốc gia của chính phủ ấy. Nếu chúng ta làm Tổng thống hay Thủ tướng thì cũng không thể hy sinh quyền lợi của quốc gia mình, ngoại trừ mình là những tên Việt gian bán nước. Tuy nhiên sự khác biệt giữa các lãnh tụ là: Nội chính, biết đặt quyền lợi quốc gia trên quyền lợi cá nhân. Về ngoại giao, tôn trọng quyền lợi của các quốc gia khác để chung sống hòa bình, hay sử dụng luật rừng: **con người là lang sói của nhau?**

TÓM LƯỢC

Những sử liệu nêu trên cho thấy Tổng thống Ngô Đình Diệm xuất thân từ một gia đình Công giáo Ba Đồi Lam Việt Gian, không để lại được một tác phẩm hoặc một bài diễn văn, tự viết, để cho thấy tư tưởng chính trị và chương trình hành động của mình, không tranh đấu và khó nhọc trên chính trường, được thực dân Pháp cho chức Thượng Thư dưới thời Nguyễn mật. Ông ra hải ngoại, sống từ tu viện này sang tu viện khác. Lúc thời cơ đến, ông được ngoại bang bổng về LÀM CÔNG dưới danh vị Thủ tướng rồi Tổng thống để thực hiện chính sách và bảo vệ quyền lợi của CHỦ.

Cộng sự viên thân tín và cũng là những người trực tiếp đẩy ông xuống huyệt là mấy anh em người nhà: tham nhũng, hối lộ, ham quyền, lạm chức.

Lực lượng hậu thuẫn trực tiếp là Giáo hội Công giáo Việt Nam và trên một triệu con chiên. Còn 80 % dân chúng khác tín ngưỡng thì bị đối xử bất công hoặc như kẻ thù, người thì bị tra tấn, tù đầy, cưỡng bách cải đạo, kẻ thì bị giết.

Dối gạt dân chúng, nhất là thành phần quân nhân, để đầu thầu chống cộng thu lượm đô la Mỹ. Không thực hiện được những điều mà CHỦ muốn, lại còn ngằm liên lạc với miền Bắc để kiểm ghé Thủ Trưởng Miền Nam nên bị CHỦ giết. Con người và sự nghiệp của Ngô Đình Diệm giản dị và rõ ràng như thế.

Tuy nhiên, một cách khách quan hơn, chúng ta có thể thông cảm phần nào cố Tổng thống Ngô Đình Diệm vì trong các sử liệu không thấy có ai nói ông tham nhũng hối lộ và cáo buộc ông trực tiếp thi hành các chính sách độc ác bất công. Hầu hết các sử gia đều chỉ nói nhiều về, và nói một cách khinh miệt, anh em ông và chính phủ ông cũng như chính sách của cái tôn giáo mà ông là một tín đồ. Nhưng dẫu có thông cảm đến mức nào đi nữa, thì cố Tổng thống Ngô Đình Diệm phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tất cả những sự thịnh suy của miền Nam trong giai đoạn ông cầm quyền. Ông là một người ngây thơ, đức mỏng nhưng ngời cao, tài hèn mà làm việc lớn thì chắc chắn thất bại. Do đó, những danh từ như anh minh, chí sĩ, hoặc gán cho ông có tinh thần quốc gia, độc lập, chủ quyền, hoặc "*Cụ còn thì miền Nam không mất*" v.v..., tất cả những cái đó đều hư dối, sai với thực tế, cần được bãi bỏ.

Nếu để khen ngợi một người không tham nhũng, thì tôi xin gởi đến cố Tổng thống Ngô Đình Diệm một nén hương lòng. Còn việc tổ chức lễ hàng năm để đánh bóng ông thì hoàn toàn nhằm nhí, cũng như có người muốn vận động làm đài kỷ niệm để tôn vinh một người bất xứng trong tất cả mọi lãnh vực, mà sử liệu đã cho thấy, thì không nên. Hai việc làm thiếu cân nhắc này cần được chấm dứt để khỏi nhục cho cộng đồng người Việt

chúng ta.

Những khủng hoảng rồi ren sau 1963 là lỗi của các vị tướng lãnh không lịch lãm trên trường chính trị. Những rồi ren đó là điều bất hạnh cho các nước nhược tiểu, gồm có Việt Nam, bị làm con cò thí cho ý thức hệ và quyền lợi của các cường quốc. Và sự rồi ren ấy cũng khó ngăn cản được nhất là dưới thời ông Diệm, vì giới tư bản, qua những danh từ hoa mỹ, nhưng không ngoài mục đích cần phải tiêu thụ hết các sản phẩm còn tồn đọng sau Đệ Nhị Thế Chiến.

Do đó, tư tưởng và hành động của tất cả mọi người dân phải đặt trên nền tảng “Ta về ta tắm ao ta”. Ta thương ta là tình thương trung thành hơn cả. Nên **“Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi”** như ông Bụt đã khuyên.

Bùi Kha - Thu 2003

oOo

**<http://thuvienhoasen.org/a16581/34-ngo-dinh-diem-bay-nguyen-nhan-that-bai-bui-kha>*

**<http://sachhiem.org/tacgia-bui-kha/>*

** <http://cuongdaita.blogspot.com/2015/11/nhung-ai-con-tuong-niem-che-o-ngo-inh.html>*

Bài 9

THAY ĐỔI LỊCH SỬ

Bùi Kha

Sau ngày giải phóng, người dân Sài Gòn thấy Nhà nước có một số chương trình thay đổi mang tính văn hoá và lịch sử cao;

đúng với tâm cảm của người dân như, di dời phần mộ của những tên thực dân chôn ở nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi ra khỏi thành phố, đổi tên trường Trung học Trương Vĩnh Ký thành Lê Hồng Phong, vì Pétrus Ký, ngoài việc cộng tác đắc lực với thực dân Pháp, ông còn biên soạn và dịch thuật các tác phẩm văn hoá nhằm giúp Pháp đô hộ và đồng hoá dân tộc ta, như ông đã bày tỏ trong một bức thư gửi nhà cầm quyền Pháp (1), và cũng đổi tên đường Alexandre de Rhodes, thành Thái Văn Lung tại TP HCM. A. de Rhodes là tên gián điệp đội lốt tôn giáo sớm nhất trong lịch sử Pháp xâm lăng Việt Nam (2).

Nhưng sau khi chính sách Đổi Mới ra đời có người lại đổi luôn cả lịch sử bằng một sử quan từ tả khuynh duy ý chí sang hữu khuynh loạn xạ ngẫu. Vì thế, một trường Trung học mới cũng mang tên Trương Vĩnh Ký lại được xuất hiện tại TP. HCM mà hiệu trưởng là một cán bộ Cộng sản cao cấp, ông Hoàng Như Mai. Đường Thái Văn Lung bị đổi trở lại thành Alexandre de Rhodes giữa một thành phố quốc tế mang tên Bác.

Gần đây, một hôm đi qua quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, tôi lại thấy có tên đường Nguyễn Bá Tòng mà tâm hồn chưa xót, chẳng biết mình thật hiện hữu hay trong một giấc nam kha. Vì Nguyễn Bá Tòng là một Giám Mục đầu tiên của Thiên chúa giáo Việt Nam và cũng có lẽ là người Việt đầu tiên được chính phủ thực dân tặng cho Đệ ngũ đẳng bảo quốc huân chương, vì ông có công đóng góp rất to lớn trong việc Pháp xâm lăng và cai trị nước ta. Giám Mục Nguyễn Bá Tòng trong bài cảm ơn Pháp tại buổi lễ trao tặng huân chương đã phát biểu *“...tỏ lòng trung thành con dân Việt Nam đối với mẫu quốc đại Pháp...”* (3). Giám Mục Tòng còn thành lập khu tự trị Phát Diệm để chống lại Việt Minh đang kháng chiến chống thực dân Pháp.

Chưa hết, tên đường Nguyễn Trường Tộ, một đại Việt gian khác, núp sau bức màn “CANH TÂN” mà những những nghiên cứu gần đây đã cho thấy (4), vẫn còn tồn tại ở nhiều tỉnh thành

và TP. HCM. Ở Huế thì có trường trung học mang tên ông Việt gian này cũng đang tro gan trên đất cố đô.

Qua chính sách đổi mới mà một số người đã vô tình đổi luôn lịch sử để tái vinh danh hay còn tiếp tục vinh danh những tên đại Việt gian vừa kể.

Việc làm thiếu nghiên cứu này chẳng lẽ, chúng ta ngầm khuyến khích con em, nhất là thế hệ trẻ, nên noi gương những tên Việt gian bán nước hay sao? Và công trình của Bác và Đảng cũng như xương máu mà các chiến sĩ và toàn dân hy sinh để đánh đuổi thực dân Pháp, đuổi “đế quốc” Mỹ mang lại độc lập và hòa bình cho quê hương là phí phạm vô nghĩa sao?

Nên chăng, đã đến lúc các sử gia, Viện Sử học Hà Nội và Bộ Văn Hoá nên xem xét lại vấn đề rất quan trọng nêu trên, vì nó ảnh hưởng đến uy tín Việt Nam và tủi thân cho những người đã hy sinh vì tổ quốc.

Bùi Kha,
13.3.09

Ghi Chú

1. Thư Trương Vĩnh Ký viết cho Pháp ngày 12.1.1882. Xin Xem “*Cuốn sổ bình sinh của Trương Vĩnh Ký*”, Nguyễn Sinh Duy, NXB Nam sơn, tháng 3 ,1975.
2. www. Sachhiem.net, Bùi Kha, *Biện chính* với ông Nguyễn Đình Đầu.
3. Mục “*Hội hè của người Thiên Chúa Giáo*” trong cuốn “*Hội hè đình đám*”, Toan Ánh. Sau khi được tướng Jean Decoux thay mặt Thống tướng Petain, Quốc trưởng Pháp, trao tặng đệ ngũ đẳng huân chương tại nhà thờ Phát Diệm ngày 3.12.1940.
4. “*Nguyễn Trường Tộ yêu nước?*” Bùi Kha và Trần Chung Ngọc, GĐXB, 2002.



Tác giả Bùi Kha (bút hiệu khác: H ông Quang, Nguyễn Kha, Nguyễn Đăng Lâm, Hồng Ngọc...)

Sinh năm 1949 tại tỉnh Quảng Trị, Việt Nam. Du học Hoa Kỳ năm 1974.

Một trong những sáng lập viên Hội Từ thiện và báo Giao Điểm.

Tác phẩm:

- *Nguyễn Trường Tộ Sau Bức Màn Canh Tân.*
- *NGUYEN TRUONG TO, HIDING BEHIND THE BANNER OF REFORM, Colonialism & Catholicism in the French Occupation of Vietnam* (sắp xuất bản).
- *Alexandre de Rhodes, Chữ Quốc Ngữ Và Quan Điểm Chính Trị.*

- *Tuyển tập Bùi Kha*: Alexandre de Rhodes, Trương Vĩnh Ký, Trần Lục, Ngô Đình Diệm.

Nhiều bài thuộc loại khảo cứu, tham luận, đối luận, dưới nhiều bút hiệu khác nhau, đăng báo, sách và trang nhà điện tử trong và ngoài nước:

- *Những đại pháp nạn của Phật giáo Việt nam*. “Phật giáo trong thế kỷ mới, Tuyển tập 1”, Giao điểm xuất bản, Hoa kỳ, 1996

- Tham luận: “*Vài nét về Phật giáo Tây phương để suy nghĩ về mười vấn đề cấp thiết của Phật giáo Việt nam.*” Đọc tại Đại hội Phật Giáo toàn quốc, tháng 12. 2002 tại Hà nội, Việt nam. In trong tác phẩm “Phật giáo trong thời đại chúng ta”, nhà xuất bản Tôn giáo, TP.HCM, 2004.

- Tham luận: “*Năm ước mơ của một Phật tử và mười điều cấp thiết mà Phật giáo Việt nam không thể thiếu.*” Hội thảo “Phật giáo trong thời đại mới, cơ hội và thách thức”. Viện nghiên cứu Phật học, TP. Hồ Chí Minh, Việt nam, tháng 7. 2006. In trong “Phật giáo trong thế kỷ mới. Tại sao phải chấn hưng?” Tuyển tập 3. Giao điểm, 2006.

- *Phật Giáo có hại cho việc phát triển kinh tế?*

<http://quangduc.com/author/about/1521/hong-quang>